



ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ  
(Bát thập tứ niên)  
Tòa-Thánh Tây-Ninh

Tập-San

# THẾ ĐẠO



- \* Con Đường Thiêng Liêng Hàng Sống  
(Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thuyết giảng)  
(Bản dịch Đào Công Tâm & Chris Harney)
- \* Sự thành hình của vũ trụ” (HT Bùi Đắc Hùng)
- \* Những quan niệm sai lầm về tôn giáo & Chính trị.” ( Nguyễn Anh Tuấn)

Tập mới

số 39

01-2009



# TẬP SAN THẾ ĐẠO

## I-TÔN CHỈ - MỤC ĐÍCH

*Tập San Thế Đạo* truyền bá Tôn Chỉ và Mục Đích của Đạo Cao Đài, phổ biến ánh sáng Chơn lý của Đạo đến mọi tầng lớp Nhơn sanh để mọi người hiểu biết thương yêu nhau, ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong *thời Chuyển thế*.

## II- CHỦ TRƯỞNG

*Tập San Thế Đạo* là Cơ quan Ngôn luận của Tín đồ Cao Đài đi theo Tôn Chỉ và Đường lối của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh.

*Tập-San Thế Đạo* xin đón nhận tất cả các bài viết và ý kiến đóng góp của quý Đồng đạo, quý Đạo tâm và quý thân hữu bên ngoài Đạo có cùng chung mối quan tâm phục vụ Dân tộc, nhơn sanh và xã hội.

Bài vở trên *Tập San Thế Đạo* có mục đích xây dựng lợi ích chung cho Dân tộc, Đạo pháp và xã hội, không mang nội dung bài kích cá nhân hay tập thể. Mọi quan điểm dù có khác biệt nhau cũng được tôn trọng miễn không vi phạm đến Tôn chỉ và Đường lối của Đại Đạo và không đi ngược lại truyền thống cao đẹp của Dân tộc Việt Nam.

*Tập San Thế Đạo* là nơi trao đổi tin tức và kinh nghiệm hành đạo giữa các cơ sở Đạo Cao Đài khắp nơi trong nước và Hải ngoại, đồng thời cũng là dây liên lạc, trao đổi sự hiểu biết, hợp tác thân hữu với các Tôn giáo bạn, các đoàn thể cùng các tổ chức xã hội, các tổ chức nhân đạo có cùng mục đích chung là phục vụ nhân loại.

*Tập San Thế Đạo* có đầy đủ mọi thể loại bài viết nghiên cứu Đạo học, Triết học, Tâm lý học, Sử học, Văn hóa, Khoa học kỹ thuật, cùng thơ văn, truyện ngắn v.v., và các tin tức liên quan đến đời sống hằng ngày.

**Tập-San Thế-Đạo**

# **TẬP SAN THẾ ĐẠO**

## **Chủ Trưởng**

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

## **Chủ Nhiệm**

HT Nguyễn Ngọc Dũ

## **Chủ Bút**

Tố Nguyên

## **Phụ Trách Kỹ Thuật**

Ngọc Dao - Thanh Điền

## **Phụ Trách Phát Hành**

Duy Hòa

## **Cộng Tác Thường Xuyên**

B.S Nguyễn Văn Tho -TS Nguyễn Anh Tuấn

Lê Văn Thêm- Mai Văn Tâm-Bạch Y

Duy Văn-Nguyễn Trung Đạo-Tố Nguyên

Trần Công Bé-Song Nguyên-Vân Dương

Quang Thông-Đạt Thông Dương Văn Ngừa.

## **Yểm Trợ**

Bài vở gửi đăng & Tài Chánh yểm trợ  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại/ Tập San Thế Đạo  
xin gửi về:

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

**3076 Oakbridge Dr**

**San Jose, CA 95121-1716**

Phone: 408-238-6547 & 408-262-4209

Fax# 408-440-1372

Email: dutani@comcast.net

[www.banthedao.org](http://www.banthedao.org)

# Mục Lục



1- Chúc Tết Kỷ Sửu ( 2009) . . .	03
2-Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống ( Đức Hộ Pháp) . . . . .	06
3-The Divine Path to Eternal Life. (Bản dịch Đào Công Tâm &Chris Barney)	28
4-Thử tìm hiểu Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống (HT Hồ Hoàng & HT Kim Minh)	56
5-Thiên Phong Chức Sắc ( HT Nguyễn Trung Đạo) . . . . .	78
6-Dâng hiến xác thân là hành hạnh Bồ Tát (HT Lê Văn Thêm) . . . . .	96
7-Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại . . . . .	107
8-Danh sách đồng đạo. thân hữu và các cơ sở yểm trợ Tập San Thế Đạo . . . . .	109
9-Chúc Mừng- Phân Ưu . . . . .	112
10-Nho Giáo đại cương ( tiếp theo) ( Nguyễn Ước) . . . . .	119
11-Tin tức đạo sự tóm lược . . . . .	135
12-Tang Lễ và Thực hành Lễ Tang trong Đạo Cao-Đài . ( HT Nguyễn Trung Đạo) . .	142
13-Tôn Chỉ và Mục đích Đạo Cao-Đài. . . ( HT Trịnh Q. Thế & HT Nguyễn Ng.Nương)	156
14-Nhìn lại bi kịch của con người trước tội ác của quyền lực chính trị và những quan niệm sai lầm về tôn giáo và chính trị. ( Tiến Sĩ Nguyễn Anh Tuấn) . . . . .	165



# CHÚC MỪNG NĂM MỚI



Nhân dịp Xuân Kỷ Sửu ( 2009) về Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo kính chúc:

- \* Chư Chức Sắc Thiên Phong,
- \* Quý Hiền Tài / Hiền Tài Dự Phong Ban Thế Đạo,
- \* Quý Hiền Huynh Hiền Ty' Chức Việc Bàn Trị Sự ,  
Chức Việc Bàn Cai Quản ,
- \* Quý Đồng Đạo trong nước cũng như tại hải ngoại,
- \* Quý thân hữu và Quý bảo trợ viên :

những lời chúc tốt đẹp chân thành nhất:

**MỘT NĂM MỚI ĐẦY HỒNG AN CỦA  
ĐỨC CHÍ TÔN , ĐỨC PHẬT MẪU  
& CÁC Đấng THIÊN LIÊNG**

Nguyện cầu Hội Thánh sớm tái lập quyền theo đúng  
Chánh Truyền Chơn Pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

San Jose, ngày 15-01-2009,  
TM. Ban Thế Đạo Hải Ngoại  
& Tập San Thế Đạo

HT Nguyễn Ngọc Dũ



**Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc**

## **Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống** **Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc**

**(Tiếp theo TSTD số 36 + 37+ 38 )**

### **12.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh** **Thời-Tý, đêm 5-11 năm Mậu-Tý ( 5-12-1948 )**

#### **QUYỀN-NĂNG BẢO-VỆ PHẦN HỒN CHÚNG-SANH** **CỦA TÔN-GIÁO**

Hôm rày đình thuyết cuộc dục tấn của chúng ta trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống, hôm nay Bản-Đạo giảng tiếp. Nhưng trước hết, Bản-Đạo cho cả toàn con cái của Đức Chí-Tôn như là Thánh-Thể của Ngài tức Hội-Thánh hay rằng Đức Cựu Hoàng Bảo-Đại vừa gởi cho ông Nguyễn-Hữu-Trí tức là một vị của Chánh-Phủ Trung-Ương Lâm-Thời Việt-Nam phái đi làm quan-sát viên, dự Hội-Nghị Liên-Hiệp-Quốc, nhưng Đức Bảo-Đại chưa cho ông dự Hội-Nghị, vì chơn tướng độc-lập và thống-nhứt của Việt-Nam chưa thành hình, chưa có thể dự Hội-Quốc-Liên được. Ngài gởi cho ông ba bức thơ tỏ vẻ đầy đủ hy-vọng về sự đòi hỏi sẽ toại nguyện đem lại độc-lập và thống-nhứt cho nước nhà. Ngài yêu cầu toàn quốc-dân hiệp nhau, đừng quá trọng đảng phái chánh-kiến mà nên trọng tương-lai của Quốc-Gia, phải có lòng ái-quốc chơn chánh, chung tâm hiệp sức vừa giúp Ngài thì Ngài mới có thể tạo hạnh-phúc cho nước nhà và cho chủng-tộc. Ấy là lời than của một vị Đế-Vương. Ngài nói rằng: Nếu tôi đoạt được cái sở vọng của toàn-thể đồng-chúng ta đảng, chẳng qua là nhờ ở tâm-lý cương quyết của Quốc-Dân mà đoạt được, tạo quốc cũng do Quốc Dân, mà định vận mạng tương-lai của nước nhà cũng do Quốc-Dân đó vậy. Một vị Đế-Vương đã kêu gọi, toàn-thể bá tánh hiệp sức với người đảng lo tạo thành hạnh-phúc, tương-lai của nòi giống và cho nước, Bản-Đạo tưởng lại duy có kẻ điếc, đui mới không biết phận-sự mình đối đãi với



nòi giống mình, với nước nhà mình như thế nào?  
Hôm nay Bần-Đạo tiếp giảng cuộc dục tấn trên con đường  
Thiên-Liên Hằng-Sống.

Chúng ta ngưng bước từ hôm rày nơi Cung Hiệp-Thiên  
Hành-Hóa, Cung ấy có liên-quan tới phần hồn của nhơn-loại  
nhứt là về Đạo-Giáo tinh-thần, nên chúng ta ngưng lại đó đặng  
quan-sát cả hành-tàng của Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa như  
thế nào?

Ta gặp các Đấng Trọn-Lành nơi Cung ấy lãnh đảm-nhiệm  
trọng yếu là bào chữa cho các đấng linh-hồn được siêu-thoát.  
Chúng ta hỏi về năng-lực của các Tôn-Giáo, đương nhiên sanh-  
chúng đang theo dõi đặng tạo tâm hồn của mình, các Tôn-  
Giáo ấy có đủ quyền-năng bảo vệ tương-lai phần hồn của sanh-  
chúng chẳng? Ta sẽ thấy các Đấng ấy cười và nói rằng: Thoảng  
nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa này đòi phen mời các vị Giáo-  
Chủ ấy đến hiện-diện đặng chứng kiến một án-tiết gì của các  
Tông-Đồ họ thi thố tại thế, đương nhiên tôi xin chư Hiền-Hữu  
đừng lấy làm lạ.

Vả chẳng các vị Giáo-Chủ, lập giáo đều nương nơi một  
tinh-thần của họ, tinh-thần hữu-định ấy có căn nguyên trong  
tinh-thần của toàn nhơn-loại. Họ chỉ lấy một thuyết trọng yếu  
đặng làm triết-lý Đạo-Giáo của họ, tở như Thánh-Giáo Gia-  
Tô lấy tâm làm căn bản, Lão-Giáo lấy thân làm căn bản,  
Hồi-Giáo lấy tín-ngưỡng làm căn bản, mỗi Giáo-lý đều có sở  
năng làm trung-tâm điểm đặng vi-chủ tinh-thần của con người  
trong chỗ khuyết-điểm của họ.

Thoảng có một vị tu chơn theo Phật-Giáo, chẳng noi theo  
tánh đức nhà Phật là Từ-Bi Bác-Ái, chỉ biết một điều trọn  
kiếp sanh đem thân phụng sự cho nhơn-loại, cho chúng- sanh.  
Sang, trọng, vinh, hiển họ coi như nước chảy, như giọt sương  
đầu cỏ. Sang trọng như Phật, xuất thân nơi nhà Đế-Vương mà  
còn bỏ hết, mang Bình-Bát đi hành-khất đặng mà chi, để làm  
gì? Ngài hành-khất đặng của bố-thí, tạo Cấp-Cô-Độc-Viên nuôi  
kẻ nghèo đói. Mảnh áo Ngài không muốn mặc sang trọng hơn

kẻ khó khăn. Tánh-đức của Phật là ăn mày, mà ăn mày như thế ấy siêu thoát tinh-thần làm sao!

Thoảng một vị Giáo-đồ nhà Phật lấy căn bản hành-khất ấy dựng tạo một cảnh chùa rồi ngồi đợi chúng-sanh đem của bố thí tới dựng ăn mà sống, ngoài ra nữa, còn lường gạt tâm-lý của các Tín-Đồ, đem cả mầu-nhiệm Thiên-Liên của Phật dạy làm một món khí cụ dựng dọa nạt, hù nhát kẻ Tín-Đồ, duy có một phương hù nhát mà thôi. Lập ra cửa Phong-Đô có hình khảo ghê sợ dựng dụ-đỗ họ nơi Niết-Bàn mà kỳ trung chưa hề phụng-sự chúng-sanh như Phật, đến khi về cửa Thiên-Liên nói: Tôi theo tôn chỉ nhà Phật, mà Phật đã đoạt-vị, tôi cũng phải được đoạt-vị như Phật vậy chớ! Hỏi vậy chớ Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa mới đem lý-thuyết nào, bằng cơ nào dựng bảo-vệ cho kẻ ấy nơi Cực-Lạc Thế-Giới và Ngọc-Hư-Cung dựng.

Nói về Tâm: Đức Gia-Tô truyền Thánh-Giáo tại thế, Ngài lấy tâm làm căn bản, vì lòng yêu-ái vô tận của Ngài đối với chúng-sanh. Ngài nói với một mảnh tâm chơn thật của Ngài, Ngài có thể làm con vật hy-sinh dựng tế-lễ Chí-Tôn, Ngài xin mang cả tội tình của loài người vào mình cũng như con dê hy-sinh (Le bouc Emissaire) mang cả tội tình cho nòi giống. Ngài đã mang cả tội tình ấy mà chịu chết trên cây Thánh-Giá dựng cứu rỗi nhơn-loại. Vì một mảnh tâm yêu-ái vô cùng tận mà Ngài chỉ biết sống với tình thương vô tận đó mà thôi, Ngài chỉ biết sống đây, mạng sống để trong tay của chúng-sanh, dựng làm con vật tế Đức Chí-Tôn, và vì Đức Chí-Tôn mà thôi, chơn-lý của Ngài là vậy, tâm Thánh của Ngài vô cùng tận.

Thoảng các môn-đệ của Ngài về tới Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa nói: Tôi thương chúng-sanh như Thầy tôi, tôi noi theo chơn-truyền của Thầy tôi tức là Đức Chúa Jésus Christ, tôi cũng đem mảnh tâm dựng hiến cho Chí-Tôn vậy, nhưng tinh-thần của họ không mảy may yêu-ái chúng-sanh, trái lại họ cầm quyền-năng gọi là nhơn danh Đức Chúa Trời tha tội cho nhơn-loại, cầm quyền ấy dựng vi-chủ tinh-thần loài người.

Nơi cửa Hiệp-Thiên Hành-Hóa ấy chúng Tín-Đồ nói: Tôi theo dõi chơn Chúa, làm tôi cho Chúa, gìn chính-sách của Chúa, đem mảnh tâm làm môi giới đặng cứu khổ chúng-sanh, mà kỳ thật xét đoán chơn-lý cao siêu của Đức Chúa Jêsus Christ, hành-tàng của họ thì thối không ăn thua chi cả, hỏi vậy, nếu Ngọc-Hư-Cung và Cực-Lạc Thế-Giái vẫn nạn các Đấng Trọn Lành nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa về những hành-tàng của các Tín-Đồ trái ngược lại Đạo-Giáo của Thầy họ, các Đấng Trọn Lành ấy trả lời thế nào với hai quyền năng Trị-Thế và Giác-Thế.

Nói đến Trí: Khổng-Giáo lấy Trí làm căn bản, Trí thực muôn hình ngàn trạng, đem cái triết-lý cao siêu ra tạo xã-hội nhưn-quần không phải dễ. Đức Khổng-Phu-Tử phải dùng Trí đặng tự-tu kỳ thân. Có tự-tu kỳ thân đặng mới đủ quyền-năng yêu-ái giáo-hóa các chơn-linh tức là các nhưn-loại đặng trọn lành, đến tội bực lành là Chí-Thiện. Trái ngược lại môn-đồ của Ngài nương nơi trí-giác ấy làm căn bản, học nhiều thấy rộng, nói cho hay cho khéo, lấy cả tinh-thần cao thượng đặng hài-hước nơi lỗ miệng, còn thật chơn-lý không ai làm đặng. Những kẻ ấy về Ngọc-Hư-Cung kêu nài nói, tôi theo Đạo-Giáo của Đức Khổng-Phu-Tử, đào luyện trí-thức, tôi biết trọng nhưn-luân phẩm-cách, biết giữ-gìn luật-lệ của Thánh-Giáo di-truyền, tôi cũng có quyền đứng vào phẩm Thánh, Tam-Thập-Lục Thánh thế nào, tôi cũng phải được thế ấy, chớ có lý do nào tôi về đây lại bài-bác tôi ra khỏi cửa Khổng-Giáo đặng chẳng? Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa tính lẽ nào đây? Nó noi theo Đức Khổng-Phu-Tử đào tạo tinh-thần, tôn trọng Thánh-Giáo, phục tùng giáo-lý của Ngài, sự thật chẳng thực-hành gì cả mà trái ngược lại, họ lấy trí-thức để giục loạn làm cho xã-hội điên đảo, lấy trí-thức ngồi liếm bút lông mèo xúi thiên-hạ kiện cáo nhau, lấy văn-chương làm cho ly-dị chồng vợ người ta, dùng miệng lưỡi lường-gạt kẻ dốt nát, mượn ngòi bút nó dám bán cả sanh mạng của con người, hỏi những kẻ đó Đức Khổng-Phu-Tử có

nhìn không? Chắc chắn không nhìn, khi Ngài đến Cung Hiệp-Thiên-Hành-Hóa đặng vi-chứng vụ án đó.

Trong ba bằng cứ vừa kể đó Bản-Đạo quả quyết rằng, các vị Giáo-Chủ đã tạo ra các nền Tôn-Giáo, tinh-thần của họ cũng chỉ biết phụng-sự cho nhơn-loại. Mà hại thay! hại thay! Cơ-quan của họ đào tạo tinh-thần của loài người với tinh-thần trí-thức của họ, họ chịu khổ hạnh, muôn cay ngàn đắng, trọn kiếp sanh đào tạo cho đời, rốt cuộc cả triết-lý Đạo-Giáo thay vì tạo hạnh-phúc cho nhơn-loại, trái ngược lại đã làm khí cụ cho kẻ vô tâm lợi dụng đặng lường gạt tinh-thần nhơn-loại hơn nữa. Thay vì làm phước họ đã làm tội. Tội nghiệp thay, nếu Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa chiếu luật “Tội vi trường” thì các vị Giáo-Chủ ấy chưa chắc ngồi yên trên Liên-Đài của họ đặng, và nếu như nơi cửa Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa ấy là Tòa-Ngự của các Đấng Trọn-Lành, đặng bào chữa cho các đấng linh-hồn siêu thoát, mà các Đấng ấy nếu còn chút phàm tâm, thì chưa chắc gì các vị Giáo-Chủ ngồi yên, cứ hầu tòa mãi mãi thôi. Tín đồ các Đạo-Giáo tạo thành, thay vì làm cho Giáo-Chủ của họ thêm danh-dự, lại gây tội tình thêm nữa.

Lời tục nói: Không ai hại mình nhiều hơn là kẻ thân yêu của mình. Có một điều Bản-Đạo xét đoán lấy làm sợ-sệt hơn hết là nền Tôn-Giáo của Đức Chí-Tôn lấy Tinh-Thần làm căn-bản, hỏi vậy, tinh-thần của nhơn-loại hiện ở dưới quyền áp bức của văn-minh vật-chất, tinh-thần ấy có đủ quyền-năng tự-vệ lấy họ chẳng? Tinh-thần họ có đủ lực lượng chiến thắng chẳng? Nếu thoảng tinh-thần của nhơn-loại không quật khởi lên, tự-quyết, tự-chủ, tự định phận đặng mà phải chịu làm nô-lệ cho văn-minh vật-chất, thì tương-lai của Đạo Cao-Đài sẽ ra sao? Mà chẳng những phải tự bảo vệ chiến thắng mà thôi, mà còn phải bảo vệ chơn tướng của đạo-đức tinh-thần của loài người trở mặt ra đối với tinh-thần cường liệt của Chí-Tôn, thì tương-lai nơi mặt thế này sẽ như thế nào? Chúng ta cũng nên để có một câu hỏi.

Có một điều ta nên để mắt nhìn coi Chí-Tôn tạo hình thế nào đặng bảo trọng tinh-thần đạo-đức ấy. Ấy là một phương-

pháp ta nương theo đó dựng tạo dựng khối đức tin vững chắc bền-bĩ vậy./.

### **13.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh** **Đêm 13 tháng 11 năm Mậu-Tý (13-12-1948)**

#### **QUYỀN TRỊ THẾ CỦA NGỌC-HƯ-CUNG & QUYỀN GIÁO-HÓA CỦA CỰC-LẠC THẾ-GIỚI**

Hôm nay, Bản-Đạo giảng tiếp cuộc thiệt chiến giữa Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa về “Đức-Tín”.

Có nhiều điều rắc rối giữa quyền-năng binh vực các chơn-ling trong Càn-Khôn Vũ-Trụ đối với quyền trị thế của Ngọc-Hư-Cung và quyền giáo-hóa của Cực-Lạc Thế-Giới. Về mặt triết-lý, có nhiều triết-lý đã gây nên một trường ngôn luận sôi nổi giữa các nền Tôn-Giáo và tín-đồ của họ.

Về đức tin ta ngó thấy phần nhiều hạng thượng-lưu trí-thức trước mặt ta hiện giờ này, như là các văn-sĩ của Á-Đông ta, tức là các nhà Nho, còn ở Âu-Châu có các nhà tự do ngôn-luận, tự do tư-tưởng, phần đông hạng tự do ngôn-luận ở Âu-Châu đều là vô tín-ngưỡng cả thảy. Họ còn đi quá nữa là bọn Anarchistes là bọn chẳng có phương châm tôn chỉ thờ phượng chi hết, chớ chẳng phải nói vô tín-ngưỡng mà thôi đâu. Các nhà ấy tới chừng trở về Thiêng-Liêng vị rồi phải buộc mình quỳ trước mặt luật Thiêng-Liêng chịu khảo dượt tinh-thần. Họ muốn tránh mà làm sao tránh khỏi quyền-năng vô đối của Càn-Khôn Vũ-Trụ, muốn tránh luật Thiêng-Liêng ấy mà làm sao tránh khỏi đặng. Các nhà ấy họ miệng lưỡi lắm, họ phản đối kịch liệt với nhiều lý-thuyết đến đối quái gở ta không thể tưởng-tượng được. Tỉ như giữa Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa họ nói như thế này: “Mấy nhà triết-học cao siêu đại-giác đến thế lập-giáo dạy Đạo cho nhơn-sanh họ đã lập quyền sở-hữu của họ, điều đó có thật, nhìn nhận, song quyền sở-hữu ấy đối với phương sanh sống của đời không có quyền-năng chi hết, trái lại làm cho trở ngại bước đường tranh-đấu và tấn hóa của loài người mà chớ. Chớ chi quyền-năng Thiêng-Liêng mà người

ta nói là quyền vô cùng tận, năng lực vô biên, quyền lực ấy thường nơi miệng nhơn-sanh, gọi là quyền-năng tạo-đoan của Càn-Khôn Vũ-Trụ, có thể cho chúng tôi đức tin, lấy oai-quyền mà tạo đức tin cho chúng tôi thấy hiện-tượng trước mặt. Hay là quyền-năng ấy có bảo trọng đặng mạng sanh của loài người thì ai không muốn tu, ngắt một nỗi cả triết-lý ấy còn bóng dáng mờ hồ, thì chúng tôi mới mượn nơi đâu mà tạo đức-tin theo Đạo-Giáo cho được? Các vị Giáo-Chủ khuyên chúng tôi làm lành lánh dữ, chúng tôi thấy trường đau khổ trước mắt, chúng tôi muốn làm lành ngắt thiên-hạ không muốn lành, giục thúc chúng tôi phải dữ, vì chúng tôi nhin thì sẽ bị cái dữ của thiên hạ tàn hại. Muốn nhần-nhục vì lòng thương yêu nhin cái sống của mình đặng tạo cái sống cho người, mà nhơn-loại không nhơn tay, thay vì tôn sùng sự cao siêu như chúng tôi, họ không chịu vậy, chớ mạng sống của chúng tôi nào có quản chi. Các Ngài cũng ngó thấy, thế-gian kia bao nhiêu bực đạo-đức phải chịu khuất thân dưới quyền cường-bức của thế gian, chịu mai một thiệt thòi, chịu ăn xin ở tạm, bây giờ mấy Ngài biểu nường nơi họ mà tạo đức-tin, cái đức-tin trọn cả kiếp sống của các vị đạo-đức ấy tôi chưa hề thấy hình ảnh nó, xin các Ngài tả hình nó cho chúng tôi thấy thử coi .

Các Đấng Trọn-Lành nơi cửa Thiêng-Liêng kia mới lấy lý-thuyết nào đặng đối-đãi với lời nói ấy. Các Ngài nói: “Các ông bất quá là đa-văn quảng-kiến, tìm phương-thế đặng chữa mình, chớ chơn-lý không phải như mấy ông bày đặt ra đó đâu. Cái chơn-lý là các ông không biết tin mình thì còn tin ai, còn tin triết-lý Đạo-Giáo sao được. Đức Chí-Tôn sai các vị Giáo-Chủ đến tạo Tôn-Giáo nơi mặt thế này chẳng phải cầu nhơn-loại thờ phượng Ngài, mà chính Ngài đến, hay Ngài sai Người đến chỉ để tạo Đền-Thờ, thờ đức-tin của nhơn-loại tức là tạo Đền-Thờ cho nhơn-loại thờ nhơn-loại, không phải thờ Ngài đâu. Mấy ông phản đối, nói rằng: Lấy đạo-đức đặng làm môi-giới tạo phương-pháp bảo trọng mạng sanh một cách bền vững kiên cố, chỉ thử coi. Không có! Chính mình các ông còn nường nơi triết-lý Đạo-Giáo đặng tạo cái sống của các ông kia mà.

Nếu triết-lý Đạo-Giáo không có thì nhơn-loại sẽ thuộc vào hàng thú-cầm như voi, cạp, beo, khỉ, độc trên rừng kia, các ông đã nương nơi Đạo-Giáo đặng bảo trọng mình đó. Hỏi các ông nương lý-thuyết nào mà biết mình cao trọng, mà biết mình hơn vạn loại, mà biết mình tối linh, biết mình là Thần-Linh của thế-gian này, mà biết chính mình các ông là điểm chơn-linh của Trời? Làm sao các ông biết tự-trọng mình là phẩm cao trọng tại thế? Tối linh hơn vật loại? Các ông tính muốn chối phẩm-vị cao trọng của mình đặng nạp cả mạng sanh và tâm hồn vào chỗ đê tiện, thì bảo tinh-thần phải nương nơi đâu? Chính mình các ông không tin mình thì tin ai?

Không, không bao giờ các vì Giáo-Chủ gạt ai! Mấy ông nói triết-lý Đạo-Giáo gạt-gẫm tâm-lý của nhơn-sanh, chính triết-lý đó là cái mặt kiếng để trước mắt nhơn-sanh coi theo, các ông không coi, vì sợ, mà tránh đi thì các ông tạo đức-tin ở chỗ nào? Tấn tuồng sanh sống giục thúc nhơn-loại tàn hại nhau như thế nào? Bực trí-thức tinh-thần trong nhơn-loại, tìm hạnh-phúc trong cái sống vật-chất, tức là cái sống của con vật. Loài người đã đào óc não mưu cầu hạnh-phúc cho kiếp sống của loài người đã nên chưa? Đã thành hình chưa? Hay còn đang tìm tàng, còn đang chiến-đấu, mà còn chiến-đấu chừng nào, tức là còn mê-man trong phương-pháp tàn hại, làm tàn khổ cho kiếp sanh nhơn-loại mà thôi, chớ không mảy may đắc lợi. Các ông trách quyền Thiên-Liên, không để một oai-quyền nào trước mắt không đủ năng-lực định đức-tin cho thiên-hạ. Dám chắc đầu chính Đức Chí-Tôn hiện hình biểu nhơn loại theo Ngài đi nữa, con vật của họ biểu hạnh-phúc của con vật mà thôi, tại họ không theo, chớ có phải hiện ra cho thấy mà theo đâu?

Đức-tin nơi ta đó, trước hết ta biết ta, có biết ta rồi mới biết thiên-hạ, có biết thiên-hạ rồi mới biết đến Chí-Tôn là ngôi Chúa-Tể Tạo-Đoan Càn-Khôn Vũ-Trụ, biết Đấng ấy là biết rõ mình vậy, nếu chưa biết Đấng ấy thì đừng trông mong biết mình, mà chính mình không biết mình thì không còn ai biết

hết. Sống không đức-tin, nghĩa là không tự biết mình, khác nào cây cỏ vật loại kia, thì không có nghĩa gì hết, sống ấy vô giá-trị.

Bây giờ hỏi vậy, vô trong trường khoa-mục kia, các giám-khảo hỏi Tứ-Thơ, Ngũ-Truyện, Kinh-Điển, tức là các triết-học Nho-Giáo của mình đã học rồi, tới chừng nhập thi không đem theo gì hết, mà trả-lời các vấn-đề hạch-hỏi được trúng, thì khoa-mục ấy mình đậu. Đạo-Giáo cũng vậy, các Tôn-Giáo để tại thế-gian cho mình thi hành triết-lý ấy ra hiện-tượng, tại không đức-tin rồi không làm, biểu các phẩm Thần, Tiên nơi cõi Hư-Linh tôn sùng mình trọng hậu với giá-trị nào? Nói thật kể đánh bông dụ kia, đánh trúng thì ăn tiền, nếu để chén ngựa ra thì thiên-hạ nói trúng hết.

Đức-tin có ở con người tự biết, tự-trọng, tự thờ mình, mình thờ mình đặng, tức là thiên-hạ thờ mình đặng, đức-tin do nơi mình tin mình; mình tin mình đặng, thiên-hạ mới tin mình, còn mình chưa tin mình, mà biểu thiên-hạ tin mình làm sao đặng? Mình không tin mình, mà biểu nhưn-loại tin tưởng Đức Chí-Tôn là Đấng tạo sanh Càn-Khôn Vũ-Trụ, sản-xuất ra linh-hồn ta sao đặng? Nếu chưa đủ đức-tin làm bằng chứng vô đối, thì chưa xứng đáng làm phần-tử trong Thánh-Thể của Đức Chí-Tôn, tức là Hội-Thánh của Ngài đó vậy./.

#### **14.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh Thời Tý, Đêm 15 tháng 11 năm Mậu-Tý (15-12-1948)**

##### **PHƯƠNG-THỨC TU-HÀNH CỦA NGŨ-CHI TUY KHÁC NHAU NHƯNG ĐỀU CÓ CHUNG MỤC ĐÍCH LÀM CHO CON NGƯỜI THOÁT KHỔ**

Hôm nay Bản-Đạo giảng tiếp cuộc thiệt chiến giữa các Đấng Trọn-Lành nơi Cung Hiệp Thiên Hành-Hóa và các Chơn-Linh có trí-thức tinh-thần cao siêu mà không dung nạp một tín-ngưỡng nào hết, tức là các tinh-thần vô đạo-đức.



Vấn nạn về tín-ngưỡng Đạo-Giáo, họ hỏi các Đấng Trọn-Lành: Nếu quả nhiên như các Ngài buộc chúng tôi phải có đức-tin đặng tu, phải có đức-tin mới tu kỳ thân đặng, và dục tấn trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống vô-biên vô-giới trong hàng phẩm các Đấng Thiêng-Liêng, tức là các chơn-hồn trong Càn-Khôn Vũ-Trụ; chúng tôi xin hỏi: Nơi thế-gian này, biết bao nhiêu Tôn-Giáo, mà các vị Giáo-Chủ đã tạo thành, đương giáo-hóa nhưn sanh nơi mặt thế; chúng tôi không công-kích gì các Đạo-Giáo ấy, nhưng làm cho tinh-thần nhưn-loại mờ hồ, mất cả tín-ngưỡng Đạo-Giáo là do lẽ ấy. Chúng tôi cũng không công-kích rằng: Các vị Giáo-Chủ đã để các triết-lý Đạo-Giáo nơi thế-gian này là không thật bổ ích cho tinh-thần nhưn-loại, song chúng tôi làm chứng quả-quyết một điều là triết-lý của các nền Tôn-Giáo đã phản khắc nhau, tinh-thần triết-học tín-ngưỡng không đồng, làm cho tinh-thần trí-thức loài người hoang mang không biết nên để đức-tin nơi nào cho đặng.

Về nhưn-đạo, ta thấy ai rủ sanh làm người tại thế-gian này tự nhiên biết mình đến một cảnh khổ, và kiếp sống của mình là kiếp khổ, ai cũng hiểu cả Tứ-Khổ mà Đức Phật Thích-Ca đã để tại thế gian, không phải là không chí lý, để cho tinh-thần loài người nhận thấy, bởi trọn kiếp sanh làm con người, phải biết cái khổ ấy do nhiên, không chối cãi được, nhưng mỗi Đạo-Giáo có mỗi phương-chước tu hành, đặng dục tấn về mặt tinh-thần trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống.

Nhơn-Đạo dạy nhưn loại Tùng-Khổ,  
Thần-Đạo dạy nhưn loại Thắng-Khổ,  
Thánh-Đạo dạy nhưn loại Thọ-Khổ,  
Tiên-Đạo dạy nhưn loại Giải-Khổ [Đề nghị sửa lại:  
Thoát-Khổ,]  
Phật-Đạo dạy nhưn loại Thoát-Khổ [Đề nghị sửa lại:  
Giải-Khổ].

Thành ra chỉ có một triết-lý, chỉ vì muốn diệt khổ mà các Tôn-Giáo để mỗi điều, mỗi nẻo, mỗi triết-lý. Chúng ta thấy các triết-lý ấy đều chơn thật đều bổ ích, chơn-lý ấy chúng tôi

không phản đối, nhưng chúng tôi thấy vì lẽ phải, toàn-thể Tôn-Giáo ấy làm cho tinh-thần loài người không biết chọn cửa nào cho đặng. Vì cơ nên nhiều kẻ nếu trí-thức tinh-thần được đầy-đủ đặng suy đoán, tìm hiểu, biết quan-sát các triết-lý đạo-đức, thì sự mờ-hồ như chúng tôi đã nói là chơn thật, quả quyết đáng gọi là mờ-hồ. Nó mờ-hồ có nhiều lẽ. Thoảng có một triết-lý nào mà tìm chưa tận cùng chỉ sợ một điều nếu nhẹ tít, đem để đức-tin mình nơi nào rồi, sợ thiên-hạ bàn tán trích điểm ấy, sợ xấu hổ, biết đáng tín-ngưỡng lại sợ miệng lưỡi thế-gian trích điểm, rồi làm bộ mình cũng coi không chịu có tín-ngưỡng gì hết. Phần nhiều các bậc có học, các triết-học-gia tại thế-gian này có tánh ấy .

Đã biết mà lại sợ, biết mình tín-ngưỡng là đáng mà không quyết thắng tâm-lý của mình, và của người đặng định-quyết sự tín-ngưỡng, sợ thiên-hạ cười rồi làm màu-mè không tín-ngưỡng. Phần nhiều hạng hữu-học như vậy.

Như thế thì các Đấng Trọn-Lành trả-lời ra sao? Nói: Các ông đủ trí-thức tinh-thần, đủ học-thức kiến-văn đặng chủ định tinh-thần tâm-lý của mình, mà các ông không đủ can đảm quyết làm cái điều phải làm ấy. Các ông chán thấy một kẻ có tâm hồn cao thượng, điều gì học hỏi quyết nhận thấy là cao thượng, phải lẽ, thì họ cũng dám hy-sinh tánh mạng làm cho nên tướng điều ấy. Từ tạo-thiên lập-địa đến chừ, bao nhiêu bậc hiền-triết đã hủy mình làm theo lẽ phải ấy. Chúng tôi hỏi các ông: Các nền Tôn-Giáo hiện-tượng nơi thế-gian có Tôn-Giáo nào dạy thiên-hạ làm quấy chẳng? Nếu quả nhiên không có Tôn-Giáo nào, dầu Tả-Đạo, Bàn-Môn đi nữa, không dám dạy nhưn-loại điều quấy, vẫn dạy điều phải mà thôi. Bởi vì với lẽ phải ấy, không có Tôn-Giáo nào đã gọi là Tôn-Giáo mà dám dạy làm quấy, tức nhiên dạy làm phải. Nếu bậc trí-thức như các ông thấy phải không dám làm thì là bậc nhược tinh-thần lắm vậy.

Một điều nữa, lấy tín-ngưỡng làm căn bản, từ thử đến giờ các ông đã thấy nó làm môi giới, định phương-châm cho nhơn-loại sống, như thế nào các ông chối đặng? Nếu thoảng nói các Tôn-Giáo tại thế này làm cho tinh-thần nhơn-loại không thể chủ-định nơi nào mà để tín-ngưỡng, chúng tôi xin nói như thế này: Người ta dọn một bữa cơm có đủ món ăn, nào thịt, nào muối, nào rau, nào tương, nào chao, mà mấy người nói nhiều món quá, cứ cầm đũa quơ hoài, không ăn rồi chịu đói sao? Phải ăn chứ!

Các Tôn-Giáo ở tại thế-gian này miêu tả tánh nết của loài người, làm phương-châm đặng đui-đốt tinh-thần loài người. Trong một cái nhà cũng có chỗ cho mấy người ở, không lẽ không có một nơi nào cho mấy người đến, người ta đem nhiều món ăn mà không biết lựa chọn mà ăn, không phải không món nào bổ ích đặng định phần sống, tại đó không biết lựa, hay là tại làm màu, chê rẻ, trề nhún thà chết đói không thèm ăn. Lời tục nói: “Làm cách sạch ruột, ắt phải đói”.

Các nền Tôn-Giáo có thể ví như một gia-đình, người này tranh hơn thua công-kích người kia, không lạ mỗi gia-đình nếu có Ông Bà, Cha Mẹ, Cô Bác, phải có con cháu, như đám thiếu-sinh kia, nếu dạy anh mây phải phục tùng Mẹ mây, Mẹ mây phải phục tùng Cha mây, Cha mây phải phục tùng Ông Nội mây, Ông Nội mây phải phục tùng Ông Cố mây, định quyền hạn trong gia-đình không phải là chuyện dối giả hay là không có thật. Nhưng có một điều là khi đứa trẻ đã nên người, không cần nói đến những điều trên mà nói như vậy: Trong gia-đình mây có Ông, Bà, Cha, Mẹ và anh em mây, mà mây là một phần tử, mây là người ở trong gia-đình ấy. Các nền Tôn-Giáo đã để tại mặt thế này tùy theo trí-hóa, tánh-đức của nhơn-loại tiến tới địa-điểm nào, để Tôn-Giáo cho vừa chừng địa-điểm ấy.

Còn hiểu Tôn-Giáo là gì, lẽ ấy Tôn-Giáo nào cũng dạy ta cho sáng đạo-đức tinh-thần, tổng-số các Tôn-Giáo ấy đáng tạo ra thiết tướng của đạo-đức, chớ không phải sanh ra cho nhiều đặng trích-điểm nhau, tàn diệt nhau, không có phương-thế gì mà Tôn-Giáo này tàn diệt Tôn-Giáo kia, dầu có ganh-ghét nhau không khi nào Tôn-Giáo này có thể giết được Tôn-Giáo khác, bởi không có năng-lực, lực-lượng gì diệt tiêu nhau được cả. Bởi chơn-lý chỉ là một chơn-lý, là sống trong cái sống của tín-ngưỡng, sống trong con đường hằng sống và làm cho được hằng sống vô-biên vô-giới, tạo tinh-thần cho biết nguồn cội của Tôn-Giáo là chỉ hằng sống mà đi tìm thôi. Dầu cho một trăm đường đi, ta chỉ cần biết một nẻo là đủ, chớ đi một ngàn ngả cuối cùng cũng đến một địa-điểm là cõi Thiêng-Liêng Hằng-Sống. Đó là thiết cảnh mà ta cần tìm chớ không phải cảnh phàm này.

Ta mang thi hài thú-chất, chịu khổ sở đủ đây, ta tìm chơn-lý của Tôn-Giáo thì có Tôn-Giáo nào mà không chỉ đường, họ chỉ nhiều chường nào thì con đường chắc đến chường nấy. Nếu không chỉ được con đường Hằng-Sống ấy không phải là Tôn-Giáo nữa, ta không cần nghe mà cũng không nên theo dầu bị dụ-dỗ buổi mê-tín đi đoan, chường ấy không phải chơn-tướng Thiêng-Liêng Hằng-Sống, mà nhơn-loại muốn tìm thì họ từ-giã ngay, không hề khi nào gặt đến tận cùng, đến diệt tiêu cả sở-vọng của tinh-thần loài người đặng./.

**15.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh**  
**Đêm 19 tháng 11 năm Mậu-Tý (19-12-1948)**

**BÍ-PHÁP VỊ THA DIỆT KỶ**  
**TỨC LÀ DĨ CÔNG DIỆT TỬ**

Hôm nay Bản-Đạo giảng tiếp về triết-lý trọng yếu nên hơi lâu dài, cả thầy ngời có mỗi mệt xin đừng phiền.

Mỗi phen cúng giờ khuya, muốn giảng triết-lý nào có thể viết ra một quyển sách mà gom nó lại thế nào làm một bài văn ngắn-ngủi, có đủ tinh-thần không phải là dễ, khó lắm vậy.

Đêm nay Bản-Đạo giảng tiếp: Trường thiết-chiến nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa về huyền-vi bí-mật của các cơ-quan hiệp nhứt là về triết-lý: “Vị tha diệt kỷ” tức là “Dĩ công diệt tư”, ấy là Bí-Pháp. Nếu có thể thật-hành tại mặt địa-cầu này, đặng cứu vãn cả cơ-quan tương khắc, tương đối, đem nhơn-loại ra khỏi vòng tương-tàn, tương-sát lẫn nhau.

Vả chẳng, trên Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa, các Đấng lấy thuyết dục-tấn làm căn-bản, dầu cho về mặt triết-lý cũng ở trong tay các Đấng mà có tự do tín-ngưỡng, các Đấng chịu ảnh-hưởng của Nho-Giáo, nêu lên lẽ công bỏ điều tư. Ngoài ra có tín-ngưỡng mới rõ danh-vị của huyền-vi thượng phạt, và toàn cả quyền năng hữu-hình và vô-hình của Đức Chí-Tôn là Đấng Chủ-Tể muôn loài. Nhưng hại thay! Trong triết-lý của Nho-Tông tín ngưỡng lấy tinh-thần của nhơn-loại mà chịu cái ảnh-hưởng ấy thôi, ấy là phương-pháp trong sự tự-do tư-tưởng và tự-do tín-ngưỡng của nhơn-loại, mà nhơn-loại chịu ảnh-hưởng ấy chưa đoạt được quyền vi-chủ ấy, nên giữa Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa phản đối nói rằng: Chúng tôi thấy tại mặt thế cả vạn loại bảo-thủ sanh mạng có nhiều lẽ bất công trước mắt, trường đời hỗn loạn, mạnh được yếu thua, ngu bị tàn hại, trí được cường-liệt. Dầu cho nhơn-loại cũng vậy, chúng tôi thấy trước mắt đương nhiên mặt địa-cầu này, tấn tuồng tiếp diễn mãi thế, không buổi nào dứt đặng. Bực Đại-Giác của nhơn loại kiếm phương thuốc dung hòa, các cơ-quan tuồng đời đã xô đuổi nhơn-loại đi trên con đường diệt vong. Buổi tương-lai đây, hỏi nếu có một quyền năng vô-hình định vận, định căn cho toàn nhơn-loại, quyền năng đó có đủ năng-lực để bảo vệ họ và ngăn cản không để cho sự bất công tiếp diễn nữa không?

Tưởng nếu chúng ta bị vấn nạn như vậy, chắc khó giải quyết lắm, may thay, nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa các Đấng Trọn-Lành chưa chịu thua họ, các Đấng ấy trả lời: “Cũng bởi nguyên căn dĩ tư diệt công, dĩ kỹ diệt tha”, tấn tuồng tiếp diễn giờ phút nào thì luật tương đối định mạng vận cả sanh-hoạt của vạn-loại vẫn còn đến giờ phút ấy. Giờ nào mà nhơn-loại biết dĩ công diệt tư, dĩ tha diệt kỹ, giờ ấy là giờ giải thoát cho nhơn-loại chớ có gì đâu.

Chúng ta nhìn thấy trường đời, có khác chi nơi cửa Thiêng-Liêng kia lạ (\*1) một điều là: Những cơ-quan của tinh-thần vật loại tạo thành tương đều là “Dĩ kỹ vị tư”, mà hễ dĩ kỹ vị tư tức có tương tranh tương đối, mà có tương tranh ắt có tương tàn tương diệt chớ có gì lạ đâu.

Các vật loại đã chịu mặt luật Thiên-Nhiên, luật ấy định quyền dĩ công diệt tư, dầu cho xã-hội nhơn quần đến gia-đình cũng vậy. Trong gia-đình toàn con cái lấy gia-đình làm chủ-nghĩa, mà họ lấy tư-kỷ thì gia-đình ấy náo loạn, tàn mạt. Trong một quốc-gia xã-hội, dân phải vị quốc (tức là vì nước) mình thì quốc-gia mới cường liệt, còn dân vị-kỷ chỉ biết hạnh-phúc cá nhân, không biết hy-sinh cho quốc-vận, thì nước nhà loạn lạc, xã-hội vạn quốc đương nhiên chỉ biết làm cho nước mình cường liệt, chỉ lo cho nước mình cao sang hơn các nước khác, chẳng qua vì vị-tư, vị-kỷ của họ mà ra. Nước này muốn đặt mình cho cao sang hơn nước kia, tức có phản đối có phấn đấu, mà hễ phấn đấu thì nhơn-loại tương tàn tương-sát nhau. Điều ấy không lạ, luật thiên-nhiên dục-tấn, họ dục-tấn đặng chi? Đặng đưa họ đến con đường hiệp nhứt tức là đường vị-tha bất vị-kỷ. Hại thay nhơn-loại chưa có tinh-thần đó, điều nào vị-kỷ đáng lẽ họ không gọi là công-lý hay gọi là chơn chánh đối với kẻ khác, họ để giá trị ấy là đê hèn, thô bỉ, lạc hậu, là lẽ bất công thì thế nào thế-gian này không đảo loạn-ly cho được?

Các bạn có giấu-diếm được không? Mời các bạn ra khỏi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa xem (\*2) xuống thế-gian coi thế-

gian đào tạo từ thử, coi tình trạng biến hóa của nó đang quyết định do quyền-năng thế nào? Đứng trước cửa Diêu-Trì-Cung dưới cây phước chiêu-hồn của Đức Diêu-Trì, ta dòm thấy một bản-đồ dường như trải ngửa cho chúng ta xem, thấy một khu đất de ra đại-hải, đất ấy một phần bưng lầy nho nhỏ, một phần trên gò nông, chỗ khuyết chỗ đầy, chỗ lưng chỗ vơi dơ dáy là bùn để giá bán ba trăm quan. Mảnh đất ấy là thành Nữ-Ước (New York) tình cảnh đìu-hiu để giá bán chỉ có 300 quan mà thôi. Rồi chúng ta thấy hình nó biến tướng ra sao? Nó thành Châu-thành nho nhỏ, vừa như Châu-thành vừa như cửa biển, các con buôn đến buôn bán. Kế thấy biến tướng ra một Châu-thành lớn, thiên hạ lên xuống như bán vàng, xem ra tình-trạng kha khá rồi, biến nữa, thấy Châu-thành lớn lao, thiên-hạ náo nhiệt, đó là đến thế-kỷ La Fayette, lúc ấy thiên-hạ nơi thành Nữ-Ước tìm phương giải thoát nạn đô-hộ của Anh, biến nữa thì thấy lầu đài chớn-chở, cửa biển thuyền bè tấp nập, thiên-hạ đô hội, nhà thì cất 100 tầng, lầu các nguy-nga không còn tình trạng như trước kia. Những nơi bùn lầy thành ra một cửa biển lớn lao vô cùng tận, giàu sang vô đối. Nếu chúng ta tưởng tượng, tại có những cái tư-kỷ ban sơ mà thành Nữ-Ước có được cảnh trạng bây giờ, hỏi như-loại muốn bảo thủ cái nào, muốn bảo thủ mảnh đất bùn lầy hay là cảnh đài các hiển nhiên đây?

Các Đấng ấy nói: Chưa hết, sẽ còn thay đổi nữa, chẳng phải thành phố Nữ-Ước thôi, mà cả hoàn-cầu đến hạn định của mình đều phải đổi nữa.

Các bạn Việt-Nam, cho các bạn thấy bản-đồ thành Sài-Gòn, dòm thấy trên bản-đồ do con sông lớn hai bên bần mọc li-bì, kế đó con sông nhỏ, sơ-rơ mấy nhà thuyền chài. Bến-Nghé là đó, bùn lầy dơ bần hai bên sông lớn chảy dài vô trong ruộng đầy-dặn, đứng cỏ mọc. Thỉnh-thoảng thấy biến tướng ra hai bên sông bứt bần, thiên-hạ chen nhau cất nhà, gọi là nhà sàn, đầy dẫy thuyền bè tới lui buôn bán. Biến nữa, thấy dựa bờ sông có người xúm-xít cất nhà, nhóm thành làng lớn, nhà cửa

thuyền bè đặt nghệt. Biến nữa thấy ruộng khô, nhà đắp nền đất, nhà ngói, nhà tranh nhiều. Biến nữa thấy hai bên bờ sông nhỏ, bây giờ là đường Charner, thiên-hạ ở coi náo nhiệt, lao-xao lố-xổ. Biến nữa, con sông đó đâu mất, hai bên bờ sông lớn không còn nhà sàn như trước nữa, lại có tàu khói ra vô tấp nập, thiên-hạ buôn bán. Biến nữa thấy Châu-thành buôn bán sầm uất. Biến nữa thấy lâu đài, nhà thờ nhà nước. Rồi biến nữa ta thấy Châu-thành đương nhiên bây giờ.

Các Đấng hỏi: Chúng ta muốn bảo thủ thành Sài-Gòn như trước, còn ruộng đất bùn lầy, hay muốn bảo thủ phong cảnh ngày nay? Lại nói: Chưa hết đâu còn thay đổi nữa.

Bây giờ có người nhứt định nói hiện giờ có Đạo Cao-Đài chờ coi đặng làm bằng chứng. Tìm tòi thấy Đền-Thánh chúng ta đây, bản-đồ có rừng, cây, cọp, beo, khỉ đủ thứ thú dữ ở. Rồi thấy biến ra vài ba cái nhà tranh cất leo-teo trong rừng. Biến nữa, thấy phát ra một khoảnh trong cát Đền-Thờ, với vài ba cái nhà lá làm trú phòng. Rồi biến ra chòi cát cùng hết, mỗi nơi mỗi cái chòi xen lẫn nhau trong rừng có vùng đắp đất. Biến nữa thấy thiên hạ vô Đền-Thờ coi đặng sạch-sẽ, vẻ-vang. Thấy làm gì mấy ông lớn vô rồi ba người ở ngoài cửa mắng nhiếc chưởi bới. Biến nữa thấy thiên-hạ người nghèo khó tấp nập ra vô, đốn cây, ban gò mối, làm cho đất bằng phẳng. Biến nữa thấy chất đá ngói cát Đền-Thờ lợp ngói, biến nữa sập cái Đền-Thờ đó xuống có Đền-Thờ khác thiên-hạ đang làm, tức là Đền-Thờ đương nhiên dinh-thự mọc lên cùng khắp.

Hỏi Đạo Cao-Đài muốn có bảo thủ khu rừng hoang vu hay là bảo thủ Đền-Thánh hiện giờ, hay là muốn giữ để làm tư-kỷ cho mình chăng?

Các Đấng ấy nói các sự biến-tướng là gì lẽ công hết thấy, dầu cho thành Sài-Gòn hay thành Nữ-Uớc điều biến-tướng theo lẽ công không vì tư đặng, nhà ta cất giờ phút này, bất quá là mở phần tự hình dạng cốt yếu trong sự thống-nhứt vì công, không vị-tư vị-kỷ đặng.



Ấy vậy, ta thấy hữu-hình hiện giờ, cái bí-mật huyền-vi Thiêng-Liêng trên con đường trải qua từ Bát-Quái-Đài đến đây thấy thế nào? Thấy có những cây, khi đi ngang qua các Đền Đài phải biết rằng, có bàn tay của mấy người tượng nắn ra các cái đó, các vật chung quanh mỗi người nhìn thấy trên con đường trải qua ấy, cũng chính tay mỗi đứa mình đào tạo thành ra một vật chung, nó là công không phải tư, cho đến Đức Phật Mẫu mà các người đến kiến định, nhìn nhận là Mẹ sanh của mình tại thế, chính Phật-Mẫu tượng hình cho chúng mình. Phật-Mẫu cũng là công, không phải tư được, còn Chí Tôn mà ta sẽ gặp tới đây ta sẽ thấy Chí-Tôn là cha của mỗi đứa mình, thấy Ông định nhập vào cho công và hết còn là tư. Về huyền-bí Thiêng-Liêng, nắm cái Càn-Khôn lập quyền-năng vững chãi do nơi cơ-quan vị-công bất vị-tư.

Thế-gian này, ngày giờ nào nhơn-loại lấy của mình làm công, không lấy một mảnh đất nào làm tư nữa, thì ngày giờ ấy thiên-hạ mới hạnh-phúc./.

**16.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh**  
**Đêm 22 tháng 11 năm Mậu-Tý ( 22-12- 1948 )**

**LUẬT THƯƠNG-YÊU, QUYỀN CÔNG-CHÁNH**  
**ĐIỀU-DẮT CON NGƯỜI ĐI ĐẾN**  
**THỐNG-NHẤT TÍN-NGƯỠNG**

Hôm nay chúng ta đã đến tại nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa đang quan-sát kiểm tìm cả sự thiệt-chiến coi có cái chi phản-khắc với chúng ta không?

Từ hôm trước đến nay Bàn-Đạo đã thuyết-minh những điều vẩn nạn của các Chơn Linh siêu thoát. Nhưng vì thiếu đạo-đức tinh-thần, kiếm đủ triết-lý đang chối tội, chúng ta đã thấy các Đấng Trọn-Lành nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa kia chưa để cho họ đang thắng đó vậy.

Đêm nay chúng ta tưởng mình lên tại chót Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa, kỳ này là kỳ trọng yếu hơn hết. Bởi vì họ vấn nạn về quyền-năng tín-ngưỡng.

Luật Thương-Yêu Công-Bình của các vị Giáo-Chủ đã để tại mặt thế-gian này, vấn nạn kịch liệt lắm, chúng ta để ý, hạng như là Chư Chức-Sắc Thiên-Phong Nam Nữ nên cần để ý cho lắm.

Bần-Đạo thuyết đêm nay là đêm trọng yếu hơn hết, họ vấn nạn về tín-ngưỡng.

Kỳ trước Bần-Đạo giảng về chỗ có nhiều Tôn-Giáo làm cho nhơn-tâm bất nhất, ngày hôm nay họ công-kích về luật điều, họ hỏi: “Nếu như Đạo-Giáo có một khuôn khổ hữu hình, tức nhiên là phải chiếu theo khuôn-khổ của Thiên-Điều mà tại sao lại các vị Giáo-Chủ lập giáo bất đồng với nhau? Vị này nói vậy, vị kia nói khác, tức nhiên phản-khắc với nhau, biểu sao nhơn-loại không chia rẽ? Biểu sao không thống-nhất?”

Các vị Giáo-Chủ quan-sát lại coi những Đạo-Pháp, Đạo-Luật của mấy vị Giáo-Chủ ấy, vẫn là phương-pháp khác bạc với nhau, phản đối với nhau, không đồng tâm không đồng đức, nhất là không đồng tánh về tư-tưởng, đạo-đức, tinh-thần, biểu sao nhơn-sanh không chia rẽ, nếu chia rẽ tức nhiên loạn-lạc. Đời lúc nào cũng phản khắc loạn-lạc, chia rẽ. Thì các Đấng Trọn-Lành nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa họ chỉ ngồi họ cười. Họ nói: Luật hữu-hình bất công của các chủng-tộc nơi mặt địa-cầu này, là tại nhiều tâm-lý, nhiều tâm-đức, nhiều tinh-thần, đừng có nói là một nòi giống, một quốc-gia, hay vạn-quốc, tánh-đức nhơn-loại bất đồng thay, chẳng khác nào các vị buộc vị Phật (Sĩ-Đạt-Ta) lập giáo nơi Ấn-Độ là Phật-Giáo ngày nay, mà Ngài đồng tâm đồng tánh với người khác giống được. Ngài vẫn làm chủ tâm-lý của loài người do tại đâu? Do mặt Luật Bác-Ái và Công-Bình, những phương-pháp của các vị Giáo-Chủ, dầu cho luật-pháp đã lập nền Tôn-Giáo bất điều hòa với nhau nhưng đó cũng mở đường chỉ nẻo cho

nhơn-loại đi đến con đường của Đạo-Giáo, tức là tín-ngưỡng thờ Người và thờ Trời. Còn về luật-pháp của mình, Đức Phật Thích-Ca có nói nếu như Ngài không Bác-Ái không Công-Bình, thì Đạo-Giáo của Ngài không Bác-Ái Công-Bình đặng, lập đạo từ trước đến giờ. Hỏi Đấng ấy lập giáo của họ trên nền tảng nào? Có phải là Bác-Ái và Công-Bình chăng? Nếu không phải Bác-Ái và Công-Bình thì chưa có tìm một triết-lý cao siêu, để vào tâm-lý tinh-thần nhơn-loại mặt thế này. Chúng ta đã ngó thấy của ấy là Nhân đó vậy. Nhưng trái ngược lại, họ còn giành phần (\*1) họ đánh ép mình, nếu chúng sanh không có tinh-thần với họ và nếu không có công-bình, tâm-lý, tinh-thần và không lòng thương yêu đầy đầy, chưa đồng tâm tánh trí não, thì các Ngài chưa hạ mình xuống đặng nâng đỡ tinh thần loài người dường ấy.

Đức Lão-Tử thấy thiên-hạ không biết nhìn phẩm-vị của mình, không biết chơn-tướng của mình để nơi nào mà định vị cho mình. Trái ngược lại, Ngài sanh ra tại đất Trung-Hoa, buổi tâm-lý nhơn sanh điều tàn, họ không biết phẩm-giá con người là gì? Đến đổi tâm-lý loài người buổi ấy cũng xáo trộn, không còn chơn-phẩm của người. Họ không biết tự tôn họ, họ chưa biết phẩm-vị họ, thì họ chưa tin thiên-hạ, tức nhiên là thú-chất vật loại, nếu không phải có bác-ái từ-bi thức tỉnh nhơn-loại buổi ấy, thì họ chưa biết phẩm-vị tối cao tối trọng của họ. Họ không còn làm con vật nữa! Nếu chẳng Bác-Ái Công-Bình chưa hề khi nào lập nên nền Tôn-Giáo như thế đặng.

Đến ngày nay nước Tàu còn lưu lại, Ngài nói chẳng phải nói Á-Đông mà thôi đến Âu châu cũng vậy. Ngài nói cái triết-lý Đạo cao siêu chơn thật, người ta theo không biết bao nhiêu. Nói về chơn thật thì chúng ta bảo vệ tinh-thần mà thôi. Các Ngài tìm thấy, các Ngài ngó lụng lại, các Ngài thấy tinh-thần mà thôi, dầu luật-pháp Tôn-Giáo cũng do Bác-Ái Công-Bình mà lập thành, những phương-pháp họ tạo ra cho có hình-tượng cốt yếu diu dắt tinh thần nhơn-loại, đi đến mức cao thượng là

Bác-Ái Công-Bình. Bác-Ái Công-Bình ấy là Đạo Nhơn-Luân đó vậy. Nho-Giáo, Đức Khổng-Phu-Tử lập tại Trung-Hoa vì Ngài thấy nhơn luân buổi nọ diên đảo điều tàn nên mới lập ra Nho-Giáo để bảo vệ Nhơn-Luân.

Cũng vậy nữa, Lão-Tử, Ngài thấy nhơn-phẩm suy đồi không còn giá-trị tâm-lý, nhơn sanh buổi ấy mất hẳn giá-trị của nhơn-loại, nên Ngài hạ mình xuống đặng định Luật- Pháp, trụ cái Đạo Nhơn-Luân làm căn bản, hễ biết trọng mình, biết địa-vị mình, tức nhiên Thiên-Đạo, biết Thiên-Đạo tức nhiên biết Thiên-Điều, biết Thiên-Điều tức nhiên biết Đức Chí-Tôn, tạo Đạo, mình phải giữ Đạo. Ngài không lẽ lấy danh tánh của Đức Chí-Tôn làm của tư được.

Ngài nói, đệ nhất Đạo, tối cao tối trọng, đặng chỉ mặt Luật Bác-Ái và Pháp Công-Chánh. Đã định cái sống trong Càn-Khôn Vũ-Trụ thì phải định cái sống cho loài người, định cái sống cho toàn cả chủng-tộc cho toàn mặt địa-cầu này.

Luật-Pháp của Ngài nó đã trái hẳn phong-hóa mặt địa-cầu, nói về tinh-thần đạo-đức của Tôn-Giáo nó là mô giới, cho nên ngày giờ này cả vạn-quốc đều để tâm tìm kiếm Luật Pháp ấy.

Vì cơ cho nên Đạo Cao-Đài Đức Chí-Tôn có tiên-tri rằng: “Đạo Cao-Đài tức nhiên là một cây cờ báo hiệu cho Vạn-Quốc toàn-cầu hay trước là: Thời kỳ Nho-Tông chuyển thế đã đến”.

Đạo Đức Chúa Jé-sus-Christ tức nhiên là Công-Giáo, nếu Người không có Bác-Ái thì chưa đem xác thịt của mình làm con vật đặng tế Đức Chí-Tôn. Ngài cầu xin tha thứ tội tình cho nhơn-loại, Người ấy là Người đáng để lòng thương yêu, nếu đem ra làm kiểu mẫu cho nhơn-loại bắt chước thì Tôn-Giáo Gia-Tô đã đoạt được bao nhiêu tinh-thần thương yêu nơi mặt địa-cầu này vậy.

Nếu các Ngài còn chối cãi thì tôi nói rằng: “Dầu cho muôn đường ngàn nẻo thì các Ngài cũng phải chọn một, các Ngài

chối không chịu điều-dẫn tâm-lý loài người đi trong con đường tín-ngưỡng và điều-dắt tinh-thần loài người trong Luật Yêu-Thương và Pháp Công-Chánh, các Ngài chỉ đem mấy bản hồ-sơ ra để trước mắt Tòa Tam-Giáo mà cầu rỗi lấy mình, tôi dám chắc các Ngài không phương thế gì chối tội đặng. Dầu cượng lý bao nhiêu cũng không chối đặng, các Ngài chối tội xin có bằng cứ dĩ nhiên rằng:

Đạo Cao-Đài xuất hiện, Đức Chí-Tôn đến mở Đạo 24 năm trường, Ngài đến ký một bản Hòa-Uớc Thứ Ba với Nhơn-Loại, vì bản Hòa-Uớc Thứ Hai nhơn-loại đã phản bội, không giữ sự tín-ngưỡng của mình vì cố cho nên thất Đạo, nhơn-loại đi trên con đường diệt vong tương-tranh tự-diệt nhau. Vì lòng bác-ái từ-bi cho nên Đức Chí-Tôn Ngài đến, Ngài ký tờ “Hòa-Uớc Thứ Ba” này nữa, để nơi mặt Luật-Điều cho chúng ta.

Các Đấng Thiêng-Liêng chỉ ngay Đạo Cao-Đài mà tín-ngưỡng và từ-bi cho y theo chủ pháp của mình “Dieu et Humanité” nên Trời và Người về mặt Luật Bác-Ái, về mặt Pháp Công-Bình, ngoài ra dầu Luật-Pháp muôn hình ngàn tướng cũng vẫn trong Luật Bác-Ái và Công-Bình mà thôi.

Hội-Thánh Cao-Đài cũng vẫn do mặt luật vô-hình tối cao là mặt Luật Bác-Ái và Công-Bình, dẫn họ đến cảnh vô-hình tối cao tối trọng, cũng do Luật-Pháp của Đạo Cao-Đài.

Ngoài ra Luật Công-Bình Bác Ái tất cả còn lại là phương-pháp mà thôi.

Kỳ tới Bần-Đạo giảng cái quyền-năng là cái hiệu-nghiệm của Luật Bác-Ái và Công-Bình./.

**( còn tiếp )**



## **The Divine Path to Eternal Life**

Translated by Đào Công Tâm & Chris Harney

(Continued from TSTD36, TSTD37, TSTD38)

12.- Delivered in the Ty Ninh Holy See on the 5th  
December 1948 ((Lunar Calendar 5th Day of the 11th  
month, year of the Mouse)

### **The Power of Protecting the Souls of Human Beings In the Religion**

Tonight Bần Đạo continues to speak of our progress upon the Divine Path to Eternal Life.

For the last few days we have stopped over at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa. This palace is directly related to the souls of human beings. Its operations concern the spirit of the Đạo. We stopped over in order to observe the activities of this palace.

There we met the Perfect Beings, that is, those who undertake the crucial responsibility for representing those souls who are being judged ready for salvation.

We should ask about the ability of the various religions of the world to save souls. The beings we met at this palace are observing how this salvation takes place in order to construct their souls. So, do these religions have the ability to protect the future development of human souls? We see those perfect beings laugh and say: ‘now and then at Cung Hiệp Thiên Hành Hóa we invite the founders of the religions of the world to come over to see the judgements passed on the heads of their disciples. That is, they see what and how their disciples have done on the planet earth. Of course, I ask you friends do not be surprised at this.

The founders of the various religions - those who established religions that have been based on their teachings and attitudes - have a spirit about them which is grounded in the root nature of humanity. They take the most elemental theories in order to construct a philosophy for their belief systems. For example, Christianity takes love as its fundamental doctrine, whereas Religious Daoism focuses the body as the basic fundamental, and Islam takes belief as its highest fundamental. Every doctrine has the ability to make a central-point around which it can govern the spirit of humanity in relation to our bad points.

Let us consider a person who is genuinely practising Buddhism, but not following the virtue of the Buddha. This virtue is compassion and philanthropy; that is only knowing one thing - a whole life-time dedicated to serving humanity, and the other beings. To seek wealth and elegance, honour and fame, a Buddhist who does this would consider these things as fleeting as the morning dew. Wealth and elegance; the Buddha was born into the family of King Sakymuni but still he gave up everything. Why did he carry a begging bowl? He begged in order to feed the poor and the hungry. He refused to wear clothes that were better than the dispossessed. The virtue of the Buddha is begging. A kind of begging which embodies a spirit that takes it far beyond normal practise. If there is a disciple of Buddhism who takes the basics of begging in order to build a temple, but then just sits there and waits for others to carry over the offerings so he may eat and live, well he is deceiving the psychologies of Buddhist believers. Here is one who takes all of the mysterious and divine teachings of the Buddha and turns it into an instrument to threaten the faithful. These sorts of people only have one way to effect believers and that is to threaten them. They establish a hell of very horrible punishments in order to entice people towards Nirvana. The truth is they never serve beings like the Buddha. When they return to the Divine Realm people like this declare; I am

following the objectives of Buddhism - the Buddha has attained Buddhahood therefore I also must attain Buddhahood as he has. By what theory and proof can the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa protect that person when he longs to enter The Paradise of Extreme Joy and The Divine Jade Palace?

Let us talk about the heart: when Jesus Christ propagated Christianity in this earthly world he took love as the basic of his faith. Because of his endless love for human beings he said, with his true heart, that he was like an animal who sacrificed himself for the Supreme Being. He asked if he could carry all the sins of humanity in the same way that the scapegoat was sacrificed after being loaded with all the sins of the race (Le Bouc Emissaire). Jesus carried all those sins and undertook to end his life on the cross. In order to save humanity he used his heart of unending love. Thus only he knows how to live with that endless love; only he knows how to live here, for his life was left in the hands of humanity and so he became a sacrificed animal for the Supreme Being and only because of the Supreme Being. That is his truth and so we say His Divine Heart is without end. When his disciples travel back to the Cung Hiệp-Thiên Hành Hóa if they say: I love beings as my Master loved them; I follow the true teaching of my Master who is Jesus Christ; if they say, I also want to offer my whole heart to the Supreme Being then they will be heard. But if their spirit does not love these beings at all; if, on the contrary, they hold the power to forgive humanity on behalf of the Supreme Being and yet turn that power so as to govern the spirit of humanity. If at the door of Hiệp-Thiên Hành-Hóa these disciples say I am following the footsteps of Jesus Christ and am a servant of the Lord preserving the policy of Jesus Christ. That is to offer the heart as a means of liberating humanity from suffering; but if in reality we keep in mind the sublime truth of Jesus Christ then we see these people's actions are nothing. If the Ngọc Hư Cung and the Cực Lạc Thế Giới ask the Perfect Beings at the Cung



Hiệp Thiên Hành Hóa about the actions of these disciples, which are contrary to their master's teachings, what can the perfect beings answer to these two powers Trị Thế (Governing the Earthly World) and the Giác Thế (Awakening the Earthly World)?

Now let us mention the mind or intellectual pursuits. Confucianism [Ru Jia] takes the mind as the basis of its doctrine. The intellectual may appear in many guises, using sublime philosophy to make a society - not an easy task. Confucius had to use intelligence in order to cultivate the self. Only with our own self-cultivation are we enabled to possess enough of the power of love required to teach souls. That is to teach humanity how to achieve the fullness of what is good and do so up until the highest level which is perfection. On the opposite side the disciples of Confucius armed with their intellectuality studied much and understood a great deal. They spoke well, they spoke skilfully, using all their noble spirits to talk up a storm, but practising the truth, well no one is able to do this. These people when they returned to the Ngọc Hư Cung and entreated the spirits: 'I have followed the teaching of Confucius to cultivate the intellect. I respected moral behaviour and followed and preserved the rules, therefore I have the right to stand among the ranks of the sage, I should be treated exactly the same as the 36 Sages who followed the master. What is the reason for my return here - to be criticised and refused my entry through the door of Confucianism? What could the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa do? This disciple followed Confucianism, cultivated his intelligence, tried to respect and obey the Master's teachings. Yet in reality he did not practise the way at all. On the contrary he used his intelligence to stir trouble and make society suspicious of itself. In fact he used his intelligence, sitting licking a pen made of cat hairs, inciting people to sue each other. Using literature to make both wife and husband divorce, using mouth and tongue to deceive the uneducated, with the stroke of a borrowed pen he dared to sell the lives of people.

Would people like this be recognised by Confucius as his disciples? Certainly, he will not recognise these disciples when carrying out this judgement.

Among these three examples I have just mentioned, Bần Đạo is certain of their conclusions. In these instances, the spirits of the founders of these religions are truly dedicated to serving humanity.

What a pity it is that the organizations they established to create a real spirit for humanity, with all their thinking, they undertook the suffering of 10 000 hot and bitter regrets. Their lives were spent trying to make something for the world. At the end their teachings made people happy but, on the other hand their doctrines were used as instruments manipulated by those without hearts who took advantage and deceived the spirit of humanity. Instead of making good karma they made bad karma. What a pity! If the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa applied the law “Tội vi Trưởng” (a convention where the head of the family took responsibility for the actions of those in the family) then these founders could not sit peacefully on their lotus thrones. At the door of the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa is the court of the Divine Beings, there in order to advocate for and to save souls. But if these Beings still have a little earthly mind then how can those founders of the world’s religions can sit peacefully, for they have to appear before the court on a constant basis. The followers of these religions instead make more honour for their founders but they create more sins for the world.

Earthly explain the truth when they say: no harm done to you can be as bad as the harm caused by your relatives. There is one thing that Bần Đạo has judged and I am most afraid of it. I speak of the religion of the Supreme Being. Take the spirit as your basic element and ask: this spirit of humanity, presently

oppressed by a sophisticated and material life, does it have enough strength to protect itself, is that spirit strong enough for it to win? If the spirit of humanity does not stand up and decide itself to be independent of a predestined lot as slave to this material life, what will be the future of the Caodai Religion? Not only must we protect ourselves for victory but we must also protect the true moral direction of humanity by the strong spirit of the Supreme Being. What then will be the future of the world? We should leave this question hanging.

There is one thing we must keep our eyes upon, we must see which form the Supreme Being created, and do so in order to preserve that moral spirit of the Dao. We must have a method to follow in order to build a community of beliefs, one which is stable and long-lasting.

---

*Bần Đạo - His Holiness Hộ Pháp Phạm Công Tắc refers to himself throughout as 'Bần Đạo' or 'poor monk'.*

*Le Bouc Emissaire – a scapegoat*

*Cung Hiệp Thiên Hành Hóa – Palace of Divine Beings who hold the power to control all human beings in a universe of many planets. The Palace (or department) of the Divine Alliance for preaching (the Way).*

*Cực-Lạc Thế Giới - a paradise of extreme joy.*

*Giác Thế - Awakening the Earthly World?*

*Ngọc Hư Cung - Heavenly Council of Eternal Law , The Court of God, The Council of*

*God , Divine Jade Palace.*

*Tội Vi Trưởng - a convention (under Ming Law Codes introduced into Vietnam in 1801) where the head of the family took responsibility for the actions of those in the family.*

*Trị Thế - Governing the Earthly World.*

---

### **13.- Delivered in the Tây Ninh Holy See at the Mouse Hour**

**(between 11PM and 1AM) on the 13th December 1948**  
**(Lunar Calendar 13th Day of the 11th month, year of the Mouse)**

**The Governing Power of the Ngọc Hư Cung**  
**The Teaching Dimensions of the Paradise of Extreme Joy.**

Today Bần Đạo continues to explain the true struggles at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa regarding faith.

There are many complicated questions relating to the authority of defending souls in the universe against the rights of ruling the earthly world from the Ngọc Hư Cung, and the rights of teaching of the Cực Lạc Thế Giới. In terms of philosophy, there are many philosophies which cause heated debate amongst the various religions and their believers.

In terms of faith we can see, the majority of the higher classes and intellectuals today, mostly the writers of the East who are Confucian, and in Europe those individuals who exercise freedom of speech and of thinking but who discard religion. There are also those who go beyond this point, they are anarchists - people who have no aims, no worship, and are much worse than those who simply have no faith. These people, when they return to the spiritual realm must kneel in front of the Divine Law for moral examination. They would like to avoid this, but they cannot avoid the indefinite power of the universe, they want to avoid the Divine Law, but how can they do this? These people who are very talkative strongly oppose (the Divine Law) with so many eccentric theories that we could not even imagine their responses. For example at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa they argue that, "...the philosophers, the lofty, enlightened ones descend to the earth and form the religions for teaching the Dao (Tao) to human beings. They have formed

their ownership, that is the truth but the right of ownership to the way of living life which there is no power at all, on the contrary which cause the problems for the struggle of progress. However the divine power, which people said is indefinite, the power that is without boundaries, that power is normally in the mouth of human beings which is called the power of the creation of the universe. Those given us the faith, using the authority than create the faith for us which appears in front of us. Or that power can protect the lives of humanity, if so then who does not want to practise the Way? But that philosophy is still very dreamy, so from what can we borrow to create faith and so follow the religion? The founders of the religions teach us to do the good deeds, avoid bad deeds. Seeing the suffering in front of us, we would like to do a good deeds but the people do not want good deeds occurring, they pressure and cajole us to become cruel. If we surrender, then we are damaged by the cruelty. Wanting to be insulted because of that love by which we give up our life in order to create life for others, but humanity does not work like this. Instead of respect for the sublime people simply do not want to accept it, in fact we don't worry very much about our life.

Your excellencies, you can see that on this planet earth there are many virtuous people who humble themselves under the power of violence and undertake to suffer losses and beg for food and become nomadic and now you ask us to depend on them to build up our faith. The faith of those who live virtuously we have never clearly seen this, Your Excellencies, please describe them for us to see.” What theories are used by Perfect Beings in the spiritual realm in order to respond to these sorts of arguments? They respond by saying, “...you are too academic, trying to find a way to protect yourself but the Truth is not how you have said it is. The Truth is that you do not know how to believe in yourself, and if you do not believe in yourself then who else can you believe? The Supreme Being sent the religious founders to form the religions, if you do not believe in yourself,

then how can you believe in the philosophy of religion. The Supreme Being sent the religious founders to form the religions of the Earth not to ask humanity to worship Him, but He came or sent others in order to build the Lofty Church for worshipping the faith of humanity. That is, to build this Lofty Church so that humanity could worship humanity, not worship Him at all. Now, you object and say that using virtuous religion as a means to protect one's life, both solidly and durably, needs to be shown to you. No! It cannot be! You yourself still depend upon the philosophy of religion in order to create your life. If there is no religion, then humanity belongs to the level of animals, elephants, panthers, tigers and monkeys in the dark forest. You have depended on religion in order to protect yourself.

“What theory have you used to understand that you are noble, better than other beings, knowing you are the most spiritual, and knowing you are the sacred of the beings of this planet, and knowing that you are the divine spark of the Supreme Being? How can you know with self-respect that you are the noblest on this planet? More spiritual than other beings. You would like to refuse your noble positions in order to offer your life and spirit to ignoble pursuits. So upon what thing should your spirit depend? You do not believe in yourself, then who can you believe in?”

No, the religious founders did not deceive anyone! You said the philosophy of religions deceive the psychological essence of humanity but that philosophy is a mirror hung in front of humanity for them to follow, if you do not follow it, because you are afraid and avoid it, where can you build up the faith? How does the comedy of living pressures humanity to destroy each other? The human intellectual, seeking the happiness in the material world that is the life of an animal. The human intellectual thinking up schemes that lead to happiness is this really achievable? Or still seeking, struggling, and when will that

struggle finish? That is still indefinite in the method of destroying which creates suffering for the lives of humanity and with no benefit at all. You are complaining that the Divine Power does not put any authority in our hands and so we are unable to built faith for humanity. Surely even the Supreme Being manifests and asks humanity too follow him, the animal ask them to follow the happiness of the animal, they are not following because He appears and then they follow.

The faith within us must firstly be directed to ourselves, knowing ourselves will allow us to know the rest of humanity. In knowing others we can then know the Supreme Being who is the Master Creator of the Universe, knowing that Being is knowing yourself clearly. If you do not know this Being however then you cannot expect to know yourself. Not knowing oneself, no one else can know you. Living without faith this is the act of not knowing the self, it is no different from existing as flora or fauna. That is, a life with no meaning at all, a life with no value.

And now I ask if we enter that examination and the examiner asks about the four books and the five classics and other canonical

works that constitutes the doctrine of Confucianism, which we have studied, when we enter that exam we carry nothing with us, but we are able to answer the questions correctly and we can pass the exam. That is the same for all religions. The religions are displayed on this earth for us to practise but because some do not believe then they do not practise. How can you ask the divine beings in the spiritual realm to be generous and respect and value you.

Indeed, who ever plays with spinning tops, if you spin them correctly then they keep spinning and everyone can win. If we turn the “bowl” up side down then everybody can answer correctly.

The faith in a person who knows oneself, self-respecting, and worships oneself, one can worship oneself so that others can worship themselves, the faith is to believe oneself, one can believe in oneself, then others can believe in us, but if we cannot yet believe in ourselves how can we ask others to believe in us? If one cannot believe oneself how can you ask humanity to believe in the Supreme Being who is the creator of the universe and our souls? If one does not have enough faith as evidence of the incomparable, one is then not worthy of being a member of His body, that is, the Sacerdotal Council (Hội Thánh).

---

*Cung Hiệp Thiên Hành Hóa - Palace of Divine Beings who hold the power to control all human beings in a universe of many planets. The Palace (or department) of the Divine Alliance for preaching (the Way). Cực-Lạc Thế Giới - a paradise of extreme joy. Hội Thánh - the Sacerdotal Council .Ngọc Hư Cung - Heavenly Council of Eternal Law , The Court of God, The Council of God , Divine Jade Palace*

---

**14.- Delivered in the Tây Ninh Holy See on the 15th December 1948 ((Lunar Calendar 15th Day of the 11th month, year of the Mouse)**

**The Method of Cultivating the Way  
though each of the Five Branches are Different,  
they all have the same Aim:  
that is to free Humanity from Suffering**

Today Bản Đạo continues to explain the struggles at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa between the Perfect Beings and those intellectual souls who do not accept any true belief, but retain an irreligious attitude regarding matters of “faith.”

These intellectuals question their belief in religions. They tell the Perfect Beings; “If you obligate us to have a belief in order to



practise the Way, then we must have belief in order to cultivate ourselves and progress along this limitless Divine Path to Eternal Life. As we moving amongst the ranks of the Divine beings - those souls of the Universe - then please allow us to ask this:

On this planet there are many founders have formed many different religions. They teach humanity in this world; now we are not saying that we attack these religions, but all they do is fill the spirit of humanity with dreams. This is why humanity is relinquishing its belief in religion. Neither are we attacking the founders of religions, but they have left behind them various philosophies of religion that are no longer useful to the spirit of humanity. Indeed, we are sure, for we have seen, that the various philosophies of each religion stand contrary to each other. Because the spirit of philosophy and belief are not equal, this results in the spirit at an intellectual level of humanity becoming confused. Therefore humanity does not know where to put their belief.

In this time, the Way of Humanity or Nhơn Đạo, shows us that when we fall into the misfortune of being born as a human on this planet, we automatically realise that we have come to a realm of suffering and our lives are lives of suffering. Indeed we understand the four sufferings as highlighted by Sakyamuni Buddha. These

are not unreasonable; for the spirit of humanity realises that when a human is alive the whole circle of his life knows the suffering which cannot be avoided. Each religion has its own method for practising the Way in order to make spiritual progress on the Divine Path to Eternal Life, such as:

-The Way of Humanity (Nhơn Đạo) that guides humanity to abide with suffering.

-The Way of Geniism (Thần Đạo), to guide humanity to overcome suffering,

- The Way of the Saints (Thánh Đạo) to endure suffering,
- The Way of the Immortals (Tiên Đạo) to guide humanity to escape from suffering
- The Way of the Buddha (Phật Đạo) to guide humanity and found the path to annihilate suffering.

As a result, there is one True Doctrine and it wants to see the destruction of suffering. Yet each religion points out various ways and philosophies that achieve this end.

We recognise that these philosophies are true and useful. We do not oppose this truth but we do see that because all religions have a “right way” then they all work to make the spirit of humanity so confused that they do not know what spiritual gate to enter. There are many people that have a wide knowledge and can think and to observe these philosophies. So clearly it can be shown that these philosophies are dreamy. And you come to discover that the dreamy nature of faith is true, but they are dream-like for many reasons.

Let us say that there is a philosophy you can not understand completely. Or you are afraid that if it is too easy for you to believe, that if you do in fact believe in it that people will laugh at you, criticise you and so you will loose faith. So you pretend that you don't have a faith. The majority of the educated, the philosophers, on this planet think in this way.

You know but you are afraid, you know that believing is correct but you cannot overcome your behaviour and the behaviour of others in order to decide for belief. You are worried that people will laugh or accuse you of giving yourself airs. Not believing!  
- the majority of educated people behave in this way.

So, what do they Perfect Beings reply to this? They say: you have full knowledge, a complete education in order to structure your own behaviour, but you do not have the courage to decide to do

the right thing. You have seen a person with a noble spirit. If that person knows that is a noble thing to do then they will sacrifice their lives to achieve it. From the beginning of time until now there have been many sages who have sacrificed their life in order to do the right thing. We ask you, "...is there any religion on this planet which teaches people to do the wrong thing?" There is no religion that would, not even the False Doctrine would be they dare to teach. They would not dare to teach the wrong thing. They would only teach people to do the right thing. And because of this right attitude there is no religion which is called "religion" that dares to teach people to do the wrong thing; they must teach people to act correctly. So intellectuals, like you, see the right thing to do, but you dare not do it and that shows that you have a very weak spirit.

Another thing, with belief as a foundation you must see that belief is both the intermediary and the direction for humanity's survival. How can you refute this? If the religions of this world cause the Spirit of Humanity to not know where to place its belief, then, to give an example, this is like the preparing of a meal with many dishes. Dishes such as meat, salt, bean sauce, vegetable, preserved bean curd, then you say there are so many dishes! Yet holding up your chopsticks you just play with the food and do not eat. If you don't eat you will become hungry. So eat!

The religions that are left on this world are fashioned to the behaviours of humanity, the behave in a manner that directs the

Spirit of Humanity.

Now if we see a house here with many rooms for people to live in, are we going to say there is no space for any one else to come? People are offering many dishes but you do not know

what to select, what to eat. Does that mean that none of these dishes are any good to eat, that they will not help us survive? Because we are unable to select a meal, that we give ourselves airs and so death is preferable to eating, so pretentious that you don't want to corrupt your body with something so common as food.

These religions are just like a family. Individuals compete with and criticise each other. It is not strange that if a family has grandparents, parents, uncles, aunts then they also have children, nephews, nieces... To those young people if we teach them that your brothers have to obey your mother. Your mother must obey your father, and your father must obey your grandfather and your grandfather must obey your great grandfather and so on... To distribute the rights and power in the family that is not a false story nor a story that is not true. But when the child grows to become a complete person, we do not need to say these things. Instead we say it like this, in your family there are grandparents, a father, mother and siblings, and you are a member of this family. And so you are a member of this family who must live in this family. The religions of the world depend on the intelligence and virtue of humanity to make progress up to certain levels. Religions are formed to reach the particular level of humanity.

All religions teach us how to enlighten and improve our virtue. All of those religions are worthy of contributing to the true physiognomy of virtue. But it is not that too many religions have been created to criticise and destroy each other. There is no way that one religion could destroy the others, even if they hated and competed with each other. But one religion can never kill the another because there is no power and capacity with which one can destroy another. Because the there is only one Truth. The truth is living the life of belief. Living the Path of Eternal Life, and making that life eternal and limitless, boundless; making

your spirit realise the source of religion. That is, seeking only the eternal life, even if you travel the hundred roads, you only need to know one way. That, for us, is enough, even if we travel a thousand ways. At the end we will arrive at same point. That is the realm of the Divine Eternal Life. That is the truest realm. The one we need to find. Yet it is not this earthly realm. For here we are carrying this animal/physical body. Undertaking all the suffering that comes with it. We are seeking the truth of religions therefore, there is no religion which does not show us the way. The more ways that a religions points out, the surer you will be able to arrive. If a religion is unable to show you this Path to Eternal Life, then it is no longer a religion. Thus we do not need to listen nor follow, even if we are enticed by its superstitions. This is not the true physiognomy of the Divine Eternal Life, but if human beings wish to discover these faults, then they leave immediately. For false religions are never be able to deceive us to the end, if they could they would destroy all the wishes of their spirit of humanity.

---

*Cung Hiệp Thiên Hành Hóa - Palace of Divine Beings who hold the power to control all human beings in a universe of many planets. The Palace (or department) of the Divine Alliance for preaching (the Way).*

*Nhơn Đạo - The Way of Humanity .*

*Phật Đạo - The Way of the Buddha.*

*Thánh Đạo - The Way of the Saints.*

*Thần Đạo - The Way of Geniism.*

*Tiên Đạo - The Way of the Immortals.*

---

**15.- Delivered in the Tây Ninh Holy See 19th of December 1948 (Lunar Calendar 19th Day of the 11th month, year of the Mouse)**

**The Secret Dharma that develops an Altruistic Life**

**where Selfishness is Destroyed.  
For a Public life against Private Aims**

Today Bần Đạo will continue to explain more of the “essential philosophy.” For this reason this sermon might be a little bit longer. All of you please sit if you are tired, and please try not to be restless.

Each time we attend these midnight ceremonies, we are attempting to explain a philosophy so complex we could write a book. Instead [I am] summarising it so it becomes a short essay... This requires much spirit and is not an easy task, it is, in fact, extremely hard.

Tonight Bần Đạo continue to explain the contention at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa regarding the mysterious secrets of the united organization. This regards the philosophy of an “Altruistic-Selfishness-Destroying” life or “A public life against private aims,” this is also called the Bí Pháp or “Secret Dharma.” If one can practise this doctrine on the earth, with the aim of saving various incompatible human systems so that humanity can break out of the circle of fighting and killing.

Furthermore, in the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa the Divine Beings use the theory of constant evolution as the foundation. Even in terms of this philosophy, religious freedom remains in the hands of the Divine Beings. These Divine Beings are influenced by Confucianism; in which one elevates the public, and diminishes the private. Also, this belief enables you to understand the glories of what seems a mysterious system of rewards and punishments, including the power and hold both the visible and invisible power of the Supreme Being, the Lord of all beings. What a pity! In the philosophy of Confucianism belief takes the spirit of humanity, which then influences itself. That is the method in the freedom of thought and the religious freedom

of humanity. Humanity is influenced by it, but they are unable to attain the right to control it. Thus, the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa objects and says: “We are seeing on this planet that all beings are protecting their lives using many unjust devices. Society is in chaos, the strong are winning, the weak are losing, the stupid are being destroyed, and whoever is intelligent is powerful, strong, although it is the same with humanity. We see clearly on this planet this drama will continue to play itself out, it will never finish. Those humans who are becoming enlightened, try to discover the solution to harmonise the situation. The systems of humanity have pushed humanity towards perdition. In the future, if there is an invisible power that decides the destiny and the basics for humanity, will it be this power to have the capacity to protect and prevent injustice, refusing to let the injustice continue?”

If the question is put to us in this way, it seems a very hard issue to resolve. But it is lucky that in the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa the Perfect Beings, who have not surrendered in the face of this question reply: “Because of the original foundation of keeping the private and destroying the public, of elevating selfishness and destroying the altruistic,” whenever this drama still takes place, then the relative law that decides the destiny of the activities of beings is still operating. Whenever the whole of humanity, knowing that they must keep to the public and destroy the private, elevate the altruistic and destroy selfishness - then this is like a time of liberation for humanity.

We see that the school of life is not very different from the Divine Realm? There is one thing from which all the systems of humanity are formed, and done so from the keeping of the private realm, that is selfishness. Whenever you keep the private and remain selfish there will be competition and comparison, so when there is competition and fighting, then there is killing and destruction, is this not a strange thing?

All beings are affected by the law of nature. This law decides the right of dĩ công, diệt tư (diminish the private, elevate the public)

whether in society or in the family. In our family, if we think of it as a philosophy, let us call it “familyism.” If the children elevate their own aims in such a system, then chaos and poverty will reign. Nationally, a people must be for their country, thus the nation will be strong. But if the people act egotistically and work only realise their own happiness, if they do not make sacrifices for their community then the country will slide towards chaos. The nations of the world, if they only know how to take care of themselves, only struggle to make their country better than the rest. This is also an egoistic attitude. When one country wants to be better than the others, there is objection and struggle. Struggle means humanity destroying and killing each other. This is not strange. It is the natural law of progress. But what reason do they progress? Is it in order to move towards the path of union, that is the path of altruistic behaviour that will lead to the destruction of the egoistic. It is a great pity that humanity does not yet have this sort of spirit. This egoistic path you should not call it just or true. We must in fact consider these egotists as abject as rustic, backward and unjust. Now wonder that this world is upside down and in chaos.

Friends, can you hide? You are invited to get out of the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa and go down to the earth and look at the situation of its evolution then decide from what power? Standing in front of the door of the Diêu Trì Cung under the banner to invoke the spirits of Đức Diêu Trì / The Universal Mother Goddess. We see a map on display for us to examine. We see an area of land close to the sea, some small areas are muddy, and other parts are hilly, the land going up and down, with a sign for sale “300 francs.” This piece of land is the town of New York, the scenes are very sparsely populated and the land is cheap, say, only 300 Francs. Then we ask how can its forms be changed? It becomes a little town, it looks like a small harbour town, and the merchants come to trade. Then we see it change, becoming a big town, people moving about, many of them trading in gold, the situation develops, things become better, and change



follows change. The town has now become big, there are many people bustling about, this is the time of La Fayette. At this time, the people of New York City were trying to find a way of liberating themselves from the yoke of the English. Then we see more changes as the buildings increase. The harbour is full of ships. The people are even busier, the buildings rise to one hundred stories. They are magnificent. The situation is not like it was. The muddy areas have become part of a vast harbour teeming with wealth, incomparable. If we can imagine this, because with the elevator of the private from the beginning it makes the city of New York develop the situation as we see it now, asking which one would humanity like to keep, whether the muddy piece of land or the noble metropolis?

The Divine Beings said, "...it's not finished yet, it is still changing, it is not only New York City but the whole world that will, up to its limit, change and change again.

Vietnamese friends, let us look at the map of Saigon City. We can see on this map along either bank of the big river, sedge growing wild. Next to that, on the little river, are a few fishing boats. That is Bến-Nghé along the two banks of this river we see that it is muddy and dirty up to the paddy fields and again, overrun with sedge. Now and then we see the form of the landscape changing, the two banks of the river now have less sedge and people are hurrying with each other to build houses - stilt houses. The river becomes full of trading boats. Now we see even more change, we see near the banks, people gathering to build houses, making a bigger village. The scene is now full of houses and boats. In the next scene we see dry paddy fields and everywhere houses with dirt floors. Then houses with tiles and more thatched cottages. More changes, and we see that each bank of the little river now is the Charner Avenue (Nguyễn Huệ street in Sài Gòn). The people are very busy now, the city is bustling. Then after more change, the little river disappears. On both sides of the big river, there are no more stilt houses as there were before. There are many ships busily coming and going, full of merchants. Yet more change, and we see the town trading

prosperously, still more change and we see churches rising, government offices being built, and still after more change, we see the town as it is now.

The Divine Beings asked, “Do we want to keep Saigon City as it was previously, with the mud of the paddy fields, or want to keep what we see today?” Then they said, it is, of course, not finished yet, there is still more change to come.

Now, as someone said, there is the Caodaist Religion we just wait and see, become a witness to this. We see our Holy See, the map with jungle, trees, tigers, panthers, monkeys and all sorts of other wild animals. Then we see it change and have a few thatched cottages in the forest. The after some time people cut the grass with their scythes and open up the land. On this land they build a temple with a few thatched cottages for accommodation. After more change we see thatched huts built everywhere. At each place there are now thatched houses sitting next to each other in the forest where there is cleared land. Then we see people entering the temple, looking clean and honourable. Then we see a few members of the hierarchy enter the temple whilst outside there are a number of people who are scolding and abusing them. After yet more change, we see crowds of poor people coming to fell the trees and level the undulations of the land. Then we see stone towers and the building of a temple with a tiled roof, after still more change we see the old temple disappear and the current temple and other buildings rising up everywhere.

We, the Caodaist Religion, would we like to keep the desolate forest, or the current temple or to keep it as a private domain? Those Divine Beings said all this change comes because of the need to elevate the public, whether that is New York City or Saigon City, they all change their forms depending on public need, not private whim. The houses we build are only really

the achievement of the union of the public, not for the private or egotistic.

How can we see that the current secrets of the Divine Mystery will spread from the Bát Quái Đài to here? We see trees then we walk past these buildings and we must know that our hands have sculpted these things. All the things each of us see on our way are also made by our own hands, that is they are public, not private. This is true even up to Phật Mẫu (Buddha Mother, The Universal Mother Goddess). On earth we see and recognise that Phật Mẫu is also our mother here. She Herself gives birth to our physical being. Phật Mẫu is thus a public being, she cannot be private. And the Supreme Being, who we will see next, we will see that He is a father to each of us. When we see Him we know that we must be public beings, and so, we can no longer act as private agents. These Divine Secrets hold heaven and earth to form a stable power. This occurs because the organization is for public matters not for those which are private.

On this earth, whenever humanity dedicates their life to the public purpose, whenever they refuse to take a piece of land for private means, it is then that people are able to enjoy happiness.

---

*Bát Quái Đài - the Council of the Great Spirits which heads the Eight States of Soul, the Eight-sided Palace of God's presence, the Eight Trigrams Palace.*

*Bí Pháp - Secret Dharma, esoteric teaching, esoteric doctrine.*

*Cung Diêu Trì - the Heaven of the Creation under the Mother Goddess.*

*Cung Hiệp Thiên Hành Hóa- Palace of Divine Beings who hold the power to control all human beings in a universe of many planets. The Palace (or department) of the Divine Alliance for preaching (the Way).*

*Diêu Trì Cung - the Heaven of the Creation under the Mother Goddess.*

*Đức Diêu Trì - The Universal Mother Goddess.*

*Phật Mẫu - the Buddha Mother, The Universal Mother Goddess.*

---

**16.- Delivered in the Tây Ninh Holy See 22nd of December 1948 (Lunar Calendar 22nd Day of the 11th month, year of the Mouse)**

**The Law of Love and the Right of Justice  
How to Lead Humanity to Union through Belief**

Today we come to the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa where we examine the (spiritual) struggle and discover what if anything is set against us.

Up until now Bần Đạo has explained numerous questions concerning liberated souls. But because of their lack of virtue, trying to find all sorts of philosophies that will allow them to deny their guilt, we have seen that the Divine Beings at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa will not yet let them get away with it.

Tonight, for the last time, we will imagine ourselves at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa this time is the most essential of all, because of these questions about the power of faith.

The Law of love and justice from all the religious founders left on our planet, - if we pay close attention we will feel myriad questions come at us fiercely. So you should pay attention - especially the male and female dignitaries who have been appointed by divine decree.

Tonight Bần Đạo's speech will be most essential to questions of our faith.

Last time Bần Đạo explained to you that because there are many religions, the human heart has become inconsistent. They attack the Law, they ask, "if religion has a visible form and doctrine,

certainly it must struggle with the Divine form and doctrine. Why have religious founders formed religions that are different from each other? Some religious founders explain it this way, others that way... it is clear that they are contrary to each other, so how can humanity not be divided, how can it be united?

“The religious founders should examine their Dharmas and their religious laws, methods that are unkind and often against each other. They are not in accord, especially regarding ideals and the spirit of virtue, so how can humanity avoid disunity? If humanity is not united then it is in trouble.”

The temporal life is always contradictory, troubled, lacking unity. And the Divine Beings at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa can only sit and laugh, they tell us that there is an unjust law of the races on this planet. Because of the many psychologies, and heartfelt virtues and spirits, so do not say there is one race or nation, just as it cannot be said that there are ten thousand nations. The virtues of humanity are so different. For example, if you ask the Buddha (Siddartha) to form the religion in India then that, in today's terms, becomes Buddhism. And he can have the same heart and nature with the people who are so different in nationality from him. But how can he control the psychology of humanity? According to the law of Love and Justice these are the methods of the religious founders, even this law has formed religions which are disharmonious to each other. But they all open the Way and show humanity the path of the Dao, that is; having faith to worship both humanity and God. Regarding the law of the Buddha, he said "...if I am not both Love and Justice then this religion can not be about Love and Justice." From the first day of creation until this very moment, what foundation is used by the Divine Beings to form a religion? Is this Love and Justice? If it is not then we shall never find that sublime philosophy for the psychological needs of humanity. The door before us is marked "benevolence."

Against this, the Divine Beings dispute and force themselves in the debate. If human beings do not have the same spirit as they do, and if they do not have Justice, good attitude, spirit, and a vast love, if they are not one, then the Divine Beings will not humble themselves to descend amongst us. Nor will they suffer to lift up the spirit of humanity and act like that.

Lao Zi saw that humanity did not know its rank. Nor did they know their true identity, so they did not know their rank. Against this, Lao Zi was born in China at a time when the psychology of humanity had been devastated. The Chinese did not know of the dignity of humanity. The psychology of humanity at this time was confused, there was no true human conduct, no self-respect. They did not know their rank and so they did not believe in humanity, that was the nature of the animal. If without the philanthropy and kindness that awakened humanity at this time, there would have been no knowledge of the highest and most noble ranks. And so, humanity were no longer animals. If there was no Love or Justice then he would never have been able to form a religion like he did (Dàoism). Now we can see that from China, he not only speaks profoundly to East Asia but also to Europe. He speaks about the true and sublime philosophy of the Dào. The people who follow his way are countless, they talk about truth. We protect the spirit that they found, they looked back and saw only this spirit. Whatever the religious law, it will be formed by Love and Justice. The method (these religious leaders) created in order to forge an identity able to lead the spirit of humanity, move them towards the noblest levels is Love and Justice. This Love and Justice is the Way of human morals. Confucianism was formed by Confucius in China because he saw that human morals at that time had been turned on their head, ruined, thus he formed Confucianism, and so he protected human morality.

Lao Zi also saw that human dignity had degenerated. No longer did it have a psychological value, for human beings had completely

lost the values of humanity. Therefore this great soul humbled himself in order to come down to the earth and set a law, a law that took the way of human morals as its fundamental basis. If one knows how to respect oneself and knows one's position, then that is the Divine Path. Knowing the heavenly way is knowing the Divine Law, knowing the Divine Law is knowing the Supreme Being who has created the Way. Therefore one must keep the Way. If not, he could not hold onto the name of the Supreme Being as an internal treasure.

Lao Zi said the *Dào* is the highest and most respected of Ways. He said so in order to show the Law of Love and the Dharma of Justice. If the life of the universe was thus created, then life for humanity should be so determined - life for all the races on this planet.

His law is the opposite of the morals of this earth, the spirit of virtue of the religion is an intermediary that today all nations are searching for.

Therefore in the Caodaist Faith, the Supreme Being has predicted that, "The Caodaist religion is a banner signalling to all nations that they must realise in advance that the period of world-changing (world-improving)-Confucianism has come."

The virtue of Jesus Christ, (that is, Christianity) is that if he had no philanthropic desires he would not have offered his physical body for sacrifice to the Supreme Being. He was begging for forgiveness for the sins of humanity. So, he deserves to be loved. If we show this as the model for people to follow, then Christianity gains the love of our planet.

If you intellectuals still deny, and object and debate, I then say, "...although there are a thousand ways, you must select one! If

you refuse to lead the psychological needs of humanity along the Way of belief and lead the spirit of humanity towards the law of Love and the Dharma of Justice, there will be some records for you to use when you appear in front of the three-religion-tribunal where you must beseech the court for mercy. I am sure you have no way to deny that you are guilty, no matter how much you argue, you cannot deny this guilt. If you deny your guilt then I would like to show clear proof that you are wrong:

The Caodaist religion has been made manifest. The Supreme Being has opened the Way now for 24 years. He has come to sign the Third Alliance with humanity because humanity betrayed the Second Alliance. They did not keep their faith, and so they were against the Way. Humanity is walking on the way to perdition. We compete with and try to destroy each other. But because of Love and kindness the Supreme Being has come and signed the Third Alliance. He has left it as a law to guide us.

The Divine Beings point directly to the Caodaist Religion as the Way to believe with a kindness that suits ones dharma. “Dieu et Humanité” therefore know that God and Humanity relate in terms of the Law of Love and Dharma of Justice. Although the law has myriad forms, those forms still remain inside this law of Love and these rules of Justice.

The Sacerdotal Council of Caodaism depends upon the highest form of this invisible law, the laws of Love and Justice. To lead them to the invisible realm, the highest and most venerable form is from this law of the Caodaist religion.

Besides the law of Love and Justice, all the rest are simply methods.

At the next sermon Bần Đạo will preach about the powers which are the co-efficient of this law of Love and Justice.

**( to be continued)**





## XUÂN TÂM

*Mơ khắp vạn loài vạn ý Xuân,  
Thiên lương vạn lối ý tâm gần.  
Xuân lành bắc nhịp cầu nhân thế,  
Xuân đẹp tô màu sắc thế nhân.  
Ban rười mưa Xuân Cam lộ thủy,  
Chan hòa nhân loại lý nguồn chân.  
Đạo Vàng khai mở Trời Nam đó,  
Ánh đuốc XUÂN TÂM hé lộ trần!*  
Minh Hiền Nguyễn Ngọc Nương

### **Kính Họa:**

## VUI MÙA XUÂN ĐẠO

*Mỗi ngày sống Đạo mỗi ngày Xuân,  
Xuân ở tâm không Thánh Đức gần.  
Xuân chúc lập Công vun cội Nghĩa,  
Xuân cầu bồi Đức đắp nền Nhân.  
Lợi danh phú quý đời thường giả,  
Bác ái Công bình Đạo vững chân.  
Hòa hiệp cùng nhau tròn sứ mạng;  
Vui mùa Xuân Đạo lánh hồng trần.*  
Tố Nguyên  
Xuân Kỷ Sửu\_2009

**Thử Tìm Hiểu  
Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống**

**HT Hồ Hoàng & HT Kim Minh**

(Tiếp theo từ TSTD 36,37,38)

- “Xén mày, vẽ mặt, tô môi”  
“Chẳng qua tâm lý gạt đời dối quanh”  
“Khá tua ghi nhớ ngọn ngành”  
“Bất công còn lắm chiến tranh còn nhiều”*
- 1230 *“Khi nào **yêu mến** chắt-chiu”  
“Công Bình Pháp Chánh **trải đều muôn dân**”  
“Là ngày hiển đạt vô ngần”  
“**Là ngày Thành Đạo** hồng ân diệu kỳ”  
“Vạn loài hạnh phúc mê ly”*
- 1235 *“Cũng ngày khởi lửa biên thùi bật luôn”  
“Chính ngày nhân loại chung nguồn”  
“Phát tâm hướng thiện, chim muông rộ cười...”  
**Cao Đài** từng dạy ai ơi,  
Tinh thần vi chủ nhớ lời **Chí Tôn**.*
- 1240 *Tinh thần vững chắc không sờn,  
“**Tự quyết, tự chủ**” thiệt hơn rõ-ràng.  
Dù cho quyền quý cao sang,  
Dù cho bích ngọc càn vàng chẳng mơ.*
- Văn minh vật chất hững hờ,  
1245 Không làm tôi mọi nhuốc nợ tinh thần.  
Vua quan chí đến thứ dân,  
Tinh thần vi chủ, tinh thần cao siêu.  
Tinh thần giữ vững Giáo Điều,  
Tinh thần tự trọng chẳng kiêu không hèn.*
- 1250 *Không vì vật chất bon-chen,*

- Không vì phẩm tước lợi quyền hại dân.  
**Xác** kia đầu phục **Chơn Thân**,  
**Noi đường Thiên Đạo** cho thân được nhàn.  
Tuy rằng cũng lắm gian nan,
- 1255 Đường tu có khảo, Niết Bàn mới mong.  
**Đức tin** trụ vững nơi lòng,  
**Ngọc Hư** trị thế tuyệt không nể vì.  
**Công bình** chẳng thể du di,  
Cầm cân nẩy mực khó ly mây hào.
- 1260 Thực hành **Tam Lập** cho mau,  
Đủ đầy hạnh đức lẽ nào không thặng?  
**“Cực Lạc Thế Giới”** hóa hoăng,  
**Ốn Trên** cứu độ tội căn giảm dần...  
Làm người lắm nỗi gian truân,
- 1265 Cái ăn cái mặc tinh thần khó an...!  
Nào ai ở thế vẹn toàn,  
Gắng lo tu học tâm toan cam đành.  
Thanh nhàn một túp lều tranh,  
Làu-làu **đạo đức** tài lành an bang.
- 1270 Làm sao biết đá biết vàng,  
Làm sao phân biệt ngay gian, chánh tà.  
Trên đường hóa độ gần xa,  
**Cực Lạc Thế Giới** Phổ Đà độ duyên.  
Người tu giữ vững **chơn truyền**,
- 1275 **Đức tin** trọn vẹn đừng thuyên giảm lòng.
- Hỏi mình, mình có tin không?  
Hỏi người, người có tin cùng như nhau?  
**ĐỨC TIN** sẽ đến động đào,  
Đến nơi Phật ngự Trời cao chín tầng.
- 1280 Kiếp người chìm nổi đa truân,  
Nhưng tin có **Đấng Thánh, Thần** trợ duyên.  
**Đức Tin** vững chắc tâm nguyện,  
Ba đào đại hải vẫn yên như trồng.  
**ĐỨC TIN** ai có, ai không?

- 1285 Ai tin ngoài mặt mà lòng chẳng tin?  
Tin ai có phải tin mình?  
Cường quyền áp bức, niềm tin có sòn?  
Tin mình, mình biết, mình hơn,  
Tin hàng **Thánh Thế, Chí Tôn an bài.**
- 1290 Tròn tin vào **Đấng Cao Đài,**  
Muôn người như một thật hay vô cùng.  
Chừng nào **nhân loại tin chung,**  
Là ngày **thành Đạo** khắp vùng Đông Tây.  
Tâm tư trù-trũ ai hoài,
- 1295 Thử nhìn **trí thức** các Ngài ra sao?  
Quả là tài học thật cao,  
Đa văn quảng kiến lý nào cũng thông.  
\* **Nhơn Đạo** dạy khổ phải tòng,  
**Thần Đạo** thắng khổ kiết hung chẳng màng.
- 1300 **Thánh Đạo** thọ khổ gian nan,  
**Tiên Đạo** giải khổ mở đàng tu thân.  
**Phật Đạo** thoát khổ dương trần,  
Cùng trong triết lý mấy ngàn dạy khuyển.  
**Cũng Nên Chánh Giáo** chơn truyền,
- 1305 **Nhất tâm diệt khổ** căn nguyên Đạo mầu.  
Đạo nào triết lý cũng sâu,  
Làm cho **trí thức** đau đầu ngẩn-ngờ.
- Biết đâu chọn lựa bây giờ,  
Bởi chưa thấu đáo ngu-ngờ lừ-ừ.
- 1310 Cho dù văng-vặc tâm tư...  
Cũng nên nghĩ lại từ từ để xem.  
Sợ nơi miệng thế xiểm gièm,  
Nếu mình “vào đại” anh em chê cười.  
Cượng cầu nét mặt nào tươi,
- 1315 Chân-chờ, lần-lữa cuộc đời dở-dang.  
Đến khi sức tỉnh muộn-màng,  
Chớm lòng **tín ngưỡng** mình đang cuối mùa.  
Bây giờ nhập cuộc đành thua,

- Bây giờ nhập cuộc già nua mất rồi...!
- 1320        *Tại mình can đảm thiếu thôi,  
 Nếu mình **cương quyết chọn nơi tu hành.**  
 Cũng vì mình thiếu đấu tranh,  
 Chân-chờ ngại bước nên đành trẽ tu.  
 Đạo nào cũng dạy ôn nhu,*
- 1325 *Đạo nào cũng dạy bớt thù thêm thương.  
 Ta **nên can đảm chọn đường,**  
**Trí thức tự quyết chẳng ương không hèn!**  
**Đường tu** nào phải đổ đên,  
 Hên xui may rủi không đèn mò đi...*
- 1330        ***Đạo Trời** chỉ dạy từ bi,  
 Trước nhiều **Chánh Giáo** khác gì bữa cơm.  
 Dũa giơ hâm-hở chục hờm,  
 Cỗ bàn nhiều món biết đơm món nào?  
**Đạo Trời** cũng có thấp cao,*
- 1335 ***Tùy theo nơn loại** mà trao Đạo Trời.  
**Theo Đạo Trời,** sẽ đến nơi,  
 Dù muôn vạn nẻo nhưng rồi hiệp chung.  
 Cá nhân mỗi mỗi thầy cùng...  
**Thiên Liêng Hằng Sống** ung-dung lên đường.*
- 1340        *Sớm chiều đội nguyệt dầm sương,  
**“Vị tha, diệt kỷ”** thói thường khó khấn.  
 Cái **“ta”** mình lớn ai bằng?  
 Thương **“mình”** chữa đủ, thương **“trăng”** xa vời.  
 Tháng ngày no bụng mình thôi,*
- 1345 ***Ai no, ai đói** mặc người thế gian...  
 Việc thiên hạ, chuyện mơ-màng,  
 Mỗi người riêng gánh tính toan giàu nghèo.  
 Tảng lờ trước cảnh gieo-neo,  
 Ai thương, ai quấy, ai đèo mặc ai...*
- 1350        *Đêm về trăn-trở thở dài,  
**“Dĩ công, diệt tư”** mấy ai đâu là...  
 Chỉ vì nét hạnh phối pha,*

- Chỉ vì tâm địa mẫn-mà của riêng,  
 Cứ theo **bí pháp** ẩn truyền,
- 1355 Xuôi dòng nước chảy có duyên ắt gần.  
 Duyên dành kẻ lũng băng-khuâng,  
 Tìm-tòi học hỏi sáng-ngần trong tim.  
 “**Tương tàn**” khác thể châu chìm,  
 “**Dĩ tư diệt công**” như chim tranh mồi.
- 1360 “**Công Đường**” chỉ biết mình thôi,  
 Bao nhiêu mâu thuẫn mấy chồi loạn ly...!  
 Trong nhà con cái suy bì,  
 Tranh giành lợi lộc sân-si cộc-cần.  
 Như vậy hạnh phúc cho chăng,
- 1365 Hay là sóng dậy đất bằng xôn-xao...!  
 Nước non gặp lúc ba đào,  
 Muôn dân đoàn kết phát cao ngọn cờ.  
 Già nua dẫn dắt trẻ thơ,  
 Hỏi rằng nước ấy côi bờ vững không?
- 1370 Bây giờ mình tự hỏi lòng,  
 Bao nhiêu biến cố có trong qui trình?
- Tuy rằng **Trời Đất** rộng thênh,  
 Mỗi khi **động tĩnh** có tình **Tạo Đoan**?  
 Môi sinh lớp lớp sinh tàn,
- 1375 Muôn loài giục tấn dài trang diễm kiều...  
 Trở về **Cội Đạo** thân yêu,  
 Rừng cây thăm thẳm thú nhiều hoang sơ.  
 Chồi tranh đôi mái che hờ,  
 Phá rừng một khoảnh **Đền Thờ** dựng lên.
- 1380 Khang trang sạch sẽ ngôi Đền,  
 Bao người xưa đến mà quên thú rừng.  
 Đường như trẩy hội du Xuân,  
 Sóng người cuộn-cuộn góp phần công to.  
 Phát chồi dẫn gỗ ban gò,
- 1385 Gạch xây chất đống xúm lo cất Đền.  
 Ngôi Thờ vừa mới dựng lên,

- Nhưng rồi lại hạ cái tên “**Thánh Tòa**”  
 Say nhìn **Tòa Thánh** nguy-nga,  
 Mình yêu **Tòa Thánh** hay là **rừng xanh!**
- 1390 Cái chi biến tướng tỵ thành,  
 Là công tất cả ai tranh được nào?  
 Ngày nay cửa các lầu cao,  
 Đường ngang nẻo dọc chỗ nào cũng xinh.  
 Mỹ quang thiên hạ ưa nhìn,
- 1395 Muôn lòng tín ngưỡng tròn tin chốn này.  
**Nhờ người thiện nguyện** dựng xây  
 Nhờ Người hướng dẫn **bậc Thầy** thế gian.  
 Người nay nhiệm vụ bảo toàn,  
 Đừng cho biến tướng giữ an mọi bề.
- 1400 Nhưng đừng bảo thủ u mê,  
 Nếu ta bảo thủ vụng về hại không?  
 Việc nào đạt lý tình thông,  
 Thì nên bảo thủ chớ hồng bông lơ.
- Góp công góp của giúp lời,  
 1405 Chớ đừng bẻ phái dựa hơi lạm quyền...  
 Việc nào không phải việc riêng,  
 Gia tâm thôi thúc xóm diềng điểm tô.  
 Chung lưng giữ vẹn cơ đồ,  
 Cửa “**Thầy**” gây dựng ban **cho nhân quần**.
- 1410 Chạnh niềm trấ-ẩn băng-khuâng,  
 Làm ra thiệt tướng mấy ngàn công phu.  
 Nhờ ai mới có hình thù?  
 Mà Người nấn vóc bao thu mỗi-mòn.  
 Tháng ngày gầy-guộc héo-hon,
- 1415 Vì thương “**lũ trẻ**” mãi còn chưa thông.  
 Gẫm xem khắp chốn trần hồng,  
 “**Người sanh**”, “**Người dưỡng**” thì công thế  
 nào?  
 Công người “**sáng tạo**” ra sao?  
 Công Người “**sanh dưỡng**” càng cao mấy tầng.

- 1420 *Thương Người, mến cảnh, xót thân,  
Đêm đen trăn-trở gánh trần đeo-đai...  
Nhớ Cha thương Mẹ rạc-rài,  
Chợ đời muôn mặt lá-lay dị thường.  
Các vì Giáo Chủ còn vương,*
- 1425 *Thiên Điều Luật Đạo nhiều chương dị đồng.  
Mâu thuẫn Tôn Giáo có không...  
Đồng tâm, đồng tánh, đồng lòng nhau chẳng?  
“Thương yêu, hòa ái, công bằng”  
Mở đường Đạo Giáo Hải Đăng khêu đèn.*
- 1430 *Gây meo đuốc huệ nhúm-nhen,  
Bừng lên ánh Đạo như kèn rạng Đông,  
“Thích Ca” lừa bỏ đèn rông,  
Thật ra Ngài đã ước mong những gì?  
Giẫm dò triết lý Giáo Qui,*
- 1435 *Chánh tâm Đức Phật cũng vì gieo nhân.*
- Phải khi Lão Tử tá trần,  
Nhơn tâm xáo trộn thiệt chân chẳng còn...  
Tình người gây-guộc héo-hon,  
Tìm chân giá trị mỗi-mòn không ra!*
- 1440 *Dân đen ngu-muội thật-thà,  
Phẩm người chẳng biết vị ta cũng mù.  
Dương trần mở Đạo khuyến tu,  
Đừng mê vật chất võng dù ích chi...  
Nương theo cứu vớt Diêu Trì,*
- 1445 *Nhơn luân đạo trọng lối đi sẵn rồi.  
Thói thường đen bạc như vôi,  
Vợ chồng ấm lạnh xoong nồi vỡ tan...  
Trâm kha giấc mộng “Kê vàng”  
Khuyên người tu học chói-chang linh hồn.*
- 1450 *Hễ ai tín ngưỡng Chí Tôn,  
Rồi ra tin chắc chơn hồn vinh thăng.  
Cao Đài nề-nếp chuẩn-thăng,  
Phải đâu nói cuội nói trắng trên trời...*



- Cao Đài** cả dãy khắp nơi,  
 1455 **Nho Tông** chuyển thế sáng ngời muôn tim.  
**Công bình bác ái** gắng tìm,  
**Nghĩa nhân** mơn-mởn cánh sim đầu mùa.  
**Luật đời** lắm nỗi cay chua,  
 Cường quyền áp bức theo hùa hại dân...!  
**Luật Đạo** trong trắng vô ngần,  
 1460 “**Thương Yêu Hòa Ái**” kỳ trân cúng dường.  
**“Bí Pháp Công Chánh”** thân thương,  
**Chí Tôn** vạch rõ con đường từ đây.  
**“Cha”** đáng “**Cha**”, “**Thầy**” đáng “**Thầy**”  
 Hỏi người có thấu ai đây vậy kia?  
 1465 **“Diệu Đê”** tứ khổ còn kia,  
 Hỏi quang phản chiếu đầm-đìa châu sa...
- Sơ sanh chí đến tuổi già,  
 Trót mang tiếng khóc tu oa ban đầu...!  
 Tự tìm nguồn cội từ đâu?  
 1470 Giàu sang hay lại dãi dầu nắng sương?  
 Kiếp sanh có lắm đoạn trường,  
 Hay là hoạn lộ bốn phương rạn-ngời?  
 An nhàn cuộc sống thanh-thời,  
 Hoặc là lâm vấp cuộc đời đắng cay...?  
 1475 Tuổi xuân lặn-lóc dạn-dày...,  
 Hay là vương giả được may-mắn nhiều!  
 Vào hàng **quí tử** chất-chiu,  
 Hoặc là bất hạnh lắm điều gian truân?  
**“Song Đường”** lộc cả dương trần,  
 1480 Hoặc trong gian khổ bản thân nghèo-nàn.  
**Công hầu, khanh tướng** chói-chang,  
**Tông Đường** hiển đạt rỡ-ràng hay không?  
 Đeo đai trước chất bụi hồng,  
 Hay là diệt khổ thông-dong mây ngàn.  
 1485 Cuộc đời **Cha Mẹ** vinh sang,  
 Phần con kiếm diện ngõ-ngàng hay chẳng?

- “**Hiếu Trung**” con có đã hằng...  
 Mẹ cha bảo dưỡng, uống, ăn bấy chầy?  
 Ba đào sóng dậy không lay...  
 1490 Rắp tâm thờ Mẹ, miệt-mài hiếu Cha.  
 Quạt hâu ầm lạnh tuổi già,  
 Chén cơm, bát nước thiết-tha kính mời.  
 Phụng thờ chẳng lúc nào rời,  
 “Tang Cha, khóc Mẹ” ai người trước đây?  
 1495 Gặp cơn khổ cảnh nạn-dày,  
 Thương Cha, nhớ Mẹ đắng cay đoạn trường.  
 Cù lao cúc dục thân thương,  
 Mình không chu tất lòng vương khối sầu.
- Buồn này gậm nhấm thiên thu...  
 1500 Nào ai đã bước qua cầu này chưa?  
 Sợ buồn dần-vật đu-đưa,  
**Phụng thờ Cha Mẹ** chữa vữa lòng con...!  
 Tâm tư da-diết mỗi-mòn,  
 Mỗi khi tức cảnh héo-hon trong lòng!  
 1505 **Nhớ Cha, thương Mẹ** vô cùng,  
 Vì chưa thanh thỏa cái cung cái cầu.  
 Ở hờ **Cha Mẹ** ốm đau,  
 Hay vì nghịch cảnh cúi đầu chịu thua?  
 Lá lay ngọn cỏ gió đùa,  
 1510 Bây giờ gãm lại xót chua não-nề...!  
 Khi còn bạch diện ngô-nghê,  
 Khi còn hơ-hớ tóc thề ướm vai.  
 Chỉ lo học tập miệt-mài...  
 Ởn Cha, nghĩa Mẹ một mai đáp đền...  
 1515 Công thành, danh toại nhớ quên,  
 Mà lòng khắc-khoải vang rền âm ba...!  
 Bản thân du giú tháp ngà,  
**Tông Đường** bỏ mặc, **Mẹ Cha** chẳng màng!  
 Người thân lần biệt trần gian,  
 1520 **Anh, Em, Cha, Mẹ Thiên Đàng** hỏi qui...

Soát xem mình đã được gì?  
 Gia đình con cái **Tông Chi** thế nào...?  
 Giọt buồn thâm-thúy biết bao,  
 Góc trời cô quạnh nghẹn-ngào thê-lương.  
 1525 Rọi soi thân phận chán-chường,  
 Gắng tu để giảm tai ương kiếp này.  
**Cơ Trời Tạo Hóa** vẫn xoay,  
 Nghe lòng thơ-thới chứa đầy huệ quang.  
**Chí Tôn** ưu ái nồng-nàn,  
 1530 **Theo Thấy, lo Đạo** ân ban thật nhiều.  
  
 Hằng ngày kết nối thương yêu,  
 Chuyên tâm kinh kệ sớm chiều giúp dân...  
**Huệ quang** tăng tiến sáng ngần,  
 Tâm hồn thơ-thới xác thân nhẹ-nhàng...  
 1535 Giúp người khốn khó lầm than,  
 Độ người trái bước lữ-làng đường tu.  
 Vệt đi những áng mây mù,  
 Vòng tay cứu độ thiên thu vẫn còn.  
 Xa lìa ngọc các lầu son,  
 1545 **Đường TU** dẫn bước đá mòn vững chân.  
 Cùng nhau xúm xít lại gần,  
 Kê vai gánh vác đỡ nâng Đạo mầu,  
**Thánh Ngôn Thánh Giáo** dồi trau,  
 Quyết **TU** đừng ngại dãi dầu nắng mưa.  
 1550 Hiến dâng biết mấy cho vừa,  
 Tội tình nhân thế còn chưa đáp đền...  
 Chủ trương **BÁC ÁI** đừng quên,  
**Ai Người** xây dựng vững nền **Phật Gia**?  
 Phải chăng **Đức Phật Di Đà**,  
 1555 Hay là **Đức Phật Thích Ca** vậy kìa...?  
 Nhìn gương **Thập Tự** còn kia,  
 Đóng đinh chịu khổ sót chia tội tình.  
**Cao Đài Hộ Pháp** anh minh,  
 Mãi lo thiên hạ hiến mình dẫn thân.

- 1560            *Nằm sương gối tuyết phong trần,  
Xây thành đại nghiệp toàn dân hưởng nhờ.  
Cao Đài tuyệt đẹp như mơ,  
Nương theo Hộ Pháp phụng thờ Chí Tôn.  
Đức tin, thể xác, chơn hồn,*
- 1565   *Ai dưng tất cả là khôn ngút ngàn.  
Cao Đài cứu độ nhân gian,  
Mưu tìm hạnh phúc Thiên Đàng mừng thay.*
- Tròn tin ở tại chốn này,  
Địa cầu “sáu tám” hưởng đầy ân Thiên.*
- 1570            *Khá tua giữ vẹn mối giềng,  
Giáo Tông Anh Cả Thiêng Liêng dạy mình:  
“Đức tin một khối tượng hình”  
“Vạn Linh lại với Chí Linh hiệp cùng”  
Hòa ước nhưn loại ký chung,*
- 1575   *Hai điều Thầy dặn nhớ dùng trần tâm.  
Lương tri nhắc-nhở thì-thâm,  
“Thương Yêu” nhưn loại lâm râm khẩn nguyện.  
“Vạn Linh” thương trọn gây duyên,  
Đó điều trọng yếu Thầy khuyên dặn-dò.*
- 1580            *Con người vốn dĩ so đo,  
Nên quyền “Công Chánh” khá lo giữ gìn.  
Chỉ là đòi hỏi “Công Minh”  
Vậy mà tận thế độ chinh hã còn.  
Quý chẳng ở tấm lòng son,*
- 1585   *Đất bằng sóng dậy non mòn vẫn trơ.  
Soát xem từ thử đến giờ,  
Bao người trở mặt có ngờ được chẳng?  
Thích Ca luyện phép nhịn ăn,  
Bốn trò theo dõi cho rằng phí công.*
- 1590            *Nào ngờ Đức Phật đạt thông,  
Rồi sau tái hiệp chung dòng Phật Gia.  
Hai người tâm tánh thật thà,  
Cuối cùng chỉ một cánh hoa đơm chồi.*

- Một trò đắc đạo mà thôi,  
 1595 Ba người ngã quy giữa vời mông-lung...  
 Mà nay **Phật Giáo** khắp vùng,  
 Bao người tín ngưỡng theo chung một đường.  
**Đạo Tiên Lão Tử** đáng thương,  
 Một trò một tớ am tường **Thầy** \* thôi. (\*Lão Tử)
- 1600 “**Từ Giáp, Doãn Hỉ** hai người,  
 Ngày nay rạng-rỡ sáng ngời **Đạo Tiên**.  
**Khổng Tử**:”Thất thập nhị hiền”  
 “Tam thập lục Thánh, tam thiên môn đồ”  
 Chắc gì am hiểu Đạo Nho?”
- 1605 **Thầy Sâm** mới được dặn-dò mà thôi:  
 “Đạo ta chỉ có một người”  
 “Mà người hiểu Đạo chính Người đó mà”.  
**Đạo Thánh** phổ cập gần xa,  
 Ông Pierre chối Chúa đã ba lần rồi!
- 1610 Cho nên đắc Thánh nửa người,  
 Mà nay **Đạo Thánh** sáng ngời năm Châu.  
 Quyền uy **Thượng Đế** nhiệm mầu,  
**Đạo Hồi** một nữ hiểu sâu ý **Thầy**.\* (Thượng Đế)
- Bây giờ nở rộ Đông Tây,  
 1615 Vườn hoa lỏng-lỏng trở đầy thế gian...  
**Cao Đài** dong ruổi chiếc thuyền,  
 Ba người hiển đạt vinh quang qua đò.  
 Cứ theo **Đạo Sử** mà so,  
 Ba người đã vượt qua lò tuyển sinh.
- 1620 Ngày khai mới Đạo của mình,  
 Tuy rằng gắn-ngủ **niềm tin** vững-vàng.  
 Nhiều người đạt đạo vẻ vang,  
 Hồi quang phản chiếu rõ-ràng chẳng sai.  
**Thương yêu** kết khối hình hài,
- 1625 **Công bình chánh trực** gian ngay tỏ tường.  
 Quyền nào phá nổi **yêu thương**,

Quyền nào cấm nổi con đường Đạo đi...?  
Tà thân, đảng phái ngại gì,  
Hận thù xóa bỏ môn qui bảo tồn...  
1630 Kẻ nào phản nghịch **Chí Tôn**,  
**Đường Thương Huệ Kiếm** xác hồn trừ tiêu.

**Hộ Pháp** nắm giữ **Thiên Điều**,  
Cầm cân nẩy mực dất-dìu môn sanh.  
Đưa nhau về cội đất lành,  
1635 Mau rời "**Thế Tục**" hôi tanh bợn trần.  
Về nơi tụ hội người thân,  
**Tông Đường** sẵn đợi ân cần đón đưa...  
Gặp nhau tâm sự dàu vừa,  
Năm canh thức trót còn chưa thỏa lòng.  
1640 Bõ hời mỗn đợi vời trông,  
Chứa-chan hạnh phúc non bông là đây.  
Đã từng trông ngóng rạc-rài...  
Chờ con lập dứt thang mây sẵn dành.  
Khách trần ngụp lặn lợi danh,  
1645 Ngùi say vật chất không đành lìa xa...!  
Hồi còn bé, đến khi già,  
**Vùi trong khổ nghiệp** thiết-tha nổi gì?  
**Bợn trần** lưu luyến mà chi,  
Biết rằng thoát xác là đi về "**nguồn**"  
1650 "**Diệu Đê**" tay trắng qua "**truông**"  
Xiêm y "**lắc nút**" có buồn hay chẳng?  
Đêm trường da-diết đã hằng,  
Dõi theo **Phật Mẫu** kiếp căn thế nào...?  
**Danh Ngài Ấn Độ** gọi sao?  
1655 "**Civa**" Phật vị ngọt-ngào dễ kêu.  
Mang bầu "**linh nhũ**" mỹ miều,  
**Đứng trên Bát Quái** tình yêu nồng nàn,  
"**Tình Người**" trải khắp nhân gian,  
Giúp dùa nơn loại chu toàn quả duyên.  
1660 **Chí Tôn** ban phép diệu huyền...

**Chơn Linh** nhập thể dựng lên muôn loài.  
Tạo hình nắn vóc là ai?  
**Đừng quên Phật Mẫu** chính Ngài dưỡng sanh.

- Chí Tôn** là **Phật** đã đành,  
1665 **Civa** là **Pháp** rạng danh đời đời,  
**Tăng** là vạn loại ai ơi,  
**Càn Khôn Vũ Trụ** tuyệt vời môn sinh.  
Hồi quang minh tự hiểu mình,  
Muôn loài nhứt điểm “**Chơn Linh**” Cha truyền.
- 1670 Hình-hài nhục thể căn nguyên,  
Do nơi **Tử Mẫu** nắm quyền **Tạo Đoan**.  
Hai phần không thể vầy đoàn,  
Tuy rằng chung đặng liên quan mỗi ngày.  
Nhùng-nhằng khác thể đùa dai,
- 1675 **Chơn Linh** không thể **hình hài** hợp âm...!  
Hữu hình hữu hoại kiếp tâm,  
Con người là “**vật**” bao lâm hết đời...  
**Chơn Hồn** tấn hóa mãi thôi,  
**Thánh, Thần, Tiên, Phật** lần hồi tiến lên.
- 1680 **Xác thân** há giữ lâu bền,  
**Linh hồn** **vĩnh cửu** đừng quên trau dồi...  
**Xác** là kỳ vật **Hồn** thôi,  
**Xác** thân tan rã **Hồn** rời **xác** thân.  
**Xác** vùi xuống đất bụi trần,
- 1685 **Hồn** thăng hay đọa khó phân đặng nào...  
**Phần Hồn** mới thật thanh cao,  
Hạnh phúc vô đối đón chào nếu tu...  
Văn minh vật chất vãng dư,  
Quyền cao lộc cả thiên thu tranh giành.
- 1690 **Chơn Hồn** kết tụ tinh anh,  
Hành tàng đạo đức thiện lành gắng ghi.  
Dắt đầu đùm bọc nhau đi,  
Con đường giục tấn kiên trì là hơn.  
Bền tâm vững chí khôn sờn,

1695 *Dùng lời chính lý khuyên lơn nhân loài.*

*Xa nhà lòng vẫn không phai,  
Nghìn trùng cách **Mẹ** miệt mài nhớ thương.  
Kiếp sanh dai-dẳng đoạn-trường,  
Hội này mới được dựa nương **Mẫu Từ**.*

1700 *Nếu còn rời **Mẹ** nữa ư...  
Cõi lòng quặn thắt nhão như con tim...  
**Kề bên gối Mẹ** êm-đềm,  
Vô vàn hạnh phúc tình thêm đậm-dà...  
Nữ nào xé ruột chia xa,*

1705 *E chùng tan-tác nhạt-nhòa thương đau...!  
**Biển trần Hộ Pháp** muôn màu,  
Soát qua từ thuở chôn nhau đến giờ...?  
**Kề bên gối Mẹ** êm-đềm,  
Vô vàn hạnh phúc tình thêm đậm-dà...*

*Thật là như một giấc mơ,  
Người sanh vào chỗ vô bờ thanh cao.*

1710 ***Thân sinh** làm việc Pháp trào,  
Đồng lương dư sống tiêu dao tháng ngày.  
**Bình người** hiểu đạo thảo ngay,  
**Giúp người** cô thế đọa đày tẩm thân.  
**Cứu người** hoạn nạn thanh bần,*

1715 ***Dang tay** che chở ngu dân yếu hèn...  
**Thương người** khổ rách dân đen,  
**Độ người** bị hiếp ép chèn lờng công.  
Những **ai** khinh rẻ giống dòng,  
**Người** luôn phản đối quyết không nể vì.*

1720 ***Lợi quyền** người có sá chi,  
Chẳng bì **nhân loại**, chẳng bì **quê hương**...  
**Tham quan xu nịnh** xem thường,  
**Hoạn đồ** ngăn ngủi, **đồng lương** không bền...!  
**Nhưng Người** chẳng quản kêu rên,*

1725 *Như chim vun-vút trên nền trời xanh...*



- Hầm-hiu rau cháo cam dành,  
 Đề huề gia đạo lều tranh đậm-đà...  
 Tháng ngày "**Cha Mẹ**" bôn ba,  
 Tảo tần nuôi nấng cả nhà ấm êm.
- 1730 Quả là chân cứng đá mềm...  
 Rồi anh với chị lập thêm gia đình.  
 Mỗi người một túp lều xinh,  
**Giờ bên Cha Mẹ** chỉ mình \* mình thôi\*(ĐHP)  
 Nhìn **Cha** tuổi hạc cao rồi,
- 1735 Mãi lo dạy dỗ tài bồi cho con...  
**Thân Cha** gầy-guộc héo mòn,  
 Cả đời liêm chính vàng son chẳng cần.  
**Thương Mẹ** hòa hợp thôn lân,  
 Tháng ngày buôn bán tảo-tần đảm-đang.
- 1740 Thương Anh thương Chị rộn ràng,  
 Chén cơm manh áo lo toan mọi bề...  
 Riêng mình còn lăm ngô-nghê,  
 Đường đời bỡ-ngỡ vụng-về biết chi...  
 Thương thì thương, giúp được gì?
- 1745 Chỉ còn cặm-cui lo đi học hành...  
 Sương mai ngọn cỏ còn đoanh,  
 Gà chuồng gáy rộ chim cành reo ca.  
 Chim tiếng chim, gà tiếng gà,  
 Hòa âm quyện kín khi xa khi gần...
- 1750 Đường làng rộn-rịp bước chân,  
 Bò ù trâu ghé thập phần vui tươi...  
 Mình đây há dám trây lười,  
 Dậy từ hưng-hửng để người đâu nào.  
 Chí mong thành quả đạt cao,
- 1755 Nghĩa ân thôi thúc đạt-dào tâm tư.  
 Dóc lòng trả hiếu bấy chừ,  
 Sanh thành dưỡng dục ví như bể trời...!  
 Chưa chi bình vỡ hoa rơi...  
**Phụ thân** bỗng chốc ra người cõi thiên...!

- 1760 Xa lìa con dại vợ hiền,  
 Đường trần **Mẹ** giãm cõi Tiên **Cha** về...!  
 Phần con bé bỏng ngô-nghê,  
 Mười hai tuổi dại khó bề liệu toan.  
 Chỉ mong **Anh Chị** vầy đoàn,
- 1765 **Thương yêu hòa ái** sốt chan buổi này.  
 Riêng mình gắng học cho hay,  
 Sinh thành dưỡng dục, công Thầy đền ơn.  
 Gia tâm quyết chí chi sờn,  
 Đến năm mười bảy đời môn-mởn đời.
- 1770 **Đậu rồi** được chút thanh thơ,  
 Làm nên danh dự của thời tuổi thơ.
- Nếu ra làm việc bây giờ,  
 Hãng buôn trả hậu mình ngơ sao đành?  
 Nhưng lời khuyên nhủ của anh,
- 1775 “Có đâu danh dự trong ngành tư thương?”  
 Nghe Anh vào chốn quan trường,  
 Tám mươi đồng chẵn mức lương mỗi kỳ.  
 Có tiền khởi bận nghĩ suy,  
 Dành riêng giúp **Mẹ** ít gì đôi mươi.
- 1780 Vần xoay cuộc thế đổi đời,  
 Đồng lương bị sụt chiều hơi túng nghèo...!  
 Gia đình lâm cảnh buồn teo,  
**Mẹ** già lụm cụm lại “đèo” vợ con...  
 Buồn thay hiếu đạo không tròn,
- 1785 Tinh thần điều đứng héo-hon bấy chầy...!  
 Làm sao vẹn-vẽ được đây,  
 Làm sao chèo chống chuỗi ngày buồn tênh.  
 Xuông cõi sóng vỗ bập bênh,  
 Trăng vàng rơi rụng chông-chênh hiên nhà,
- 1790 Chia lìa mới thật xót xa,  
 Doanh tròn máu mắt **Mẹ** già qui thiên.  
 Nào đâu ghét ngổ ganh hiền,  
 Tuổi còn vụn dại chinh nghiêng vụn trùng!

- Đêm ngày vọng hướng “Cội Thung”*
- 1795 Trăm cay ngàn đắng não-nùng thê-lương.  
 Biệt ly này khúc đoạn trường,  
 Ôm chồng kỷ niệm lòng vương vấn lòng.  
 Ngổ chiều **Mẹ** lống vời trông,  
 Giường xưa chiếu cũ hương nồng **Mẹ** ơi...!
- 1800 Gối chẵn lệ ngọc dầm rồi,  
 Tâm tư tê tái hỏi **Người** giờ đâu...?  
 Hăm hai chữa ráo mái đầu,  
 Mà sao phải lấm bết râu phũ-phàng...!
- Vai gầy trĩu nặng gian nan,*
- 1805 Công danh sự nghiệp bẽ-bàng mới sao!  
**Thương Cha, nhớ Mẹ** ghen-ngào,  
 Thâm tình **Phụ Mẫu** dưng cao sóng triều...  
 Bão lòng cuộn cuộn buồn thiu,  
 Dồn bao thương nhớ chan đều anh em...
- 1810 Mảng lo sự nghiệp đã thềm,  
 Đến ngày thành đạt thân, quen chẳng còn...!  
 Tim nhồi quặn thắt héo-hon,  
 Chuỗi sầu đeo-đẳng mõi-mòn từ đây.  
 Thương em thứ Chín tròn đây,
- 1815 Vừa em vừa bạn thơ ngây mỹ miều...  
 Nhẹ-nhàng gãy-gọn đáng yêu,  
 Nhủ anh âm hưởng sáo diều thông buông.  
 Lắm khi Em giấu sọt buồn,  
 Để anh tâm sự gỡ suôn uẩn tình...
- 1820 Vành môi điểm tuyết càng xinh,  
 Vài lời tỏ-thẻ bất bình tiêu tan...  
 Anh Em vui sống nhộn nhàng,  
 Bổng dưng kiếp số đôi phang chia lìa...!  
**Vọng bàn** nghi ngút thờ kia,
- 1825 **Thương Em** khó ngớt dầm-đìa giọt châu...  
 Trăm năm đeo-đẳng khối sầu,  
**Anh, Em, Cha, Mẹ** còn đâu trên đời...!

- Niềm đau chất ngất đầy vơi,  
 Buồng tim tê tái khung trời thê lương...!  
 1830 Người thân về cõi vô thường,  
 Biết bao trăn trở lòng vương vấn nhiều...  
 Bây giờ mới thấy quạnh hiu,  
 Bây giờ mới thật chín chiều ruột đau...!  
 Mím môi mà lệ cứ trào,  
 1835 Cấn răng mà ruột cứ đau như dằm...!
- Rã rời bước lệch đôi chân,  
 Hàu như chết đuối bản-thân gần-ngờ...!  
 Hồn khôn cũng phải dật dờ,  
 Hãm mình gậm nhấm bơ-vơ tận cùng...!  
 1840 Tế bào không rét mà rung,  
 Muốn xô chiều tím muốn vùng bay lên.  
 Nấc khang buông ngực trống rên,  
 Trăm thương ngàn nhớ mộng-mênh bể sâu...!  
 Nỗi buồn biết gửi về đâu,  
 1845 Chỉ còn loe-loe trong đầu "**muốn tu**"  
**Chí Tôn** vệt áng mây mù,  
**Ngài** soi đuốc huệ như ru vào hồn...  
 Đang mờ bỗng sáng tinh khôn,  
 Đang mê bỗng tỉnh đập dồn **niềm tin**.  
 1850 Bao nhiêu đau khổ của mình,  
 Chừng như tan biến trắng trinh cõi lòng...  
 Ngỡ rằng Đất lở Trời long,  
 Ngờ đâu phút chốc nghe lòng phiêu-diêu...!  
 "**Tình người**" mới thật thương nhiều,  
 1855 "**Tình muôn vạn loại**" mới yêu nồng-nàn...!  
**Trọn tin** vào **Đấng Tạo Đao**,  
 Hiệp cùng Huỳnh Đệ vầy đoàn chung lo.  
 Hè nhau chèo chống "**con đò**"  
 "**Bến Đồi thuyền Đạo**" đói no dất dừ...  
 1860 "**Bầy gà**" mới nở chút chiu...  
 Ngờ đâu sóng dậy buồn hiu-hắt buồn...!

Vang rền giật giọng tiếng chuông,  
Báo tin “**Anh Cả**” \* về nguồn bỏ em...!  
“**Đạo Trời**” vừa mới vén rèm,  
1865 Nặng quần trọng trách ngày đêm khổ nhiều...

\*

(\* Đức Q. Giáo Tông đăng tiên.)

Đạo thành chữa được bao nhiêu,  
Có người hám lợi làm điều trái ngang...  
“**Trẻ thơ**” chẳng chịu ngó-ngàng,  
Gặp người “**già yếu**” bàng quan đứng nhìn...!  
1870 Ấu là “**Đạo hạnh**” chưa tinh,  
Cũng vì “**chương nghiệp**” cố tình buông lời...  
Chẳng lo tô điểm “**Đạo Trời**”  
Dọn mình cho kịp về nơi Cung Đình.  
Địa hoàn lỏng-lộng tinh-thinh,  
1875 Nhưng ta phải biết chính mình từ đâu?  
“**Chơn Linh**” huyền bí nhiệm mầu,  
“**Chí Tôn**” ban tặng cao sâu vô ngần...  
Vạn loài sắc tướng bản thân,  
“**Đều do Phật Mẫu**” ân cần tạo ra.  
1880 “**Chơn Linh**” “**Thế Xác**” bất hòa,  
Nhưng mà cũng khó dang xa được nào.  
“**Chơn Linh**” tôi luyện càng cao,  
Chỉ còn **thân thể** lẫn vào cát thổi.  
“**Xác**” là kỳ vật **hồn** ngời,  
1885 “**Xác**”, **Hồn** nương tựa nổi trôi thặng trầm...  
Giống như cốt nhục tình thâm,  
Vợ chồng luyện ái thì thâm lo toan...  
Đã từng chung chiếu chung màn,  
Nhưng không đồng “**thể**” Tạo Đao định rồi.  
1890 Vạn loài có luật riêng thôi,  
Luật riêng cho “**vật**”, luật “**người**” khác nhau.  
Ngàn xưa chỉ đến ngàn sau,  
Phẩm người phẩm vật không sao ngang cùng

- Tánh người tánh vật đâu chung,  
 1895 Đưa cơm cho “**ngựa**” có dùng được chẳng?  
 Hay cho ta chẳng công bằng?  
 Vậy ta gặm cỏ mà ăn hằng ngày...
- Chân quỳ bốn cẳng chạy ngay,  
 Hằng muôn vạn dặm hoặc cày nổi không?  
 1900 Thế nên “**Người**” “**Vật**” chẳng đồng,  
 Ngựa dù kiến tánh khó mong chung bàn.  
**Xác thân** là vật ta mang,  
**Linh Hồn chủ tế** ẩn tàng xác thân.  
 Dù người đạt đạo muôn phần,  
 1905 Cũng không siêu thoát cả **Thân lẫn Hồn**.  
**Hồn rời xác** rả vùi chôn,  
**Đừng nghe** thuật ngữ: **Xác Hồn đều thăng!**  
 Xin khuyên nhơn loại nhớ rằng:  
 Chỉ toàn nói cuội nói trắng trên trời.  
 1910 Chẳng qua pháp thuật mỹ thôi,  
 Nhớ chẳng “**Tam Tạng**” thả trôi xác phàm?  
 Hữu hình hữu hoại đành cam,  
 Dù người đạt đạo chẳng làm gì hơn.  
 Nghĩa là chỉ đắc **Linh Hồn**,  
 1915 Còn riêng **xác thịt** vùi chôn bụi trần.  
 Trường đời phải rón cân phân,  
**Văn minh vật chất** tối cần hay không?  
 Cái chi ray-rứt nơi lòng,  
 Cái chi tìm kiếm long đong cả đời?  
 1920 **Thần thờ** nung nấu đầy vơi,  
 Giàu nghèo cũng thế mọi người đều lo.  
 Vua quan cũng phải giẫm dõ,  
**Đâu là hạnh phúc** Trời cho nhơn loài?  
**Văn minh** chế biến tàu bay,  
 1925 Tung mây lướt gió dặm dài vượt nhanh.  
 Quan san diệp vơi tốc hành,  
 Cung trắng khăn đất phân ranh cấm cờ.

*Phi thuyền có thực nào mơ,  
Lên mây xuống nước cậy nhờ phát minh.*

- 1930 *Phải chăng hạnh phúc của mình?  
Tiềm tàng ẩn khuất phần vinh trí tài?  
Sang giàu có một không hai,  
Quyền uy tốt đỉnh lâu đài xênh xang,  
**Thấy đều cảnh giả** rộn ràng,*
- 1935 *Hễ cao danh vọng gian nan lại nhiều.  
Lợi quyền sung-sướng bao nhiêu,  
Đủ đầy vật chất thấy đều hết lo...?  
Chưa đâu vẫn phải lần mò,  
**Tìm nguồn Đạo Đức** giúp cho **Linh Hồn**.*
- 1940 *Đó người mới thật tinh khôn,  
Mới mong giải tỏa bồn-chồn trong tâm.  
Giảm bao trăn-trở âm-thâm,  
Mưu cầu hạnh phúc trăm năm hãy còn.  
**Linh Hồn** muốn khỏi héo-hon,*
- 1945 ***Nường theo Chánh Giáo** uơm gòn **Đạo Cao**.  
Dồn chân gắng bước lên nào,  
Hãy cùng giục tấn chớ nao-núng lòng.  
Bao người môn đệ vời trông,  
Làm sao đến được **Non Bông Thiên Cung**.*
- 1950 ***Càn Khôn Vũ Trụ** chấp-chùng,  
Trần đầy khao-khát nấu nung mọi người.  
Dù cho giàu có thành-thời,  
Khó mong đến được vòm trời này đâu...  
Nghĩ rằng hổ phục rồng châu,*
- 1955 *Giống như trần thế phụng lầu cung tiên.  
Kinh đô náo nhiệt oai quyền,  
Rần rần rộ rộ trống chiêng vang lừng.  
Quân hành trống trận như bưng,  
Lộ tiền xa giá tưng bừng ngựa xe.*

( còn tiếp )

## TÌM HIỂU VỀ ĐẠO CAO ĐÀI

### LƯỢC SỬ KHAI ĐẠO (Kỳ thứ 4)

*Sưu tầm tài liệu để biên soạn phần “Lược Sử Khai Đạo”, chúng tôi có một ước vọng nho nhỏ là có thể giúp ích được cho một số Quý Vị muốn tìm hiểu sơ lược về nền Tân Tôn Giáo này, đặc biệt là giúp cho những Tín Hữu mới nhập môn mà không có điều kiện thời gian để đọc nhiều sách Đạo.*

*Chúng tôi tin chắc việc biên soạn còn nhiều khiếm khuyết, kính mong Quý Huynh Tỷ chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi điều chỉnh lại và có dịp học hỏi thêm.*

*Hiền tài Nguyễn Trung Đạo*

### THIÊN PHONG CHỨC SẮC

\*\*\*

Từ đầu năm Bính Dần, Đức Chí Tôn đã chuẩn bị cho việc hình thành một nền Tân Tôn Giáo. Rải rác qua các đàn cơ, Đức Ngài đã dạy cho Quý Vị Tiền Khai những điều căn bản trọng yếu để xây đắp nền móng tôn giáo.

#### 1.-NỀN MÓNG CHO MỘT TÔN GIÁO

Để từng bước xếp đặt việc hình thành Đạo Cao Đài, Đức Thượng Đế đã dạy Quý vị Tiền Khai cách thức thờ Thiên Nhân (qua Ngài Ngô Văn Chiêu) và những nghi thức cúng kiếng lễ bái :

- Cách bắt *Ấn Tý* và cách lạy,
- Cách niệm Danh Thầy : *Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*,
- Thiết Đại Lễ phải dâng *Tam Bửu* : Hoa, Rượu, Trà,



- Cách may Thiên Phục cho *Đầu Sư phái Thượng, Ngọc,*
- Cách may *Thiên Phục Giáo Tông,* mào Giáo Tông,...

Để điều hành nền Đạo, Đức Cao Đài định nên cơ cấu Chức Sắc hầu chuẩn bị việc lập Hội Thánh.

\* Ngày 13-1 Bính Dần (25-2-1926), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ có dạy như sau :

*“ TRUNG vô giữa bái lễ cho THẦY coi ...*

*Con làm lễ trúng, song mỗi gặt, con nhớ niệm câu chú của THẦY : Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát,*

*Từ nay, (25-2-1926), 13 tháng Giêng năm Bính Dần, con phải may riêng bộ áo lễ, tay rộng, cổ trịch như áo Đạo, nhưng giải gài chín mối, màu xanh da Trời. Con nhớ mang giày gai đặng hầu THẦY, còn nhứt nhứt đều để chơn không hết “ (TNHT.I.10). (Lời soạn giả : Đức Chí Tôn ban cho bài Thánh Ngôn này coi như Đức Chí Tôn phong Ngài Lê Văn Trung phẩm Đầu Sư phái Thượng : Thiên Phục màu xanh).*

\* Về Thiên Phục Đầu Sư phái Ngọc, ngày 8-4-1926 (26-2 Bính Dần), Đức Chí Tôn dạy Ngài Lê Văn Lịch như sau :

*“ ... Phải mặc y phục như Trung mà màu hồng ” (TNHT.I.13).*

Trong Đàn Cơ ngày 28-2-Bính Dần (10-4-1926) tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Chí Tôn ban cho Ngài Lê Văn Lịch 4 câu thơ như sau :

*Đầu Sư phái Ngọc hiệp quần nho,  
Tam giáo qui nguyên dẫn ngã đồ.  
Vạn tải vô tư đương hội ngộ,  
Đại thành chí khởi cập gia tô.*

(Đạo Sử Nhựt Ký, Q1, trg144 – HT Ng.v.Hồng)

\* Trong khoảng ba tháng đầu năm Bính Dần, Đức Cao Đài phát họa cho Chư Vị Tiên Khai tạm hiểu về thứ bậc Chức Sắc trong Đạo Cao Đài, theo đó thì từ trên xuống dưới có :

- Phẩm vị Giáo Tông,
- Đầu Sư ba phái : Thái, Thượng, Ngọc,
- Các phẩm vị khác sẽ được qui định sau.

Ởn Trên dự kiến sắp xếp như sau :

- Ngài Ngô Văn Chiêu sẽ nhậm phẩm Giáo Tông,
- Ngài Lê Văn Trung sẽ nhậm phẩm Đầu Sư phái Thượng,
- Ngài Ngọc Lịch Nguyệt sẽ nhậm phẩm Đầu Sư phái Ngọc.
- Đầu Sư phái Thái và các cấp Chức Sắc khác sẽ được định sau.

Đức Cao Đài chọn ngày **Rằm Tháng Ba năm Bính Dần** (26-4-1926) làm ngày hành lễ “*Thọ Thiên Phong Chức Sắc*”, tổ chức tại tư gia Ngài Lê Văn Trung, ở Chợ Lớn.

## **2.- NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU TÁCH RIÊNG : 13-3 B.DẤN**

Mọi việc đang tiến hành tốt đẹp trong niềm hân hoan của toàn thể Quý Vị Tiên Khai, thì một điều không hay xảy đến cho Cơ Đạo : Ngài Ngô Văn Chiêu tách riêng ra.

Trong Quyển Đại Đạo Căn Nguyên, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có thuật lại như sau :

*“Ông Trung vẫn vâng theo Thánh ý lo thiết đàn giảng Đạo. Ông Chiêu lại ở nhà lo bề tự giác, ý ông không muốn truyền bá mối Đạo ra cho nhiều người. Ông vẫn lấy câu “Ngô thân bất độ, hà thân độ” mà làm tôn chỉ. Vì vậy mà ông tách riêng ra kể từ ngày 13 tháng 3 năm Bính Dần (dl 24-4-1926). Đồng một ý kiến ấy thì có mấy ông : Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý. Từ đây, tuy đôi bên chủ nghĩa khác*

*nhau, vì một đằng (Ông Lê Văn Trung) thì lo phổ thông mới Đạo, một đằng (Ông Ngô Văn Chiêu) lại chuyên bề tự giác, nhưng về phương diện tín ngưỡng thì cũng đồng thờ kính Đức Cao Đài Thượng Đế “.*

Thật là một mất mát rất lớn lao cho nền Đạo đang trong lúc phôi thai !

### **3.- LỄ THIÊN PHONG CHỨC SẮC LẦN 1 : 15-3 B.DẪN**

Đêm 11 và 12 tháng Ba Bính Dần (22 và 23-4-1926), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, dạy cuộc sắp xếp Thiên Phong. Đức Ngài chọn ngày Rằm tháng Ba Bính Dần (26-4-1926) làm ngày hành lễ Thọ Thiên Phong Chức Sắc.

*“ Đạo phát triển một ngày là một ngày hại non sanh. THẦY nôn nóng nhưng mà Thiên cơ chẳng nghịch đặng,... “ .*

Vào thời Tý ngày **Rằm tháng 3 Bính Dần** (26-4-1926), Quý Vị Tiền Khai tề tựu đông đủ tại tư gia của Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn để tham dự Lễ Thiên Phong Chức Sắc.

Đầu tiên, Chư Vị thiết đàn cơ thọ phong Chức Sắc. Đức Chí Tôn giáng cơ dạy :

*“ Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương ...*

- **Đức Hậu** phong vị Tiên Đạo phò cơ Đạo Sĩ.
  - **Cư** phong vị tá cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.
  - **Tắc** phong vị Hộ Giá Tiên Đồng tá cơ Đạo Sĩ.
  - **Trung Lịch** đã thọ sắc, cứ tước vị mà theo sắc mạng Ta.
  - **Kỳ** phong vị Tiên Sắc Lang Quân Nhậm Thuyết Đạo Giáo Sư.
  - **Bản** phong vị Tiên Đạo Công Thần Thuyết Đạo Sư
- (TNHT.I.17)**

Sau khi xả Đàn, chư vị phân làm ba ban để tiến hành Lễ Thọ Phong Chức Sắc :

Đức Chí Tôn nhập thần vào xác phàm của Ngài Cao Quỳnh Cư, chấp bút nhang trần thần các bộ Thiên Phục và những chiếc ngai..., chấp bút nhang làm phép trục xuất Chơn Thần của Ngài Phạm Công Tắc để cho Chơn Thần của *Đức Phật Vi Hộ Pháp* nhập vào xác của Ngài. Sau đó là phần minh thệ của chư vị Chức Sắc Tiền Khai.

Kể từ sau buổi lễ ấy, Chơn linh Vi Đà Hộ Pháp (tức Phật Hộ Pháp) giáng ngự nơi thân thể Ngài Phạm Công Tắc. Do đó mà trong bài Kinh Đại Tường có câu :

*Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,  
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trục tinh.*

Đến ngày 18-5-Bính Dần (27-6-1926), Đức CHÍ TÔN dạy về Nhạc Lễ và cách tổ chức Cúng Đại Đàn, có đoạn như sau :

TNHT.I.22 : “ *Ba con phải nhớ lời Thầy dặn cho kỹ nghe. Mấy đứa con là : Nghĩa, Hậu, Đức, Tràng, Cư, Tắc, Sang, đều mặc đồ trắng, hầu theo thứ lớp như vậy : Nghĩa, Đức đứng xướng ngoài, là tại bàn thờ Hộ Pháp ; rồi Hậu, Tràng đứng cặp kế đó; kế ba con, sau rốt hết : **Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái...**”.*

(TNHT.I.22 – in 1972)

Tuy Đức Chí Tôn không nói phong chức, nhưng theo vị trí đứng hành lễ “*Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái*” thì gián tiếp, Đức CHÍ TÔN đã phong Ngài Phạm Công Tắc, Ngài Cao Quỳnh Cư và Ngài Cao Hoài Sang vào 3 phẩm : *Hộ Pháp, Thượng Phẩm* và *Thượng Sanh*.

Ngày Khai Đạo 15-10 Bính Dần (19-11-1926) có thể coi là ngày Đức CHÍ TÔN chánh thức phong ba Ngài vào các phẩm *Hộ Pháp, Thượng Phẩm* và *Thượng Sanh*.

Trong Bản Tuyên Dương Công Nghiệp Đức Thượng  
Sanh Chưởng Quản Hội Thánh Hiệp Thiên Đài do Ngài Hiến  
Pháp tuyên đọc tại Đền Thánh ngày 4-4 Tân Hợi, có đoạn ghi  
như sau : “ Ngày 15-10 Bính Dần, Ông Cao Hoài Sang đặc  
phong Thượng Sanh một lượt với Đức Hộ Pháp Phạm Công  
Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư “.

---

## THÀNH VIÊN NÔNG CỐT

\*\*\*

Trong bảy tháng cuối năm Ất Sửu đã có nhiều vị lui tới  
nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để tìm hiểu về cơ bút, tuy chưa trở  
thành môn đệ của Đức Cao Đài, nhưng vẫn có nhiều thiện  
cảm, tin phục, và có thể sẽ lần lượt nhập môn sau này. Số  
khách vắng lai thì đông, nhưng số người nông cốt thường xuyên  
lui tới và đã trở thành môn đệ đầu tiên trong nhóm Phổ Độ thì  
chỉ có 6 vị, đó là các Ngài : *Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư,*  
*Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Trương Hữu Đức và Nguyễn*  
*Trung Hậu.* Những vị này đã được Đức Cao Đài thường xuyên  
dạy bảo và giao phó phận sự rõ ràng.

Từ đầu năm Bính Dần, Đức Chí Tôn thân phục được  
thêm nhiều môn đệ khác thuộc đủ thành phần trong xã hội.

### 1.- TRƯỚC NGÀY LÀM LỄ THIÊN PHONG

Trước ngày làm Lễ Thiên Phong Chức Sắc, Đức Thượng  
Đế đã thân phục được nhiều môn đệ có học thức và danh giá,  
có địa vị trong xã hội như Đốc Phủ, Tri Huyện, Thông Phán,  
Cai Tổng, Công chức, Giáo viên, Thương gia, Yết Ma,... Tất cả  
đều là trang rường cột trong nền Đại Đạo. Xin kể ra vài trường  
hợp.

1. Ngày 11-1 Bính Dần (23-2-1926), Đức Chí Tôn thân Ngài **Trần Duy Nghĩa**, sau đăc phong phẩm *Khai Pháp*. Đức Chí Tôn có ban cho Ngài 4 câu thơ :

*Đạo tâm rõ rõ sáng như ngày,  
Hiệp cũng may mà gặp cũng may.  
Đã mộ trong lòng thân cũng mộ,  
Một lòng một Đạo chớ nên sai.*

2. Đêm 14-1 Bính Dần (26-2-26), Ngài Lê Văn Trung và hai Ngài Cao Quỳnh Cư - Phạm Công Tắc lên lập đàn nơi chùa Linh Quang Tự ở Gò Vấp để Đức Chí Tôn độ Ngài **Thái Lão Sư Trần Đạo Quang** đang trụ trì tại đây. Đấng Thượng Đế dạy Ngài Trần Đạo Quang nhiều điều, Ngài Trần Đạo Quang cũng bạch hỏi Đức Chí Tôn nhiều điều, và được Đức Chí Tôn trả lời rất xác đáng, khiến Ngài Trần Đạo Quang phải tâm phục và bằng lòng làm môn đệ của Đức Chí Tôn, nhưng Ngài xin có thời gian để chuẩn bị tham gia độ tận chúng sanh. Có nhiều tín đồ Minh Sư theo Ngài gia nhập Cao Đài. Về sau, Ngài Trần Đạo Quang đăc phong phẩm *Quyền Thượng Chương Pháp*, sau là *Ngọc Chương Pháp Chánh vị*.

3. Ngày 15-1 Bính Dần (27-2-1926), tại nhà Ngài Tri Phủ Nguyễn Ngọc Tương, Chủ quận Cần Giuộc, Ngài Lê Văn Trung lập đàn cầu Thầy, hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan. Đức Chí Tôn giảng cơ giảng dạy và thân phục được quý Ngài sau đây :

- **Nguyễn Ngọc Tương**, sau đăc phong phẩm *Q.Đầu Sư*,
- **Ngài Phạm Văn Tươi**, sau đăc phong phẩm *Hiến Đạo*,
- **Ngài Phạm Tấn Đãi**, sau đăc phong phẩm *Khai Đạo*.

4. Ngày 20-1 Bính Dần (04-3-26), các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc lên lập đàn tại Vĩnh Nguyên Tự ở Cần Giuộc, có sự hiện diện của Ngài Chủ Quận

Nguyễn Ngọc Tương. Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Ngài **Lê Văn Lịch** :

*“ Hảo Thánh tâm ! Hảo Thánh Tâm !  
Lịch, Ta thấu nạp người làm môn đệ...  
Lịch, Ta cho Tiếng là cha của người nhập cơ “.*

Sau đó, Ngài Lê Văn Tiếng về cơ dạy Ngài Lê Văn Lịch bằng chữ Nho, xin tạm dịch ra như sau :

*“ Lịch, hãy nghe ta. Ta là cha của người, nhận mạng linh của Đấng Cao Đài Tiên Ông gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy đạo ở nước Việt Nam.*

Ngày trước, ta thọ giáo nơi Minh Đường. Đại Đạo là một vậy. Trong Ngũ Chi Đại Đạo, ta được thọ phong từ Trung Quốc làm chức Đại Lão. Muốn thọ ơn Trời, vì *không được chơn truyền, ta luyện đạo theo giáo pháp thường tình của thế gian.*

Đạo thì vô vi, tức là có Đấng vô hình chỉ dạy các việc. *Ta không gặp vậy, nên không được chơn truyền.*

*Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế cảm xúc công quả của ta rất nhiều, không để ta luân hồi trở lại thế gian, giao cho Thái Ất Chơn Quân độ dẫn ta, nên ta được sắc phong Như Ý Đạo Thoàng Chơn Nhơn tại cõi Tây Phương Cực Lạc.*

Người gặp mình sư dạy tu luyện, hãy thỉnh cầu Ngài giáo hóa cho vậy. Chỉ có một Thầy là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Hãy kính vâng theo. Khá cầu dạy đạo. Rất mừng ! Rất mừng ! “.

Sau đó ít lâu, Ngài **Lê Văn Lịch** đắc phong **Ngọc Đầu Sư**.

**Nhận xét** : Ngài Lê Văn Tiếng luyện Đạo mà không đắc đạo là vì : Tam Giáo đã thất Chơn Truyền, và bị bế lại, tu hữu công mà thành thì không thành. Nhưng Ngài Lê Văn Tiếng lại có được nhiều công quả : Ngài đã dạy đồ nhơn sanh cải ác tùng thiện, ăn chay niệm Phật tu hành. Nhờ công quả này mà

Đức Chí Tôn ban cho Ngài phẩm vị cao trọng là bực Chơn Nhơn.

**Ngài đặc vị là do công quả** chứ **không phải do luyện đạo**. Cái công tu luyện của Ngài trở thành vô ích (Theo tài liệu của Hiền tài Nguyễn Văn Hồng).

5. Ngày **21-2 Bính Dần** (03-4-1926), Đức Chí Tôn độ Ngài **Ca Minh Chương**, ban cho 4 câu thơ :

*Thế thượng hề vô bá tuệ nhân,  
Thất tuần dĩ định vấn thời quân.  
Ưu tư mặc vọng thường vô lộ,  
Nghiệp trái tùy căn định số phần.*

Về sau, Ngài đặc phong *Bảo Đạo Hiệp Thiên Đài*.

## 2.- SAU NGÀY LÀM LỄ THIÊN PHONG

Sau ngày làm Lễ Thiên Phong Chức Sắc, Đức Thượng Đế tiếp tục thân phục thêm được nhiều nhân vật có địa vị trong xã hội. Xin kể ra vài trường hợp của các Ngài :

- Hoà Thượng Như Nhân : Đặc phong Thái Chưởng Pháp,
- Đại Lão Sư Nguyễn Văn Tương : Đặc phong Thượng Ch.Pháp,
- Thái Lão Sư Trần Văn Thụ : Đặc phong Ngọc Chưởng Pháp,
- Thái Lão Sư Trần Đạo Quang : Đặc phong Ngọc Ch.Pháp,
- Hoà Thượng Như Nhân : Đặc phong Thái Đầu Sư,
- Lê Bá Trang : Đốc Phủ Sứ, đặc phong Q. Ngọc Đầu Sư,
- Nguyễn Ngọc Thơ : Nghiệp chủ, đặc phong Q.Thái Đầu Sư,
- Bà Lâm Ngọc Thanh : Nghiệp chủ, truy phong Nữ Đầu Sư,
- Ngài Lê Thiện Phước: Gia đình mô phạm, chủ 2 nhà máy



- Nguyễn Văn Kinh : Tu theo Minh Sư từ lúc 13 tuổi,
- Lê Văn Hóa : Tri Phủ, Chủ Quận Cần Đức,
- Nguyễn Văn Tường : Thông ngôn Sở Tuần Cảnh SG,
- Ngô Tường Vân : Thông Phán Sở Tạo Tác, Sai Gòn,
- Huỳnh Văn Giỏi : Thông phán Sở Tân Đáo, Sài Gòn,
- và các Ngài Nguyễn Văn Kinh, Lâm Quang Bính...v.v...

Về chư vị Phò Loan, ngoài năm vị Cư, Tắc, Sang, Đức, Hậu, lại thêm được các vị : Cao Quỳnh *Diêu*, Ca Minh *Chương*, Phạm Tấn *Đãi*, Trần Duy *Nghĩa*, Trương Văn *Tràng*, Phạm Văn *Tươi*, Nguyễn Thiêng *Kim*, Huỳnh Văn *Mai*, Võ Văn *Nguyên*.

#### \* Trường Hợp Ông Bà Nguyễn Ngọc Thơ

Một ngày vào đầu năm Bính Dần, Ngài *Phạm Tấn Đãi* chấp bút để học Đạo, thì được linh Đức Chí Tôn dạy như sau : “*Con hiệp cùng Trung đi độ Thơ*”.

Vào đầu tháng 6 năm Bính Dần (1926), vâng linh Đức Chí Tôn, Ngài *Phạm Tấn Đãi* từ Cần Giuộc đi lên Sài Gòn, đến nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để hỏi thăm Ngài Lê Văn Trung thì được Bà Cư đáp : “*Ông Trung có ra đây, nhưng vừa mới đi lên nhà Ông Nguyễn Ngọc Thơ*”.

Ngài *Phạm Tấn Đãi* hỏi thăm địa chỉ nhà Ngài *Nguyễn Ngọc Thơ*, rồi đi lên Tân Định tìm được nhà Ngài *Nguyễn Ngọc Thơ*, và gặp Ngài *Lê Văn Trung* tại đó.

Ngài *Phạm Tấn Đãi* trình bày về Thánh Giáo của Đức Chí Tôn, thì Ngài *Nguyễn Ngọc Thơ* nói : “*Tôi muốn làm sao hai Ông cầu nguyện thế nào cho tôi chấp bút được thì tôi mới tin*”. Ngài *Lê Văn Trung* nhận lời và bảo Ngài *Nguyễn Ngọc Thơ* phải ăn chay 3 ngày, đồng thời hai Ngài *Lê Văn Trung* và *Phạm Tấn Đãi* cũng ở đó hiệp nhau cầu nguyện.

Ngài *Nguyễn Ngọc Thơ* chấp bút thành công và thông công được với các Đấng, nên Ngài bằng lòng theo Đạo. Ngoài ra, Ngài còn nói xin làm thế nào độ luôn vợ của Ngài là Bà *Lâm Ngọc Thanh* đang ở Vũng Liêm, để cùng theo Đạo

luôn cho thuận một đường. Ngài Lê Văn Trung cầu nguyện, và được Ôn Trên cho biết hiện giờ Bà Lâm Ngọc Thanh đang làm việc gì ở Vũng Liêm, cho biết đến từng chi tiết. Ngài Nguyễn Ngọc Thơ ghi chép, xong đánh điện kêu Bà lên Tân Định.

Khi Bà Lâm Ngọc Thanh lên tới Tân Định, Ngài Nguyễn Ngọc Thơ mới hỏi Bà về các việc Bà làm trong ngày hôm qua, thì Bà nói đúng như Ôn Trên đã cho biết. Thế là hai Ông Bà *Nguyễn Ngọc Thơ* và *Lâm Ngọc Thanh* đều tin tưởng và bằng lòng theo Đạo. Về sau, cả hai Ông và Bà đều được Đức Chí Tôn ân phong phẩm **Đầu Sư** : Đầu Sư **Thái Thơ Thanh** và Đầu Sư **Hương Thanh**.

### **\*Trường Hợp Ngài Lê Thiện Phước**

Ngài Lê Thiện Phước nghe đồn tại nhà Ngài Nguyễn Ngọc Thơ có cơ bút linh hiển, nên liền tìm đến xem cho biết.

Mỗi người hầu Đàn được phép biên tên họ mình để lên bàn thờ rồi chờ Ôn Trên giáng cơ định phận. Ngài Lê Thiện Phước được Đức Chí Tôn giáng cơ cho bài thi như vậy :

*Cang nhu tình thế lắm đua tranh,  
Danh lợi là bia kẻ giết giành.  
Mượn thú điền viên vui tuế nguyệt,  
Phồn hoa âu cũng bỏ cho đành.*

Đức Chí Tôn dạy Ngài Lê Thiện Phước ăn chay mỗi tháng 10 ngày và thượng Thánh Tượng thờ Thầy. Vào cuối tháng 6 năm Bính Dần (1926), tuân lệnh Đức Chí Tôn, Ngài Lê Thiện Phước mới mời các *Ngài Lê Văn Trung*, *Cao Quỳnh Cư*, *Phạm Công Tắc*, và vài quan khách đến nhà làm Lễ Thượng Thánh Tượng và nhập môn vào Đạo.

Về sau, Ngài Lê Thiện Phước được Đức Chí Tôn ân phong phẩm **Bảo Thế Hiệp Thiên Đài**.

### **3.- VÀI TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT**

*\* Đức Chí Tôn Độ Ông Vương Quan Trân*

Ngày 20-1 Bính Dần (4-3-1926), hai ông Vương Quan Trân và Vương Quan Kỳ cùng vài thân nhân khác, đến nhà Ngài Cao Quỳnh Cư xin cầu Cô Vương Thị Lễ giáng đàn, vì Cô Vương Thị Lễ là con của ông Vương Quan Trân và gọi ông Vương Quan Kỳ là chú ruột. Cô Vương Thị Lễ giáng đàn :

**Vương Thị Lễ**

*“ Đại lụy ! Đại Ca và Nhị Ca chịu phiền nghe.*

*Xin phụ thân ngồi và chú ngồi.*

*Biểu Huynh, em chào bà con hết thầy ...*

*Xin phụ thân nín nắm, đoạn còn gặp gỡ, vì thăm con mới lụy mình, luật chung của Trời đã định vậy. Con xin cha phải tin tưởng sau mới trùng phùng. Con đã cầu lụy Đấng Thượng Đế Ngọc Hoàng độ cha.*

*Xin đừng nghi nan chi hết, từ đây con thường về hầu cha. Con xin kiếu. Thăng “.*

Về sau, Đức Chí Tôn có giáng cơ dạy đạo để độ ông Vương Quan Trân, nhưng ông vẫn không chịu theo Đạo, nên khi chết, linh hồn bị đọa nơi Âm Phủ.

Thất Nương (thế danh Vương Thị Lễ) phải xuống Âm Phủ cứu độ, ông mới được siêu thăng.

*\* Đức Chí Tôn độ ông Tư Mất theo Đạo*

Ông Tư Mất, tên thật là Nguyễn Phát Trước, là người cầm đầu một nhóm dân anh chị đứng bến xe thời bấy giờ, bị cảnh sát Pháp liệt vào hạng “*bandit dangereux, chef de société secrète*” (tạm dịch : Kẻ cướp nguy hiểm, trùm xã hội đen) muốn biết tin tức về người cha đã mất, nên thường đến hầu đàn, có ý muốn biết linh hồn cha ông có siêu thăng hay không.

Ngày 25-1 Bính Dần (09-3-1926), Đức Chí Tôn giáng cơ dạy ông Tư Mất.

**THẦY**

*Mất ! Nghe dạy.*

*Trước vốn Hỏa Thân ở Ngọc Cung,  
Giúp Nam không đặng phận tôi cùng.  
Nước đời lấm nổi chua cay bấy,  
Còn đợi chi mong thế vầy vùng.*

*“Người muốn biết đặng cha người thế nào, hỏi nơi người.  
**Hễ tu thì cứu đặng Cửu Huyền Thất Tổ.** Người là hiếu hạnh, chẳng lẽ để cha người chịu đọa A-Tỳ. Nghe mà ăn năn sám hối... Người muốn hiểu cha người thế nào, ấy là hiếu hạnh, Ta khen đó. Người làm tội, chớ cha người là người trung hiếu lưỡng toàn, hay thương yêu đồng chủng, nhưng mà bị tội giáo tử bất nghiêm để đến đổi hại sanh linh đã lấm, nên bị tội liên can đó mà thôi, phải ở tại ngục Nguơn Tiêu mà đợi người đến. Người phải ăn năn, khuyến thiện và tu tâm dưỡng tánh đặng độ nó, và ngày sau đặng qui vị mà khỏi đọa luân hồi. Nghe và tuân lệnh dạy.*

*Thành tâm của người mới đặng mà thôi.*

*Người muốn vậy, làm lành lánh dữ. Ngày nào đặng vậy, Ta sẽ cho cha người về nói lại cho người biết “.*

*Ông Tư Mất giác ngộ và nhập môn theo Đạo Cao Đài.*

*Ông được Thầy phong là Lẽ Sanh Thái Mục Thanh (đổi chữ Mất ra chữ Mục), sau lại được phong làm Phụ Đạo Chương Nghiêm Pháp Quân.*

*Ngày 23-10 Bính Dần Thầy giảng cơ dạy ông Tư Mất :*

*“ Mất ! Thầy dặn con cứ nghe lời Thầy, con nghe. Thầy giúp con làm công quả đặng chuộc tội cho cha con và Cửu Huyền Thất Tổ của con, song tùy theo con chớ Thầy cũng phải giữ lẽ công. Chừng nào con làm đủ âm chất, Thầy sẽ cho cha con nhập cơ mà hội diện với con, nghe à. Cười... “.*

**Nhận xét :** Tuy ông Tư Mất đã theo Đạo và được Đức Chí Tôn phong Chức Sắc, nhưng tánh tình nông nổi và hung dữ vẫn còn, nên thiếu suy nghĩ, sau này gây ra bạo động, xô đuổi và đe dọa bắn bỏ Đức Cao Thượng Phẩm nếu Ngài không chịu ra khỏi Tòa Thánh, đi về Thảo Xà Hiền Cung,...

Đó là ông Tư Mất phạm Thiên Điều nên bị trừng phạt : Đền Mãn xông phụt cháy khiến ông bị chết cháy thê thảm (Theo tài liệu của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng).

## CÁC ĐÀN CƠ PHỔ ĐỘ

\*\*\*\*\*

Kể từ Lễ Thiên Phong Chức Sắc 15-3 Bính Dần (20-4-1926) trở về sau, số người nhập môn cầu Đạo ngày càng nhiều. Nguyên ban đầu, các Ngài Trung, Cư, Tắc, Sang, Đức, Hậu, Kỳ, Bản, Giảng mỗi đêm đều tụ lại khi ở nhà *Ngài Lê Văn Trung* (Chợ Lớn), khi ở nhà *Ngài Cao Quỳnh Cư* (Sài Gòn), khi ở nhà *Ngài Đoàn Văn Bản* (Cầu Kho) để cầu Thượng Đế giảng cơ dạy Đạo. Mà hễ mỗi lần có chư nhu đến xin nhập môn, Thượng Đế lại dạy đến Đàn Cầu Kho. Vì vậy mà nhà Ngài Đoàn Văn Bản trở thành một cái Đàn Lệ, rồi gọi là **Tiểu Thánh Thất**.

### 1.- THÁNH THẤT CẦU KHO

Thánh Thất Cầu Kho ban đầu rất chật hẹp : đồ đạc thiếu trước hụt sau, vì chủ nhà lúc bấy giờ đương ở trong vòng bản chặt, không đủ sức sắm đồ vật để thờ cho xứng đáng.

Bàn Thờ chỉ là một cái bàn nho nhỏ bằng cây đá tị. “*Thiên Nhãn*” chỉ được vẽ trên một mảnh giấy cao chừng 3 tấc, ngang độ 2 tấc tây. Chiếu đệm cũng không đủ trải mà lạy. Tình cảnh nghèo mà mấy chục bốn đạo không hổ, cứ mỗi đêm thứ bảy là đến hầu đàn.

Không bao lâu lại được nhiều vị đạo tâm lo sửa sang Thánh Thất lại cho có chút vẻ vang.

- Quan Phủ Vương Quan Kỳ lo chưởng quản việc cúng tế trong đàn và thuyết đạo.

- Các Ngài Đoàn Văn Bản, Nguyễn Trung Hậu, Tuyết Tân Thành và Lê Thế Vĩnh lo sửa sang dọn dẹp nơi Thánh Thất cho có trang nghi.

- Các Ngài Lê Văn Giảng, Giáo Hiến cùng một ít đạo hữu nữa lo sắm đồ đạc lặt vặt trong Thánh Thất.

## 2.- CÁC ĐÀN CƠ PHỔ ĐỘ

Đương khi ở Thánh Thất Cầu Kho, Quan Phủ Vương Quan Kỳ cùng mấy vị vừa kể trên đây lo thiết đàn giảng đạo, thì Ngài *Lê Văn Trung* lại cùng với *các Ngài Cư, Tắc, Nghĩ* xuống miệt Cần Giuộc lập đàn, khi thì ở chùa Vĩnh Nguyên, khi thì ở chùa Hội Phước. Thêm có Quan Phủ *Nguyễn Ngọc Tương*, Quan Phủ *Lê Văn Hóa*, Ngài *Lê Văn Lịch* và Ngài *Ngô Văn Kim* giúp sức vào, nên trong mấy quận Cần Giuộc, Cần Đức, thiên hạ nhập môn nườm nượp, mỗi lần thiết đàn số người cầu đạo kể được hàng trăm.

Danh xưng của nền Tân Tôn Giáo đã được Thượng Đế đặt xong là ***Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ***, *Đại Ngọc Cơ* cũng đã có, Thượng Đế mới bắt tay vào Đạo sự chánh là phổ độ Nhơn sanh : Ra lệnh cho tổ chức một số ***Đàn Cơ Phổ Độ*** để Thượng Đế giáo Đạo và trực tiếp thân nhận Tín Đồ trong đại chúng. Có tất cả 8 Đàn do Thượng Đế dạy lập thường xuyên, trong đó có hai Đàn dùng để Ôn Trên dạy riêng chư vị Tiền Khai về công việc hành Đạo, ít thân nhận Tín Đồ. Đó là :

**1.- Đàn Phổ Hàng Dừa** : Tại nhà Ngài *Cao Quỳnh Cư*.

Phò Loan : Các Ngài *Cao Quỳnh Cư* và *Phạm Công Tắc*.

**2.- Đàn Chợ Lớn** : Lập tại nhà Ngài *Lê Văn Trung*.

Phò Loan : các Ngài *Cao Hoài Sang* và *Cao Quỳnh Diêu*.

Chứng Đàn : Các Ngài *Lê Văn Trung* và *Lê Bá Trang*.

Các Đàn Phổ Độ khác được phân bố đều trong nội thành Sài Gòn Chợ Lớn và những vùng lân cận.

**3.- Đàn Cầu Kho** : Lập tại nhà Ngài *Đoàn Văn Bản*.

Phò Loan : Các Ngài *Nguyễn Trung Hậu* và *Trương Hữu Đức*.

Chứng Đàn : Ngài *Vương Quan Kỳ*, sau có mấy Ngài Ngô Tường Vân, Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Kinh cùng với Quan Phủ Kỳ để luân phiên nhau mà lo việc cúng kiếng. Lo sắp đặt việc lễ có mấy Ngài : Đoàn Văn Bản, Huỳnh Văn Giỏi, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Tường.

**4.- Đàn Tân Kim** : Lập tại nhà Ngài *Nguyễn Văn Lai*,

ở Cầu Giuộc (Ngài Nguyễn Văn Lai về sau đắc phong Chánh Phối Sư phái Thượng).

Phò Loan : Các Ngài *Ca Minh Chương* và *Phạm Văn Tươi*.

Chứng Đàn : Các Ngài *Lê Văn Lịch* và *Nguyễn Ngọc Tương*.

Lo sắp đặt việc lễ có các Ngài : Lê Văn Tiếp, Nguyễn Văn Nhơn, Phạm Văn Tỉ, Võ Văn Kinh.

**5.- Đàn Lộc Giang** : Lập tại chùa Phước Long, ở Chợ Lớn. Chủ chùa là Ngài Yết Ma Trần Văn Giồng.

Phò Loan : Các Ngài *Trần Duy Nghĩa* và *Trương Văn Tràng*.

Chứng Đàn : Các Ngài *Mạc Văn Nghĩa* và *Yết Ma Giồng*.

**6.- Đàn Tân Định** : Lập tại nhà Ngài *Nguyễn Ngọc Thơ*.

Phò Loan : Các Ngài *Cao Quỳnh Cư* và *Phạm Công Tắc*.

Chứng Đàn : Ngài *Nguyễn Ngọc Thơ*.

**7.- Đàn Thủ Đức** : Lập tại nhà Ngài *Ngô Văn Điều*.

Phò Loan : Các Ngài *Huỳnh Văn Mai* và *Võ Văn Nguyên*.

Chứng Đàn : Ngài *Ngô Văn Điều*.

**8.- Đàn Chuyên Trị Bệnh** : Lập tại nhà ông *Trần Văn Tạ*.

Đức Chí Tôn ban cho ông Trần Văn Tạ phép huyền diệu để cứu chữa bệnh nhơn, nhứt là để giải bệnh tà. Công quả ấy thuộc về phần ông *Trần Văn Tạ*, vợ của ông là bà *Trương Thị Tròn* và con của ông là *Trần Văn Hoằng*.

Ông Tạ nguyên trước kia là một nhân viên mật thám

của Pháp được giao nhiệm vụ trà trộn theo dõi các hoạt động tại Đền Cầu Kho, nhưng ông được Đức Chí Tôn gọi tên, độ dẫn nên trở thành một tín đồ trung kiên của Đạo.

Tại đền Cầu Kho, ngày 20-7 Bính Dần (27-8-1926), Đức Chí Tôn dạy ông Trần Văn Tạ như sau :

“ *Tạ, Thầy giao khổ bệnh nhơn sanh cho con, Thầy lấy nhà con mà làm Thánh Thất của Thầy* “.

Nhà của ông ở đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo) khoảng gần hẻm 237 vô nhà ông Nguyễn Văn Tường. Ông và gia đình của ông đều làm công quả trị bệnh bằng cách cho bệnh nhơn quì trước Thiên Bàn, thành tâm cầu nguyện, sau đó cho uống nước Âm Dương lấy từ Thiên Bàn. Rất nhiều người khỏi bệnh một cách huyền diệu. Những người nhờ đức tin và duyên phước, sau khi lành bệnh chẳng những xin nhập môn theo Đạo Cao Đài mà còn tích cực truyền bá rộng rãi về sự huyền diệu của một nền Đạo mới xuất hiện.

Về sau, ông Trần Văn Tạ tích cực hành đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh với chức trách Hộ Đền Pháp Quân cho đến khi liễu đạo vào ngày 23-12 Kỷ Hợi (1960). Nhục thể của ông được an táng tại nghĩa trang “*Cực Lạc Thái Bình*” thuộc Tòa Thánh Tây Ninh.

#### **\* Các Đền Không Thường Xuyên**

Ngoài các đền lệ thường xuyên hoạt động được kể trên, quý Vị Tiền Khai còn có thiết thêm các đền không thường xuyên ở nhiều chỗ khác để giúp vào việc phổ thông Thiên Đạo, như là :

**\*Đền Vĩnh Nguyên Tự** : Lập tại Cần Giuộc.

- Có nhận tín đồ nhập môn nhưng không nhiều.

- Đền này, Ông Trên dành để dạy riêng chư vị Tiền Khai về kinh sách, nội luật, nhất là về tu học pháp môn thiền định buổi đầu. Từ khi qui hiệp về Đạo Cao Đài, Vĩnh Nguyên Tự tiếp nhận nhiều Thánh Giáo quan trọng, làm căn bản cho cơ



Đạo buổi đầu. Ngày 3-2 Bính Dần (16-3-1926), Đức Chí Tôn dạy 3 Ngài *Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc* xuống ở Vĩnh Nguyên Tự một tuần để học đạo thêm.

**\*Đàn Long Thành Tự** : Lập tại chợ Rạch Kiến, Cần Đức.

Phò Loan : Các Ngài *Phạm Tấn Đãi và Nguyễn Thiêng Kim*.

Chứng Đàn : *Tri Phủ Lê Văn Hóa*, thường có các vị sau đây hầu đàn : *Lại Văn Hành, Lê Văn Gia, Phan Văn Sách*,... Đàn này được thiết lập vào các ngày 14, 15 và 30 hay 29, mùng 1.

**\*Đàn Giông Ông Tố** : Lập tại nhà ông Đỗ Văn Vàng  
Phò Loan : Bộ phận phò loan không cố định, thông thường do hai Ngài *Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc* phụ trách.

Hầu Đàn : Thường có các vị : *Hồ Văn Đình, Hồ Văn Nhựt, Huỳnh Văn Nhẫn*,...

**\*Đàn Hội Phước Tự** : Ngày 22-7 Bính Dần (29-8-1926), trong đàn cơ có mặt các Ngài *Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Thơ, Đức Chí Tôn* thu nhận **Hội Phước Tự** làm Thánh Thất, và ban cho *Yết Ma Luật phẩm Giáo Sư phái Thái*. Tương tự, trước đó vài ngày (vào ngày 15-7 Bính Dần, tức 22-8-1926), Đức Chí Tôn cũng đã thu nhận *Vạn Phước Tự* và phong *Yết Ma Nhung* là *Giáo Sư Thái Nhung Thanh*.

**HT Nguyễn Trung Đạo**

## DÂNG HIẾN XÁC THÂN LÀ HÀNH HẠNH BỒ TÁT

HT Lê Văn Thêm

Bồ Tát do công phu tu chứng được chia ra thành mười cấp bậc từ thấp đến cao.

Cấp thứ nhất là những vị mới phát tâm tu hành được gọi là Bồ Tát sơ tâm.

Cấp thứ hai là những người phát tâm lâu rồi, gồm những vị đã có công tu dù rằng còn thấp nhưng đã biết lấy việc lợi tha quên mình vì người, xả thân bố thí và tâm chứng từ từ được các cấp thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng cho đến thập địa.

Trên Bồ Tát thập địa là cấp thứ ba gồm có Đẳng giác và Viên giác. Những vị này đã dứt được vô minh và trần sa hoặc chỉ còn một đời tu nữa thì sẽ thành Phật.

Nói chung, những vị Bồ Tát được kể ra trên đây có thể chia thành hai nhóm.

Nhóm thứ nhất là những người đã phát tâm Bồ Tát, có giữ giới dù rằng vẫn còn phạm phu thì được gọi là phạm phu Bồ Tát. Đây là những người có tâm và hành hạnh bố thí như nói theo đạo Phật, hay có lòng và làm công quả để phục vụ vạn linh như nói theo đạo Cao Đài. Đó là những vị có thể quên mình vì người, biết rõ thế nào là thân kiến, chỉ vị tha chớ không vị kỷ, dám bố thí, hiến dâng hay hy sinh những gì mình có để cứu độ hay giúp đỡ nhơn sanh, làm lợi ích cho chúng sinh.

Nhóm thứ hai là những vị Bồ Tát đã hoàn toàn giác ngộ, đã chứng quả vị cao hơn thập địa, nhưng không an hưởng Niết Bàn, không mong cầu quả Phật mà thường thị hiện ở cõi đời dưới nhiều hình tướng nhưng chẳng ai biết đó là Bồ Tát, để dạy dỗ và hóa độ chúng sanh. Những vị Bồ Tát này cứ lặn lội trong ba cõi sáu đường để cứu độ nhơn sanh, tự giác giác tha, tự độ độ tha. Đây là những Bồ Tát siêu phạm, thực hành lục độ vạn hạnh, quên mình vì chúng sinh, làm mọi việc lành với tâm tam luân không tịch, vô cầu, vô chứng, vô đắc, là những bậc đã tự giác viên mãn rồi lại còn hành hạnh giác tha nên được gọi là hữu tình giác.

Được gọi là hữu tình giác vì Bồ Tát thị hiện ở thế gian cũng như bao nhiêu chúng sinh hữu tình, nhưng có cái khác biệt là chúng sinh hữu tình thì vẫn vô minh mê lầm, còn Bồ Tát thì đã tỉnh thức giác ngộ.

Muốn được tỉnh thức hay giác ngộ, tức muốn thấy Đạo, thấy Chân Lý, và nhờ Chân Lý đó mà chúng sinh hữu tình có thể trở thành Bồ Tát Đẳng giác hay Viên giác và có thể giải thoát thì trước tiên chúng sinh hữu tình phải thấy được sự thật của bản thân mình. Thấy được sự thật đó là thấy thật tướng của sắc thân, là thấy Chân Lý và được gọi là giác ngộ về thân hay tự giác.

## **I. TỰ GIÁC:**

Tự giác là tự tỉnh thức, không còn mê lầm, mà đã thấy sự thật.

Có thấy được sự thật là thân mình bất tịnh, vay mượn, vô thường, duyên hợp thì như sanh mới dễ rời bỏ nó.

Càng có thể dễ rời bỏ nó hơn khi chúng sanh biết được trong thân huyễn hóa đó lại có Phật tánh, Thánh Tâm hay Thánh Linh mà Đức Hộ Pháp nói cái Linh đó tức là Đạo, là Chân Tâm, tức cái chân thật trong thân huyễn hóa của mỗi một con người.

-Có biết được thế nào là cái chân thật cũng như thế nào là cái huyễn hóa

-Kế tiếp theo đó thấy được cái chân thật ấy trong cái huyễn hóa kia

-Rồi cuối cùng muốn làm cho cái chân thật ấy hiển lộ thì không gì khác hơn là rời xa cái huyễn hóa kia vậy.

Làm được như thế trước tiên thì kế tiếp theo đó như sanh hay hữu tình chúng sinh mới có thể trở thành Bồ Tát hay thành Phật. Đây chính là lý do mà Đức Hộ Pháp bảo như sanh hãy hiến dâng xác thân sanh diệt của mình để phụng sự vạn linh, cũng có nghĩa là biết cái xác thân này chỉ là huyễn, vậy thì nên dùng cái huyễn hóa đó để độ tha, tức vì chúng sinh, vì vạn linh mà sẵn sàng hy sinh nó để phục vụ, rời bỏ nó để giải thoát mà

Kinh Như Lai Viên Giác của Phật giáo gọi là “*Tri huyễn, ly huyễn,*” hiệp cùng với Kinh Pháp Hoa chứng minh những gì mà Đức Hộ Pháp đã kêu gọi nhơn sanh phải làm khi dăng Tam Bửu.

Thật vậy, theo Kinh Pháp Hoa với phẩm 23 Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự thì muốn nhập “*Tri Kiến Phật*” bước vào hàng Bồ Tát để thành Phật, chúng sinh hữu tình phải biết *tri huyễn* và phải dám *ly huyễn*, tức phải dám hy sinh thân xác mình. Nói như thế cũng có nghĩa nếu nhơn sanh muốn sống với Bồ Tát Đạo, với cái Chân Tâm Phật Tánh tự mình thì nhơn sanh phải xem thường cái thân tứ đại. Có xem thường được cái thân tứ đại, dám hy sinh nó, dám hiến dâng nó thì lúc đó theo Kinh Pháp Hoa là mới bắt đầu hiển lộ, mà theo Kinh Pháp Hoa là mới bắt đầu nhập “*Tri Kiến Phật*” được.

Tóm lại, muốn có được Phật Tánh, Chân Tâm thì con người phải xem thường sắc thân. Đây là lý do mà tại sao Thần Quang lại chặt tay trước mặt Bồ Đề Đạt Ma để tìm Đạo và trở thành nhị tổ Huệ Khả. Đây cũng là lý do mà ngày nay thường thấy biểu hiện nhiều nhà sư Phật giáo có những vết đốt trên đầu.

Việc các tu sĩ Phật giáo có những vết đốt trên đầu là tượng trưng cho hạnh nguyện dùng thân, để cúng dường. Việc này, được thấy trong Kinh Pháp Hoa mà nơi đoạn 3 chính văn của phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự có nói như sau: “Ta dù dùng thần lực cúng dường nơi Phật, chẳng bằng dùng thân cúng dường. Liền uống các chất thơm, lấy dầu thơm xoa thân, rải các thứ dầu thơm và dùng sức nguyện thần thông mà tự đốt thân.”

Việc tự đốt thân tượng trưng để dâng hiến bên đạo Phật cũng giống như việc nguyện niệm hiến dâng xác thân để phụng sự vạn linh trong đạo Cao Đài.

Sở dĩ có thể nói giống nhau là vì cả hai cũng đều là Văn Tự Bát Nhã, tức do cái thấy, cái biết thân này là huyễn hóa, là không, nên một bên thì đốt tượng trưng còn một bên thì nguyện niệm.

Cái thấy cái biết như vậy chỉ là Văn Tự Bát Nhã và Văn Tự Bát Nhã có giúp nhơn sanh giải thoát được không là khi nào nó

trở thành sự thật, tức Thật Tướng Bát Nhã. Thật Tướng Bát Nhã chỉ đạt được sau khi có Văn Tự và Quán Chiếu Bát Nhã, nghĩa là như sanh với tâm thanh tịnh sáng suốt thấy biết rõ thân mình là huyễn nên tâm hoàn toàn muốn ly huyễn, nguyện niệm ly huyễn tức lìa xác thân. Lìa xác thân với ý nghĩa là như sanh đem thân này hiến dâng để phụng sự vạn linh, rồi nhờ sự hiến dâng để phụng sự đó tức giác tha, mà Thánh Linh, Phật Tánh của mình hiển lộ, đó là con đường đưa đến giải thoát.

Như vậy, lời Đức Hộ Pháp dạy hiến dâng xác thân để phụng sự vạn linh không thể được hiểu là một nguyện niệm suông, mà phải được hiểu là nguyện niệm với tâm tỉnh giác, nguyện niệm với toàn tâm toàn ý, thấy thân này hoàn toàn huyễn hóa nên với tâm hoàn toàn thanh tịnh và sáng suốt nguyện niệm rời xa nó, đem nó hiến dâng để phụng sự vạn linh.

Nói rõ hơn, đối với người có được tâm tỉnh thức giác ngộ, thấy biết được “trong thân mình có ông Trời ở trông” tức thấy được Thánh Linh, Phật Tánh ở nơi mình thì chắc chắn người đó đã thấy thân tứ đại sanh diệt của mình chẳng khác nào như hòn bọt trên biển cả. Hòn bọt cỏn con kia nếu đem so sánh với biển cả bao la thì nó không có nghĩa gì cả, có đó rồi tan biến đó, chợt hiện rồi tan, mới còn rồi mất, chẳng khác nào như mộng như huyễn mà thôi.

Có thấy được như thế là con người đã tự giác, nghĩa là thấy được sự thật hoàn toàn, không còn mê mờ tham đắm và bám víu xác thân để làm tôi đòi nô lệ cho nó nữa. Con người sẽ không còn hám dục, tham ái, mà trái lại sẵn sàng hiến dâng nó với tâm tỉnh thức trong ý nghĩa không còn chấp thân là ngã tức không còn chấp ngã.

Không còn chấp ngã theo Phật giáo Tiểu Thừa thì đó là đã bước vào hàng Thanh Văn, thành A la Hán mà giáo lý đạo Phật trước đây cho biết đã gần ngang hàng với Phật.

Còn theo giáo lý Đại Thừa Khuyến tu Bồ Tát Đạo thay vì Thanh Văn, Duyên Giác, thì việc dám đốt xác thân, để cúng dường, dám bố thí xác thân, dám bỏ xác thân hay dám hiến

dâng xác thân với tâm thành trọn vẹn thì đó là cách “Phá Sắc Ấm,” một trong năm ấm.

Sắc ấm một khi được phá rồi thì người tự phá nó đã hoàn toàn bước vào hàng Thánh hay Bồ Tát và đã là Bồ Tát Tam Địa như theo giáo lý nhà Phật được diễn tả trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Sau khi phá được sắc ấm tức phá chấp thân, người tu sẽ tiến lên phá cả bốn ấm còn lại trong ngũ ấm, đó là thọ, tưởng, hành, thức. Phá được hoàn toàn ngũ ấm thì người tu đã là Bồ Tát Thập Địa, bước vào hàng Bồ Tát Đẳng Giác, Viên Giác để chứng Phật quả, tự giải thoát. Nói khác hơn, phá *sắc ấm* đó là *phá chấp thân* và phá bốn ấm còn lại là *thọ, tưởng, hành, thức*, đó là *phá chấp tâm*. Đây là nói theo đạo Phật.

Còn với đạo Cao Đài, qua những gì mà Đức Hộ Pháp đã dạy thì *phá chấp tâm gồm có việc hiển dưng trí não và linh hồn*, và *phá chấp thân thì lại là việc hiển dưng thân xác*.

Trong việc hiển dưng thân và tâm thì hiển dưng thân lại khó hơn hiển dưng tâm, dù rằng tâm hay ý là đầu nguồn của sự tỉnh thức hay giác ngộ.

Chính vì lý do này và cũng bởi nguyên nhân này mà Đức Hộ Pháp mới nói đến Trí Vô Đối của đạo Cao Đài, bắt nguồn từ Trí Lương Tri của Khổng Giáo và cũng là Trí Bát Nhã của đạo Phật.

Có tri kiến được Trí Vô Đối tức Trí Bát Nhã thì người tu mới mong phá chấp được thân và tâm, bằng không thì những lời nói suông này sẽ chẳng khác nào như lấy ngón tay để chỉ mặt trăng với một ý nghĩa hết sức thông thường thôi. Mặt trăng đâu chẳng thấy mà chỉ thấy mãi có ngón tay thôi. Như vậy thì cũng chẳng có ích lợi hay diệu dụng gì.

Xin được bàn đến Trí Vô Đối ở chương sau để làm sáng tỏ hầu tạo sự dễ dàng cho nguyện niệm hiển dưng và đến đây xin trở lại tâm hạnh của Bồ Tát gồm có tự giác, giác tha, mà phần tự giác đã trình bày qua, riêng phần kế tiếp theo đây xin nói đến giác tha.

## **II. GIÁC THA:**

Giác tha có nghĩa là làm cho tha nhân giác ngộ, mà nói theo đạo Cao Đài là tỉnh thức nhươn sanh.

Tỉnh thức nhươn sanh hay giác ngộ tha nhân là làm cho nhươn sanh, làm cho tha nhân không còn vô minh, mê lầm chấp thân, chấp tâm, chấp ngã, chấp pháp.

Tỉnh thức nhươn sanh cũng có nghĩa là làm cho nhươn sanh thấy được sự thật, thấy được Chân Lý tức là Đạo để nương theo Chân Lý hay Đạo mà siêu thăng hay giải thoát.

Tỉnh thức nhươn sanh hay giác tha là nguyện hạnh thứ hai của Bồ Tát sau khi tự giác mà nếu hiểu theo đạo Phật hay đạo Cao Đài thì không có gì khác nhau cả.

Theo đạo Cao Đài thì giác tha hay tỉnh thức nhươn sanh là giúp nhươn sanh thực hành được ba đạo hạnh như sau:

### **A. Thứ nhất: Giác ngộ thân tâm:**

Nghĩa là làm sao chỉ cho nhươn sanh thấy sự thật, giúp nhươn sanh hoàn toàn tỉnh thức về thân tâm mình.

Muốn cho nhươn sanh sớm tỉnh thức, không gì hay hơn nói cho nhươn sanh biết “Vạn sự viết vô, nhục thể thổ sanh hoàn lại thổ,” nghĩa là đời của một con người là như vậy đó. Thân này, cũng như vọng tâm ở trong thân ấy, tất cả chỉ là giả tướng hư vọng, bất tịnh, vay mượn, duyên hợp, vô thường và huyễn hóa mà thôi. Chúng đến rồi đi, có rồi mất, hiện rồi biến, một sự biến hoại tự nhiên không có gì ngăn cản được. Vậy thì thôi còn bám víu nó làm gì. Phải tỉnh thức và biết buông bỏ nó, đừng chấp nó là ngã, là ta. Nếu làm được như vậy là con người đã lìa xa được huyễn sau khi tri huyễn, cũng có nghĩa là làm hiển lộ từ từ cái Thánh Tâm, Phật Tính có sẵn nơi xác thân của mỗi một con người.

Nói rõ hơn, giác tha là làm cho tha nhân không còn mê lầm, vô minh và hoàn toàn giác ngộ tỉnh thức thấy mình có căn Tiên, cốt Phật để tập làm Thánh, làm Phật, chẳng khác nào bao nhiêu vị Phật khác đã làm, như đức Phật Thích Ca chẳng hạn.

### **B. Thứ Hai: Biết có ba món nợ:**

Phải chỉ cho nhơn sanh, cho mọi người thấy rõ là bất cứ ai, mỗi người khi được sinh ra làm kiếp con người, đều đã mang ba món nợ. Phải trả cho xong ba món nợ này thì con người mới mong giải thoát được. Đó là lời của Đức Hộ Pháp dạy.

Thật vậy, trong lần thuyết pháp tại Đền Thánh đêm 11 tháng 6 năm Kỷ Sửu 1949, đức Ngài có nói như sau: Trong thân thể của chúng ta khi đã hình thành rồi, có hiện diện tại mặt thể này rồi thì ta phải chịu ba món nợ.

Món nợ thứ nhất là thể chất tức là xác thân của ta đây.

Món nợ thứ hai là Chơn Thần tức tinh thần trí não của ta mà đạo Cao Đài gọi là Pháp Thân. Pháp Thân này do nơi Kim Bàn phát hiện tức do nơi Phật Mẫu ban cho.

Cuối cùng, còn món nợ thứ ba, đó là Chơn Linh tức linh hồn của ta hay linh thể do nơi Đức Chí Tôn đã chiết điểm linh quang của Ngài mà ta có. Nói tóm lại, do ba món nợ ấy là xác thân, chơn thần và chơn linh mà ta mới thành người, nghĩa là ta có ba món nợ ấy thì cũng vì thế mà ta phải lo trả ba món nợ ấy.

Với món nợ thứ nhất khi ta có xác thân này là ta phải chịu một mối nợ đối với người đã tạo ra nó, đó là cha mẹ ta. Đây là món nợ trước nhất mà ta phải trả. *“Ta phải trả xong xuôi nợ này rồi thì mới vào cửa giải thoát được, bằng không thì ai cho mình vô cửa Thiên Liêng Hằng Sống.”*

Nói tóm lại, là trước tiên phải trả món nợ thi hài của mình, mà như lời Đức Hộ Pháp đã nói thì *“Mang nợ máu thịt ấy phải trả, tức nhiên làm công quả để lấy công quả trả nợ máu thịt đó vậy... Lấy công quả trả nợ máu thịt mà trả nợ máu thịt tức trả cho xã hội nhơn quần đó vậy”* (Bí Pháp – Lời thuyết đạo của Đức Hộ Pháp – Tài liệu do Ban Tốc Ký Tòa Thánh Tây Ninh Sưu Khảo – Thánh Thất Tộc Đạo Westminster, Cali U.S.A. ấn hành năm Mậu Dần 1998).

Trả xong món nợ thi hài thứ nhất vẫn còn lại hai món nợ khác nữa. Đó là nợ Chơn Thần và nợ Chơn Linh do Đức Phật Mẫu và Đức Chí Tôn ban cho.

Ta đã thọ hai món báu nơi hai Đấng ban cho vậy thì ta phải chịu với hai Đấng hai món nợ. Bây giờ làm sao để ta có thể trả được hai món nợ này.



Theo như lời Đức Hộ Pháp đã dạy thì cách duy nhất để trả nợ hai Ngài là ta phải đem cả trí não tinh thần và linh hồn nguyện dâng trọn vẹn cho hai Ngài để hai Ngài đem nó ra mà phụng sự cho vạn linh. Chỉ có phụng sự cho vạn linh bằng tất cả hình hài, trí não và linh hồn của ta thì ta mới mong trả xong ba món nợ, và chỉ khi nào trả xong ba món nợ này thì ta mới có thể giải thoát được. Như thế cũng có nghĩa sau khi tự giác, nếu chẳng bố thí như nói theo đạo Phật, hay hiến thân phụng sự cho vạn linh, như nói theo đạo Cao Đài thì giới Phật Tử hay tín đồ Cao Đài không làm sao giải thoát thành Phật được. Nói rõ hơn, muốn thành Phật thì phải tự giác và giác tha. Thiếu một trong hai thì thiếu Phật Nhân không khi nào thành Phật Quả được.

### **C. Thứ 3: Biết ba lý do được sanh ra ở mặt thế:**

Trong đêm thuyết pháp tại Đền Thánh vào ngày 8 tháng 6 năm Kỷ Sửu 1949, Đức Hộ Pháp có nói theo chơn pháp thì con người khi sanh ra nơi mặt thế này có ba lý do.

1. Lý do thứ nhất là con người xuống tại mặt địa cầu này để trả tất cả quả kiếp mà con người đã tạo từ vô thủy và qua bao nhiêu tiền kiếp, kể cả kiếp này.

2. Thứ hai là đến mặt địa cầu này để học hỏi thêm để tấn hóa tới nữa, tức đến mặt địa cầu này để học đạo, vì nơi đây có Đạo, còn những nơi khác như Bắc Cầu Lô Châu thì không có Đạo nên con người không làm sao học hỏi để tấn hóa thêm được.

3. Thứ ba là có những vị đã có được địa vị cao siêu nơi cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống nhưng vẫn còn muốn xuống quả địa cầu này để lập vị mình cho đặng cao trọng thêm hơn.

Trên đây là ba lý do để con người đến quả địa cầu này, như lời nói của Đức Hộ Pháp.

Đức Ngài còn cho biết thêm là muốn thỏa mãn ba nguyên do trên, hay muốn đạt được mục đích nêu trên thì con người phải phụng sự vạn linh thì mới được. Chỉ có phụng sự cho vạn linh thì

con người mới giải thoát được. Nói khác hơn, theo như lời Đức Hộ Pháp dạy thì: *“Cơ quan giải thoát là phụng sự. Như thế dù cho quả kiếp mà đến cũng vậy, dầu cho vì học hỏi mà đến cũng vậy, dầu cho lập vị mà đến cũng vậy, phải phụng sự cho vạn linh mới được. Trong phụng sự ấy, chúng ta không biết chúng ta bị quả kiếp nào, người nào, nhưng nhờ phụng sự ấy mà mình gặp được người mình muốn trả nợ tiền khiên.”*

*“Còn về học hỏi và lập vị là lý do thứ hai và thứ ba thì thử hỏi ta muốn gì? Ta muốn biết mọi điều về huyền vi cơ tạo. Vậy muốn biết được thì ta cũng phải phụng sự cho vạn linh. Chỉ có phụng sự cho vạn linh thì sự học hỏi của ta mới tinh tấn, rồi trong phụng sự ấy nó sẽ chỉ điểm cho chúng ta muốn biết mà lập vị. Nói cách khác là có gì hơn hiển dưng xác thân, trí não, linh hồn để thay thế Đức Chí Tôn mà phụng sự cho vạn linh, phụng sự để vừa học hỏi cho tinh tấn, vừa lập vị cao thăng, ấy là điều không thể chối cãi được.”*

Tóm lại, phụng sự như nói theo đạo Cao Đài, hay bố thí như nói theo đạo Phật là hai cách nói nhưng chỉ nhằm vào một mục đích, đó là giác tha, là cứu độ chúng sinh, là tỉnh thức chúng sinh. Có cứu độ chúng sinh thì người tu mới thực hành viên mãn được tâm nguyện từ bi sau khi đạt được tự giác là đã hoàn thành việc được soi sáng bởi trí tuệ. Nói rõ hơn, trí tuệ và từ bi là hai đạo hạnh, đạo tâm cần phải có và phải đủ để giúp con người giải thoát. Đó cũng là hai tâm hạnh và đạo hạnh tự giác và giác tha mà Bồ Tát phải hoàn thành để bước lên quả vị Phật.

### **III. KẾT LUẬN CHƯƠNG IV :**

Giáo Lý đạo Cao Đài cũng như giáo lý đạo Phật có nhiều điểm giống nhau liên quan đến vấn đề tự giác và giác tha.

Với đạo Cao Đài thì giác tha được nói rõ là phổ độ như sanh, hay phụng sự vạn linh. Còn với đạo Phật thì giác tha được diễn tả rõ trong pháp Lục Độ của Bồ Tát và được gọi là Bố Thí.

Bố Thí là hạnh thứ nhất của Bồ Tát trong giáo lý Phật giáo đại thừa nhằm giác tha. Còn năm hạnh kia là trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ thì tập trung vào tự giác.

Việc bố thí của Bồ Tát trong giáo lý Phật giáo đại thừa được thực hành qua ba cách. Cách thứ nhất là bố thí tài. Cách thứ hai là bố thí pháp và cách thứ ba là bố thí vô úy. Ba cách bố thí này được giảng giải nhiều nhất qua ba bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Tịnh Danh và Kim Cang liên quan đến Bồ Tát Đạo. Ở đây xin chỉ bàn đến cách thứ nhất, đó là bố thí tài, vì bố thí này có liên quan đến hạnh dâng hiến xác thân trong pháp môn Dâng Tam Bửu của đạo Cao Đài.

Trong việc bố thí tài thì gồm có bố thí ngoại tài và bố thí nội tài.

Bố thí ngoại tài là bố thí của cải tiền bạc, vật dụng hay những gì thuộc về mình là ngã sở. Việc bố thí này người tu có thể thực hành ít khó khăn hơn là bố thí nội tài, dù rằng có những việc bố thí ngoại tài cũng không dễ dàng gì cho lắm. Thí dụ như trường hợp đức Phật Thích Ca khi còn tu hạnh Bồ Tát phải thực hành bố thí đem cả vợ con mình cho người khác. Đây là việc làm chẳng phải dễ dàng gì dù rằng chỉ thuộc ngoại tài.

Còn bố thí nội tài, đó là đem cúng dường một phần xác thân mình hay hiến dâng cả xác thân để phụng sự cho lợi ích hay sự sống của kẻ khác.

Cúng dường một phần xác thân như trường hợp Thần Quang chặt một cách tay hiến dâng cho Đức Bồ Đề Đạt Ma để cầu đạo giải thoát. Đây là câu chuyện được kể lại không biết hư thật ra sao, nhưng ít nhất chuyện này cũng biểu trưng cho việc hiến dâng một phần xác thân để cầu tìm chân lý, cầu mong giải thoát.

Việc hiến dâng thể xác để cầu mong Chân Lý cầu mong giải thoát được thấy rõ nhất là việc làm của tiền thân đức Phật Thích Ca khi Ngài còn hành hạnh Bồ Tát.

Lúc còn tu hạnh Bồ Tát, có một lần Ngài thấy một con cọp đói sắp chết. Để cứu cọp sống, Ngài phải bố thí xác thân Ngài, tự nguyện hiến dâng thân cho cọp ăn để cứu cọp. Đây là một

trường hợp bố thí nội tài theo đạo Phật mà cũng là hình ảnh hiến dâng xác thân mình để phổ độ, để phục vụ vạn linh như nói theo đạo Cao Đài.

Như vậy, việc bố thí nội tài với việc hoàn toàn hiến dâng xác thân để hành hạnh Bồ Tát phục vụ vạn linh quả thật là một việc làm rất khó chớ nào phải dễ gì. Người hiến dâng phải hoàn toàn hiến dâng với tất cả tâm ý của mình, chớ chẳng thể chỉ nguyện niệm suông thôi rồi cho là đủ.

Bồ Tát mặc dù cũng như một chúng sinh hữu tình, nhưng đã tự giác giác tha nên không còn chấp ngã, chấp pháp. Chính vì vậy mà trong kinh Kim Cang đức Phật mới nói: *“Này Tu Bồ Đề, một vị Bồ Tát mà còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì vị này chưa phải là Bồ Tát đích thực.”*

Vậy thì muốn hành hạnh Bồ Tát, người tu phải bỏ cho được tướng ngã, không còn chấp ngã, không còn tướng ngã mà muốn không còn tướng ngã, bỏ hẳn tướng ngã thì phải dám hiến xác thân, không những chỉ với nguyện niệm mà phải toàn tâm toàn ý dâng hiến. Có dâng hiến thân tâm với toàn tâm toàn ý thì Bồ Tát mới tròn hạnh nguyện và mới giải thoát thành Phật được. Đây là lý do mà Đức Hộ Pháp bảo phải hiến dâng xác thân, tinh thần, trí não và linh hồn để đoạt cơ giải thoát.

Những gì mà Đức Hộ Pháp dạy đây không phải là chỉ nguyện niệm suông thôi, mà phải nguyện niệm với tất cả tâm thành, và muốn có tâm thành ý chánh thì người nguyện niệm phải có Trí Vô Đối như Ngài đã dạy. Nói rõ hơn, muốn hiến dâng cả xác thân, trí não và linh hồn một cách rốt ráo, trọn vẹn để phụng sự vạn linh thì người nguyện niệm phải “tâm niệm” tức niệm với tất cả lòng chân thành, với tâm thành nghĩa là với chánh tâm và thành ý.

Đến đây một câu hỏi được đặt ra là làm sao để có được tâm thành? Đó là phải hiểu thấu và thực hiện được đầy đủ những gì mà Đức Hộ Pháp đã dạy về Trí Vô Đối. Vậy Trí Vô Đối là gì mà lại là diệu lý của giáo pháp nguyện niệm hiến dâng xác thân tức Bí Pháp giải thoát.

**( còn tiếp )**



## **Việc Liên Lạc**

### **Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

Để việc liên lạc với Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại, các Ban Quản Nhiệm địa phương và Tập San Thế Đạo được dễ dàng và nhanh chóng, xin quý Hiền Huynh' Hiền Tỷ liên lạc theo những cách như sau:

#### **I- Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại:**

**1- Địa chỉ :** 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121

**2- HT. Nguyễn Ngọc Dũ,** Phone : (408) 238-6547

Fax# (408) 440-1372 E- mail: dutani@comcast.net

**3- HT. Nguyễn văn Cầu,** Phone: (408) 262-4209

E-mail: caunguyencd@gmail.com

**4- HT. Mai văn Tim,** Phone: (425) 265-1095

E-mail: [Timmai@juno.com](mailto:Timmai@juno.com).

#### **II- Tập San Thế Đạo:**

- **Tập San Thế Đạo :** 3076 Oakbridge Dr., San Jose,  
CA. 95121- 1716

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bắc Cali:

HT Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 729-3922

- Đại-Diện Tập San Thế Đạo tại Nam Cali:

HTDP Huỳnh Mãng, Phone: (714) 544-5698

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Georgia:

HTDP Trần văn Tánh, Phone: (678) 422-2588

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Tiểu Bang Ontario,  
Canada:

HTDP Lê Đăng, Phone: (416) 780-1874

Fax: (416) 780-1829

**III- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại:**

1- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Washington & bang Oregon:

HTDP Trần Trung Dung Phone:(253) 815-1846

2- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Texas:

HTDP Trần Công Bé Phone:(817) 244-7322

3- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Louisiana:

HT. Trần Huyền Quang Phone:(504) 347-9326

4- Đại Diện Ban Thế Đạo tại bang Georgia:

HT Cao Văn Bảy Phone:(770) 638-4616

HT Văn Công Cộg Phone:(678) 422-1946

5-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Florida:

HT Huỳnh Công Khanh Phone:(727) 544-9484

6-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Toronto,Canada

HTDP Phan Văn Tông Phone: (905) 794-8200

HTDP Lê Đăng Phone: (416) 780-1874

7- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Pháp:

HTDP Nguyễn Chí Hiền Phone:01-4852-6017

**IV- Ban Thế Đạo Úc Châu:**

HT. Nguyễn Kim Triệu, Phone: (612) 9726-9684.

**IV- Ban Thế Đạo Bắc California:**

HT Nguyễn đấng Khích, Phone: 408-729-3922

Email: tn\_ndk@yahoo.com

**V-Ban Thế Đạo Nam California**

HT Bùi Văn Nho. Phone :(951) 710-7766

**VI-Yểm Trợ tài chánh:**

Chi phiếu hoặc money order xin gửi về:  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại  
3076 Oakbridge Dr  
San Jose, CA 95121-1716

**DANH SÁCH ĐỒNG ĐẠO/ THÂN HỮU  
CƠ SỞ YẾM TRỢ TẬP SAN THẾ ĐẠO  
( từ ngày 25-10 -2008 đến ngày 31-12—2008)**

<b><u>STT</u></b>	<b><u>Đồng Đạo-Thân Hữu-Cơ Sở</u></b>	<b><u>USD</u></b>
01	Nguyễn Thị Tâm, San Jose, CA	20.00
02	Nguyễn Ngọc Sương, Lawrenceville, GA	50.00
03	Nguyễn Tấn Nghiêm, Bloomington, MN	100.00
04	Nguyễn Kim Xuyên, Aurora, CO	30.00
05	Trần Thế, San Jose, CA	10.00
06	TSự Lê Thị Tiền, Dorchester, MA	50.00
07	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA	30.00
08	Lâm Thái ( George Lâm), San Jose, CA	20.00
09	Trần Mỹ Diệu, Elk Grove, CA	20.00
10	Nguyễn Văn Thoại, Santa Clara, CA	10.00
11	HTDP Dương Văn Ngừa, San Jose, CA	55.00
12	Nguyễn Hiếu Liêm, Morrow, GA	30.00
13	HTDP Huỳnh Kim Triều, Houston, TX	50.00
14	TSự Lê Sang ( Huệ), Saint Louis, MO	50.00
15	Trang Linh, San Jose, CA	20.00
16	CaoDai of Texas ( Thánh Thất Dallas)	50.00
17	HT Bùi Đức Tài, Rancho Cordova, CA	40.00
18	Dương Thị Huỳnh, San Jose, CA	20.00
19	Tường Nguyễn, DDS & Huệ Tô, DDS, San Jose, CA	200.00
20	CTS Mai Ngọc Tuyết, San Jose, CA	20.00
21	Nguyễn Xuân Thu, San Jose, CA	20.00
22	HTDP Sam Nguyễn, San Jose, CA	20.00
23	TSự Nguyễn Hữu Nhật, San Jose, CA	40.00
24	HT Võ Lạc Quan, San Jose, CA	20.00
25	CTS Hà Thị Nết, Orange, CA	20.00
26	Dương Ngọc , Oakland, CA	20.00
27	Trần Kiên, San Jose, CA	40.00
28	Dương Minh Đức, San Jose, CA	20.00
29	Trương Văn Thi, Seattle, WA	20.00

30	Nguyễn Khắc Tiến Tùng, Leipzig, Đức	100.00
31	Jimmy Huyền Võ, Spanaway, WA	20.00
32	HT Võ Văn Mười, San Diego, CA	20.00
33	Trình Kim Nhan, Renton, WA	20.00
34	HTDP Võ Hoàng Ngô, Memphis, TN	100.00
35	David Độ Nguyễn, San Francisco, CA	20.00
36	HTDP Trần Công Minh, Clifton, NJ	20.00
37	Lê Văn Bé, Arlington, TX	20.00
38	Trương Thị Khanh, Oakland, CA	30.00
39	CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA	20.00
40	HT Đặng Bá Nhi, Carrollton, X	50.00
41	HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA	20.00
42	Lê Văn Lộc, Garden Grove, CA	20.00
43	HT Lê Văn Nghiêm, Stone Mountain, GA	50.00
44	Nguyễn Văn Thượng, Wichita, TX	30.00
45	Nguyễn T. Dinh, Houston, TX	50.00
46	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	20.00
47	HTDP Võ Ngọc Kim, Anaheim, CA	20.00
48	HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA	20.00
49	HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA	30.00
50	CTS Nguyễn Văn Hai, Wichita, KS	20.00
51	HT Huỳnh Văn Bớt, Russellville, KY	100.00
52	HTDP Nguyễn T. Bích Thủy, San Jose, CA	20.00

**Cộng: 1,915.00**

**Yểm Trợ CTGL 2008 & Niên Liễm:**

01	HT Võ Văn Mười, San Diego, CA	50.00
02	HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA	20.00
03	HTDP Phan Văn Tranh, Houston, TX	30.00
04	HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA	60.00

( niên liễm 2009)

**Cộng 160.00**

Tổng cộng số tiền nhận được từ ngày 25-10-2008 đến ngày 31-12-2008 là Hai ngàn bảy mươi năm đôla ( USD 2,075.00)

San Jose, ngày 31-12-2008

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại.**



**DANH SÁCH ĐỒNG ĐẠO/ THÂN HỮU  
CƠ SỞ YẾM TRỢ TẬP SAN THẾ ĐẠO  
(từ ngày 01-01-2009 đến ngày 07-01-2009)**

<u>STT</u>	<u>Đồng Đạo-Thân Hữu-Cơ Sở</u>	
<u>USD</u>		
01	Judy Wong, Castro Valley, CA	20.00
02	Đặng Châu, Wichita, KS	20.00
03	Đặng Thị Cù, El Cajon, CA	10.00
04	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	20.00
05	Nguyễn Thị Dung, Houston, TX	20.00
06	Nguyễn Kim Mừng, Aurora, CO	30.00
07	Lâm Văn Sơn, Arlington, TX	30.00
08	HTDP Ngô Tú & HTDP Trần Thảo, VA	30.00
09	HTDP Trần Bé & HTDP Võ Diệp, TX	30.00
10	Phạm Thị Minh Hải, Springvale, Vic, Úc ( 200.00 đôla Úc) . . . . .	136.98
11	Nguyễn Thu Hồng, Montreal, Canada ( 100.00 đôla Canada) . . . . .	80.85
	<b>Cộng</b>	<b>427.83</b>

Tổng số tiền yểm trợ Tập San Thế Đạo từ ngày 01-01-2009 đến ngày 07-01-2009 là Bốn trăm hai mươi bảy đôla tám mươi ba xu ( USD 427.83)

San Jose, ngày 07-01-2009

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại.**

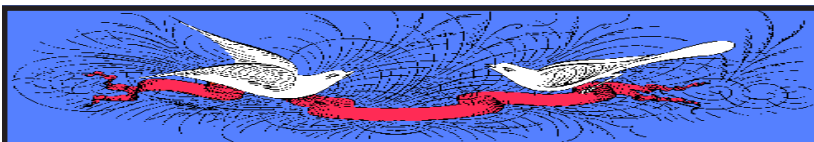
**NIÊN LIỄM 2008**

**BAN THẾ ĐẠO BẮC CALIFORNIA-HOA KỲ.**

1-HT	Nguyễn Đăng Khích, San Jose, CA	60.00
2-HTDP	Nguyễn Thành Hưng, San Jose, CA	60.00
3-HTDP	Nguyễn Thành Dân, San Jose, CA	60.00
4-HTDP	Nguyễn Đăng Điền, San Jose, CA	60.00

Tổng số tiền Niên liễm 2008 của BTĐ Bắc CA nhận là Hai trăm bốn mươi đô-la: **\$240.00**

Ban Quản Nhiệm BTĐ/BCA



## CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Huynh CTS Hà Vũ Băng,  
Phụ Tá Ngoại Vụ Châu Đạo California báo tin lễ Vu Qui cho  
con là:

**Hà Vũ Băng Tâm (Kristy)**

Út Nữ

Sánh duyên cùng:

**Phạm Thành Nguyên**

**Trưởng Nam.**

con của Ông Bà Phạm Thành Hiếu ngụ tại Las Vegas, NV  
Hôn lễ sẽ được cử hành vào lúc 9giờ sáng ngày 28-12—2008  
(nhằm ngày 02-12-Mậu Tý) tại tư gia South Cost Metro, CA  
Xin chung vui cùng Hai Họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

**Trăm Năm Hạnh Phúc**

Châu Đạo California

Ban Pháp Chánh Châu Đạo California.

Tộc Đạo & ĐTPM Orange, Tộc Đạo San Diego, Tộc Đạo  
Santa Clara & Hương Đạo Sacramento.

Tộc Đạo Little Saigon.

---

Ban Thế Đạo Nam/Bắc California.

Tây Ninh Đồng Hương Hội, Đại Đạo Thanh Niên Hội,  
Cựu Sinh Đạo Đức Học Đường & Lê Văn Trung

---

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.



# PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:  
Thân phụ Hiền Huynh **Võ Quốc Hùng** (Tommy Võ), Giám  
Đốc City Bank of Texas là:

**Ông**

**VÕ VĂN PHIÊN**

đã qui vị vào ngày 01 tháng 01 năm 2009 ( nhằm ngày 06  
tháng Chạp năm Mậu Tý ) tại Sài-Gòn Việt-Nam.

**Hưởng thọ 81 tuổi**

Linh cửu được đưa về an táng tại Garland, Texas.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Võ  
Quốc Hùng và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và Đức Địa  
Tạng Vương Bồ Tát ban hồng ân cho hương linh Ông Võ Văn  
Phiên được sớm tiêu diêu nơi miền cực lạc.

**Thành kính phân ưu.**

Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại TX.  
Bàn Trị Sự, Chức Việc Thánh Thất Dallas-Fort Worth, TX  
Bàn Cai Quản, Chức Việc Điện Thờ Phật Mẫu  
Dallas- Fort Worth, TX & Đồng Đạo .  
Đại Đạo Thanh Niên Hội Dallas-TX.  
Tây Ninh Đồng Hương Hội Texas

-----  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.



## PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn :

Thân Mẫu của Hiền Huynh Thông Sự Phan Văn Ba, Nhạc Mẫu của Hiền Tỷ Chánh Trị Sự Nguyễn Thị Bé, và cũng là Bà Nội của các Hội viên Đại Đạo Thanh Niên Hội Georgia Phan Thị Kim Hương, Phan Thị Huyền và Phan Văn Đức Thịnh là:

### Cựu Phó Trị Sự **Võ Thị Do**

đã qui vị ngày 26 tháng 12 năm 2008 ( nhằm ngày 30 tháng 11 năm Mậu Tý ) tại Ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

### Hưởng thọ 89 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Phan Văn Ba , Hiền Tỷ Nguyễn Thị Bé cùng tang quyến.  
Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Cựu Phó Trị Sự Võ Thị Do được sớm trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.  
Thành kính phân ưu.

**T.M. BTS và đồng đạo Thánh Thất Georgia.**

CTS Nguyễn Văn Hưởng.

**T.M. BCH/ĐĐTNH Thánh Thất Georgia.**

Hội Trưởng Võ Thành Tâm.

**Thân hữu: Gia đình Trần Quang Sang**

---

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.**



# PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn :

Hiền Tỷ Quả Phụ

## Nguyễn Văn Niên

Nhũ danh Nguyễn Thị Sảnh

đã qui vị lúc 15.00 giờ ngày 28 tháng 11 năm 2008 ( nhằm ngày 01 tháng 11 năm Mậu Tý ) tại Orange County, California

### Hưởng thọ 81 tuổi

Châu đạo California xin chân thành chia sẻ nỗi đau buồn này cùng tang quyến.

Đồng thời thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho hương linh Hiền Tỷ Nguyễn Thị Sảnh sớm siêu thăng nơi miền Cực Lạc.

Đồng thành kính phân ưu.

Châu Đạo California.

Ban Pháp Chánh.

Tộc Đạo và Điện Thờ Phật Mẫu Orange.

Tộc Đạo San Diego

Tộc Đạo Santa Clara & Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

Tộc Đạo Little Saigon.

Tộc Đạo Pomona.

Hương Đạo Sacramento.

---

Đại Đạo Thanh Niên Hội California.

Trung Tâm Việt Ngữ Minh Đức.

Tây Ninh Đồng Hương Hội.



# PHÂN ƯU

Chúng tôi rất xúc động nhận được tin buồn phu quân của Hiền Tỷ Lê Kim Y là:

**Hiền Huỳnh**

**Phạm Sĩ Tây**

Hội Trưởng Hội Cựu Chiến Sĩ Cao-Đài  
Dallas-Fort Worth, Texas

đã qui vị vào lúc 5.15 sáng ngày 20 tháng 11 năm 2008 ( nhằm ngày 23 tháng 10 năm Mậu Tý ) tại Thành Phố Arlington, TX

**Hưởng thọ 73 tuổi**

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng gia đình Hiền Tỷ Lê Kim Y và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho hương linh Hiền Huỳnh Phạm Sĩ Tây được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Thành kính phân ưu.**

Bàn Trị Sự, Chức Việc Thánh Thất Dallas-Fort Worth, TX  
Bàn Cai Quản, Chức Việc Điện Thờ Phật Mẫu  
Dallas- Fort Worth, TX & Đồng Đạo .

—————  
Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại TX.  
Đại Đạo Thanh Niên Hội TX.

—————  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo



# PHÂN ƯU

Chúng tôi rất xúc động nhận được tin buồn :

## Phạm Thị Luận

Hội viên Hội Tương Tế Cao-Đài.

đã qui vị ngày 11 tháng 11 năm 2008 ( nhằm ngày 14 tháng 10 năm Mậu Tý ) tại Thành Phố San Jose, California

### Hưởng thọ 76 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng gia đình Hiền Tỷ Phạm Thị Luận và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho hương linh Hiền Tỷ Phạm Thị Luận được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

### Thành kính phân ưu.

Bàn Trị Sự, Chức Việc Thánh Thất San Jose, CA  
Bàn Cai Quản, Chức Việc Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

---

Ban Quản Trị & Ban Điều Hành &  
Hội viên Hội Tương Tế Cao- Đài.

---

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.  
Ban Thế Đạo Bắc California.



# PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:  
Bào Tỷ của Niên Trưởng Hiền Tài Võ Văn Mười, Tham Vấn  
Cơ quan Đại Diện Cao-Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải  
Ngoại là:

**Cụ Bà**  
**Võ Thị Hai**

Qui vị vào lúc 6.05 PM ngày 02-10-2008 (nhằm ngày 04-09-  
Mậu Tý) tại Vĩnh Long, Việt Nam.

**Hưởng thọ 95 tuổi**

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng gia đình Niên Trưởng  
Hiền Tài Võ Văn Mười và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng  
Liêng ban hồng ân cho hương linh của Cụ Bà Võ Thị Hai  
được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Thành kính phân ưu.**

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo  
Các Ban Thế Đạo và  
các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại các địa  
phương các quốc gia Hoa-Kỳ, Canada, Pháp. Úc Châu



# Nho giáo Đại Cương

Nguyễn Ước

( Tiếp theo từ TSTD số 38)

## Tứ thư

**1.Đại học.** Sách dạy về luân lý, dành cho nho sinh trên 15 tuổi đã vào bậc cao đẳng. Sách do Tăng Sâm, học trò của Khổng Tử, ghi theo lời của thầy và chia thành 10 chương. Sách triển khai ba điều cốt yếu là minh đức, tân dân, chí ư chí thiện, và tám điều chuyên chú là cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

**2.Trung dung.** Sách gồm những lời Khổng Tử dạy cho học trò rồi được cháu nội là Khổng Cấp, hiệu là Tử Tư, học trò của Tăng Sâm, chép lại và hệ thống hóa tư tưởng trung dung của ngài. Tử Tư dẫn lời giảng của Khổng Tử rằng, “Trung hào là tính tự nhiên của trời đất, trung dung là đức hạnh của con người”. Trung là chính giữa, không lệch về bên nào, dung là bình thường, không thái quá, không bất cập. Cao thấp dễ khó, cảnh ngộ nào cũng có thể lấy thái độ trung dung mà cảm thụ và ứng xử. Trung là chính đạo của thiên hạ; dung là định luật của thiên hạ. Người theo đạo trung dung cần trí để hiểu rõ sự lý, nhân để biết điều lành mà làm, dũng để có khí cường kiện mà tiến hành tới cùng.

**3.Luận ngữ:** Sách ghi lại dung mạo phong thái và lời bàn luận của Khổng Tử khi dạy học trò hoặc nói với người đương

thời. Nội dung đề cập tới đủ loại vấn đề như triết học, chính trị, tôn giáo, cách tiếp nhân xử thế và tâm lý người đời. Sau khi Khổng Tử qua đời, các đệ tử nhớ lại những lời ngài dạy bảo, cùng ghi chép, trong đó lại có những câu do đệ tử của ngài nói ra. Đây là cuốn kinh điển chủ yếu của học thuyết Khổng Tử. Ta sẽ đề cập tới chi tiết hơn ở phần dưới.

**4. Mạnh Tử.** Sách do môn đệ của Mạnh Tử ghi chép tư tưởng của thầy và được ông đích thân duyệt lại. Sách luận đàm về những đề tài nổi bật trong học thuyết của Mạnh Tử, gồm (1) con người tính bản thiện; (2) tôn tâm, dưỡng khí, trì chí; (3) quan điểm dân vi quý; và (4) trị quốc bằng thuyết Nhân chính. Ta sẽ bàn kỹ về cuộc đời của Mạnh Tử cùng nội hàm triết học của ông ở một phần dưới, trong chương này.

### III. Lời giảng của Khổng Tử

#### Chính danh và Nhân

Khổng Tử đem hết sở học, lý tưởng và năng lực để cố vũ cho thuyết “Chính danh” của mình, dùng nó làm cơ sở thiết lập trật tự tốt lành cho xã hội, đồng thời quan tâm tới “Nhân” trong những gì liên hệ tới việc làm người đích thực. Kết quả của những suy tưởng của ngài về “Nhân” là sự hình thành một chuỗi các nghi thức giao tế: “Lễ”. Đưa Nhân cùng Lễ vào thực tiễn cuộc sống sẽ tự nhiên tạo nên trạng thái đạo đức, an tĩnh và hòa hợp.

Ở đây, ta thấy đặc điểm chủ chốt trong nỗ lực của Khổng Tử là tìm cách đề ra các qui tắc chi phối hành động chân chính của con người; những qui tắc không đặt cơ sở trên việc đánh giá các tình huống theo quan điểm thiết thực duy lợi chủ nghĩa. Nếu bạn muốn làm người quân tử, một danh xưng thưở ấy được dùng cho nam giới, bạn nhất quyết thể hiện điều được bạn

xem là chính đáng, bất chấp mọi hệ quả gây ra cho bản thân bạn.

Như thế, ta có thể tóm kết nội dung giảng dạy của Khổng Tử vào câu sau đây:

“Phu tử lấy bốn điều để dạy người: văn chương, đức hạnh, lòng trung thực và lòng thành tín”. (Luận ngữ, VII:25).

### **Kiểu mẫu thời sơ Chu**

Như đã lược qua trong phần tiểu sử, Khổng Tử ra đời trong một gia đình quý tộc tuy gặp hồi sa sút. Ngài từng làm viên chức nhỏ như Thừa điền, Ủy lại, sau đó làm quan, chức Đại tư khấu, kế đó làm Nhiếp tướng sự của nước Lỗ. Bốn năm ngài nắm tư pháp, nước Lỗ không còn trộm cướp gian dân, v.v... Chỉ chưa đầy ba tháng ngài giữ chức tướng quốc, nhờ đức độ cùng chính sách của ngài, khắp nước thịnh trị an lạc. Ta có thể nói điều ấy hẳn được hậu thế thêm bớt đôi chút, như hầu hết những chuyện kể về danh nhân. Thế rồi, các sách lược của ngài không còn được Lỗ hầu ưu ái vì vị quốc chủ ấy tính vốn mê thanh sắc ham của cải. Từ năm 497, Khổng Tử rời quê nhà, suốt 13 năm chu du quanh các quốc gia lân cận, “khi ở Trần khi ở Lỗ”, cố tìm một quốc chủ chấp nhận dùng ngài và các môn đệ để thực thi tư tưởng chính trị của ngài. Không đạt kết quả khả quan, thầy trò lại kéo nhau quay về cố hương. Ở đó, ngài sử dụng phần đời còn lại để lo việc giáo dục và văn hóa.

Mặc dầu được xem là người sáng lập Nho giáo, Khổng Tử tuyên bố ngài không đưa ra ý tưởng nào mới mà chỉ chuyển giao các truyền thống cũ:

“Khổng Tử nói: Chỉ thuật lại [đạo thánh hiền] mà không sáng tác, thật lòng tin tưởng mà ham chuyện cổ...” (Luận ngữ, VII:1).

Lời phát biểu ấy âm lượng cho tư tưởng Nho giáo và đặt vạch giới hạn cho Nho gia: một lòng tôn trọng minh triết của quá khứ.

Khổng Tử giảng dạy kinh Thư và kinh Thi như một minh họa cho thời mới mở đầu của triều đại nhà Chu (1066-249 tr.C.N.). Sinh nhằm thời Xuân thu (770-476 tr.C.N.) các tiểu quốc không ngừng đua tranh xung đột nhau nên ngài xem hai trăm năm thời sơ Chu là thuở thái bình, thịnh trị và hòa hợp. Vì thế, ngài tìm cách tái lập tổ chức xã hội và phong hóa đạo đức của thời ấy, đặc biệt dưới triều hai vua Văn vương, Võ vương và tài phụ chính của Chu Công.

## **Thiên**

Đề cập tới cứu cánh tinh thần hoặc cùng đích của thế giới, Khổng Tử dùng một chữ đơn giản là Thiên: trời, từ đó có thể gọi quốc chủ của một nước là thiên tử: con trời, vì kẻ ấy có nghĩa vụ lo toan sao cho mọi sự đúng với ý chí của trời và bản tính của trời: thiên đạo hay thiên lý.

Khổng Tử xem lời giảng của mình về phẩm tính con người và xã hội là phát biểu về Thiên, vì ngài dạy bảo những phương cách cá nhân mỗi người có thể tu dưỡng và thực thi để sống hòa hợp với vũ trụ như một toàn bộ. Tuy nhiên, ngài không tin con người có khả năng suy tưởng về bản tính của Thiên; con người chỉ việc phải thừa nhận có Thiên và tiếp tục sống hòa hợp với đạo trời và lễ trời.

Nói cách khác, quan điểm của Khổng Tử có nội hàm rằng chúng ta đang sống trong một vũ trụ có trật tự theo một cấu trúc nhất định, vì thế, sống có ý nghĩa tức là tìm cách ứng xử phản ánh trật tự và cấu trúc đó. Một khi am hiểu cấu trúc của

vũ trụ và sống thuận theo “đạo trời” tức là bạn có đạo đức. Chữ “đạo” trong “thiên đạo” là từ ngữ chủ chốt của Nho giáo và hầu như đồng một nghĩa với chữ “đạo”, cũng có tính chủ chốt trong Đạo giáo, có ý nói tới nguyên lý tự nhiên - thiên lý - như một con đường đúng đắn mà con người phải đi, một đạo lý phải giữ ở đời. Đào Duy Anh cho rằng “Kết hợp với đức thì thành đạo đức: nguyên lý tự nhiên là đạo, được vào trong lòng người là đức”.

### **So với triết Tây**

Ở đây, có điểm tương đồng thú vị với lối tiếp cận mang tính Luật Tự nhiên đối với đạo đức, do Thomas Aquinas đề ra, và ý tưởng của Aristotle về vạn vật đều có “nguyên nhân tối hậu”, trên đó ông đặt cơ sở cho lý thuyết Luật Tự nhiên. Đối với Khổng Tử, “Thiên đạo” không là vấn đề sở thích cá nhân mà là một thực tế đã định trong vũ trụ. Thiên đạo không là cái do con người phát minh, nhưng là cái để con người phát hiện.

Đối với Khổng Tử và những người chấp nhận Luật Tự nhiên, việc thẩm định giá trị đạo đức không dựa trên cơ sở mang tính thực dụng chủ nghĩa hoặc thực lợi chủ nghĩa, mà trên sự phô bày cấu trúc nền tảng và cứu cánh căn bản của toàn bộ vũ trụ.

Tuy thế, giữa Aristotle và Khổng Tử có một khác biệt đáng kể: “nguyên nhân tối hậu” hình như có tính cố định, trong khi “Thiên đạo” thì chuyển động. Triết học Tây phương có khuynh hướng phân tích kinh nghiệm của chủ thể thành các sự kiện và các khách thể đặc thù, trong khi đó tư tưởng Trung Hoa có khuynh hướng nhìn vào sự chuyển dịch, chiều hướng và mối tương liên trong thế giới kinh nghiệm.

### **Luận ngữ**

Luận ngữ chủ yếu là sách thu thập các lời giảng đạo đức để tu thân xử thế, một bộ sưu tập đầy đủ về đức hạnh cần có của con người ở đời nhằm thành tựu cuộc sống hòa hợp. Hậu thế cũng có thể tìm thấy trong sách ấy lời nói, cử chỉ của Khổng Tử và một số môn đệ. Sách không phải do một người biên soạn mà gồm những hồi ức của môn đệ trực tiếp và các học trò đời sau của Khổng Tử ghi nhớ lại, trải qua nhiều lần biên tập chỉnh lý mới có nội dung như ngày nay ta đọc thấy. Do đó sách được viết với một bút pháp cô đọng, phong phú và đa dạng.

Bản chót của Luận ngữ hoàn thành vào khoảng đầu thời Chiến quốc. Từ đó, sách trở thành một trong những kinh điển trọng yếu của Nho gia. Sách ấy còn là một tư liệu cơ bản cho giới học giả nghiên cứu học thuyết của Khổng Tử hoặc lịch sử tư tưởng, văn hóa, giáo dục và xã hội Trung Hoa thời cổ đại.

Về tổng thể, nội dung sách được qui cho Khổng Tử, nhưng trong đó có thể một số châm ngôn có thời điểm trước ngài và một số châm ngôn khác có liên quan tới các môn đệ của ngài. Nhiều câu bắt đầu với “Tử viết: Khổng Tử nói”, nhưng rõ ràng là thu thập từ truyền thống truyền khẩu.

Trong Luận ngữ, có một số châm ngôn thuộc loại áp dụng tổng quát, như:

“Khổng Tử nói: Học mà không suy nghĩ ắt mờ tối, suy nghĩ mà không học hỏi ắt mỗi mệ”. (Luận ngữ, II:15).

“Khổng Tử nói: Công kích đạo khác là chỉ hại mà thôi”. (Luận ngữ, II:16).

“Khổng Tử nói: Khéo mồm khéo miệng, mặt mũi tươi tỉnh, người như thế ít có nhân”. (Luận ngữ, I:3).

Lời ấy đưa dẫn tới từ ngữ chủ chốt là “Nhân”. Xét theo ý nghĩa nhất định, mọi điều trong Luận ngữ đều xoay quanh câu hỏi độc nhất này: “Đức nhân chân chính là gì? Bản tính chân chính của con người là gì, và nên phô bày nó như thế nào?”

Nhân, theo nội dung sách Luận ngữ, là sự phô bày rất thực tiễn và ngoại tại các phẩm tính của con người. Khổng Tử chia loài người thành ba hạng:

- 1.Thánh nhân.** Bậc hiền giả, người thể hiện và chuyển giao minh triết.
- 2.Quân tử.** Người cao nhã, kẻ phấn đấu để làm điều chân chính.
- 3.Tiểu nhân.** Kẻ “hèn mọn”, hành động không màng tới đạo đức.

Trong khi tu dưỡng và thực hành đức nhân thì sự nhận thức truyền thống và xã hội rất quan trọng: “Hữu Tử [một cao đồ của Khổng Tử] nói rằng: Làm người có lòng hiếu để mà ưa phạm tới bề trên, là chuyện hiếm có vậy, đã không ưa phạm tới bề trên mà lại ưa làm loạn, là chuyện chưa hề có. Người quân tử chuyên chú vào chỗ gốc, vì gốc đã gãy dựng, đạo tự nảy sinh. Nết hiếu và nết để có phải là gốc của việc thi hành đạo nhân đó chăng?” (Luận ngữ, I:2).

Khổng Tử quan tâm tới phúc lợi của xã hội, vì thế ngài cổ vũ thái độ nhân từ độ lượng chung. Dù lòng quảng đại ấy không được ngài đưa ra một cách phổ quát, nhưng rõ ràng nó dựa trên những cái giá trị nhất, và trên sự trung thành với gia tộc. Và đó là điểm về sau bị Mặc Tử phê phán.

“ Khổng Tử nói: Các đệ tử khi vào phải hiếu với cha mẹ, khi ra phải kính nhường người lớn tuổi, làm việc phải cẩn thận và giữ chữ tín, thương yêu mọi người mà thân với người nhân. Hãy dành sức để làm những việc đó trước rồi mới tới việc học văn”. (Luận ngữ, I:6).

Câu trích trên cho thấy cách Khổng Tử đưa dẫn đến một yếu tố chủ chốt khác trong tư tưởng của ngài, đó là “văn: văn hóa”. Học văn đối với Khổng Tử có nghĩa là học các tác phẩm cổ điển thu thập từ thời sơ Chu như Thi, Thư, Lễ & Nhạc, Dịch, và đặc biệt kinh Xuân thu của ngài, một bộ sưu tập các đề mục ngắn gọn về những biến cố lịch sử xảy ra trong thời đại đó, được ngài phê duyệt dưới ánh sáng của thuyết chính danh, định phận. Việc học văn, theo ngài, là thiết yếu để thăm dò và tiêu hóa minh triết cổ truyền. Và như thế, dưới mắt nhìn của Khổng Tử, phải đặt quá trình tư duy vào khung khổ lịch sử và văn hóa liên hệ, cái vốn là bối cảnh trong đó nó diễn ra.

Đối với Khổng Tử, chỉ suy nghĩ thôi thì chưa đủ, ta nên dùng trí óc của mình để học hỏi. Vốn là người hiếu học, ngài lúc nào cũng thấy việc học là thiết yếu; nó ngăn không cho phẩm tính của con người bị mù mịt, đưa tới những thể hiện cực kỳ sai lạc.

“Khổng Tử nói: Này người Do [tên tục của Tử Lộ: Trọng Do], người có nghe về sáu đức tính, và sáu điều che lấp hay chưa?

“Thưa rằng: Chưa hề.

“Hãy ngồi lại đây ta bảo cho biết: Chuộng điều nhân mà không ham học thì mối che lấp là ngu muội. Chuộng nét trí mà không ham học thì mối che lấp là phóng đảng. Chuộng chữ tín mà không ham học thì mối che lấp là tự gây hại. Chuộng sự ngay thẳng mà không ham học thì mối che lấp là nóng nảy. Chuộng sự dũng cảm mà không ham học thì mối che lấp là gây loạn. Chuộng sự cương mãnh mà không ham học thì mối che lấp là cuồng bạo”. (Luận ngữ, XVII:7).



Nói cách khác, bảng liệt kê trên là sự đánh giá có tính truyền thống và văn hóa, dùng để kiểm tra tiềm năng có thể đưa đến hành động tai hại do việc không tu dưỡng những phẩm tính tích cực của con người. Tư tưởng của cá nhân, tính quyết đoán, lòng can đảm trong tự chúng không tốt không xấu, nhưng khi thể hiện mà thiếu ý nghĩa văn hóa thì chúng trở nên nguy hiểm.

Dĩ nhiên Khổng Tử thừa nhận rằng giai đoạn nào của cuộc đời cũng có các sự thể cá biệt, có khả năng gây trở ngại cách riêng cho quá trình phát triển tu đức.

“Khổng Tử nói: Người quân tử có ba điều phải răn ngừa: Lúc còn trẻ, huyết khí chưa ổn định, cần răn ngừa về nữ sắc. Tới khi tráng niên, huyết khí đang mạnh, cần răn ngừa về ham tranh đấu. Tới lúc già, huyết khí đã suy, cần răn ngừa về ham được hơn người”. (Luận ngữ, XVI:7).

Trong câu trích dưới đây, ngài dùng sự tương phản giữa “người quân tử” và “kẻ tiểu nhân”. Lối đối chiếu ấy được sử dụng rất nhiều lần, kể cả trong Kinh Lễ và Trung dung, như một cách làm nổi bật các phẩm tính hợp thành đức nhân.

“Khổng Tử nói: Người quân tử sợ ba điều: sợ mệnh trời, sợ bậc đại nhân, sợ lời nói của thánh nhân. Kẻ tiểu nhân không biết mệnh trời, nên không sợ, (mà còn) khinh nhờn bậc đại nhân, giễu cợt lời nói của thánh nhân”. (Luận ngữ, XVI:8).

“Khổng Tử nói: Người quân tử thân với khắp mọi người mà không tư vị, kẻ tiểu nhân tư vị mà không thân với khắp mọi người”. (Luận ngữ, II:14).

“Khổng Tử nói: Người quân tử trầm tĩnh an hòa, kẻ tiểu nhân phấp phồng âu lo”. (Luận ngữ, VII.36).

“Khổng Tử nói: Người quân tử ung dung mà không kiêu căng, kẻ tiểu nhân kiêu căng mà không ung dung”. (Luận ngữ, XIII:26).

“Khổng Tử nói: Người quân tử cầu ở mình, kẻ tiểu nhân cầu ở người”. (Luận ngữ, XVII:20).

“Khổng Tử nói: Người quân tử hòa với mọi người mà không về hòa với ai, kẻ tiểu nhân về hòa với mọi người mà không hòa với ai”. (Luận ngữ, XIII:23).

Nói chung, dường như đối với Khổng Tử, các chuẩn mực dùng để thẩm định hành động của cá nhân không dựa vào việc nó tạo hay không tạo phúc lợi cho xã hội như một toàn bộ. Tuy thế, chủ trương ấy không hoàn toàn thiếu thiết thực, đúng hơn, nó đặt cơ sở trên quan điểm rằng chính các phẩm tính nhân đức làm nên một nhà cai trị tốt, và vì thế chúng cần được toàn bộ xã hội cổ vũ. Ngài cũng tìm cách cổ vũ cho một quan điểm cởi mở và quân bình về bản thân. Thí dụ:

“Khổng Tử nói: Chẳng lo không có địa vị, chỉ lo sao không đủ tài đức để được địa vị đó. Chẳng lo không ai biết tới, chỉ mong làm thế nào đáng cho người đời biết tới”. (Luận ngữ, IV:14).

“Khổng Tử nói: Chất phác thẳng văn vẻ thì quê mùa, văn vẻ thẳng chất phác thì cứng nhắc. Văn vẻ và chất phác đều nhau, mới nên người quân tử”. (Luận ngữ, VI:16).

Khi ứng xử với xã hội, cá nhân nên vô tư và hành động vì phúc lợi của xã hội như một toàn bộ chứ không vì lợi ích của cá nhân mình.

“Khổng Tử nói: Người quân tử làm việc vì thiên hạ, không nhất định phải như thế này mới được hoặc như thế kia là không được, cứ hợp đạo nghĩa mà làm”. (Luận ngữ, IV:10).

“Khổng Tử nói: Người quân tử quan tâm tới đạo đức, kẻ tiểu nhân quan tâm tới nhà đất. Người quân tử quan tâm tới phép tắc, kẻ tiểu nhân quan tâm tới ơn huệ”. (Luận ngữ, IV:11).

“Khổng Tử nói: Nương theo điều lợi mà làm, ắt bị nhiều người thù oán”. (Luận ngữ, IV:12).

## **Nhân**

Trong Luận ngữ, có hai thuật ngữ chủ chốt cần được am hiểu và

đánh giá đúng mức. Đó là Nhân và Lễ.

Nhân là một phẩm tính đạo đức vừa để tu dưỡng bản thân, vừa để thương yêu tha nhân, nói theo thuật ngữ Nho giáo, Nhân là để xử kỷ và tiếp vật. Theo Khổng Tử, Nhân là tâm điểm của đạo đức, từ đó phát sinh cũng như hội tụ các đức khác. Nhân là khởi đầu và tột điểm của đạo; chí thiện là Nhân. Như thế, đức nhân có tính toàn bộ và là một minh triết lý tưởng.

Trần Trọng Kim viết rằng: “Chữ nhân có chữ nhân [ ] và chữ nhị [ ] hợp lại là một chữ hội ý, nghĩa là nói tới cái thể và cái đức chung của mọi người đều có với nhau như một. Bởi vậy hiểu rõ nghĩa chữ nhân, thì hiểu rõ cái tông chỉ nhất thể của Khổng giáo”, (sách đã dẫn, t.44).

Trong Luận ngữ, rải rác ở các chương, có rất nhiều tiết nói lên nhiều định nghĩa về Nhân, như một phương cách diễn tả của Khổng Tử sao cho phù hợp với tính khí và hoàn cảnh của người đang được ngài dạy bảo. Do đó, Nhân khi thì là ôn hòa,

quảng đại; khi thì là hiếu đễ; khi thì là trung với người, nghĩa với đời, v.v...

“Khổng Tử nói: Nhân là thương người” (Luận ngữ, XII:22).

“Khổng Tử nói: Khi ở nhà giữ gìn dung mạo khiêm cung; khi ra làm việc thi hành một cách kính cẩn; khi giao thiệp với người, giữ lòng trung thành. Dẫu đi tới các đoàn rợ phương đông và phương bắc, cũng chẳng bỏ ba đức hạnh cung, kính và trung ấy, như vậy là người có đức nhân”. (Luận ngữ, XIII:19).

“Khổng Tử nói: Người Dư [Tể Dư, học trò của ngài] quả thật là kẻ bất nhân! Đứa con sinh ra tới ba năm cha mẹ mới thôi ẵm bồng. Ôi, để tang ba năm là lệ thường của mọi người. Người Dư có chịu ơn cha mẹ thương yêu trong ba năm không đấy?” (Luận ngữ, XVII:20).

“Ông Vi Tử phải bỏ nước mà đi, ông Cơ Tử phải đầy làm nô, ông Tỉ Can vì can vua mà phải tội chết. Khổng Tử nói rằng: Nhà Ân có ba người nhân vậy”. (Luận ngữ, XVIII:1).

“Tử Trương hỏi Khổng Tử về việc thi hành đạo nhân. Khổng Tử nói rằng: Có thể làm được năm điều tốt đối với mọi người trong thiên hạ tức là thi hành đức nhân vậy.

“Xin hỏi về những điều đó.

“Khổng Tử nói rằng: Đó là cung kính, khoan dung, thành tín, cần mẫn và ơn huệ. Cung kính thì không khinh nhờn; khoan dung thì được lòng mọi người; thành tín thì được người tín nhiệm; cần mẫn thì nên công; có ơn huệ thì dễ sai khiến người”. (Luận ngữ, XVII:6).

“Khổng Tử nói: Người quân tử rành về điều nghĩa, kẻ tiểu nhân rành về điều lợi”. (Luận ngữ, IV:16).

“Trọng Cung hỏi về điều nhân. Khổng Tử nói: Ra cửa phải như tiếp khách lớn, trị dân phải như làm lễ tế lớn, điều gì mình không muốn người khác làm cho mình thì mình cũng đừng làm cho người khác. Như vậy, trong nước chẳng ai oán giận, trong nhà cũng không ai oán giận”. (Luận ngữ, XII:2).

“Khổng Tử nói: Điều nhân ở xa ta hay sao? Nếu ta muốn điều nhân, điều nhân tự đến với ta”. (Luận ngữ, VII:27).

Đối với Khổng Tử, Nhân là gốc của Lễ và Nhạc, làm thành ba đức tính căn bản của người quân tử.

“Khổng Tử nói: Người mà không có lòng nhân dùng lễ sao được? Người mà không có lòng nhân, dùng nhạc sao được”.(Luận ngữ, III:3).

## Lễ

Chữ Lễ vào thời trước thời Xuân thu đã có nội hàm nghi thức lễ tế, đồng thời mang ý nghĩa những luật tắc có tính phong tục tập quán được xã hội thừa nhận. Sang tới Khổng Tử, nó còn bao gồm quyền hành của người trị nước và cách tiết chế hành vi của người dân.

Đối với Khổng Tử, tác dụng của Lễ nhắm tới bốn chủ đích:

- 1.Hàm dưỡng tính tình để tình cảm được trọng hậu, làm gốc cho đạo nhân;
- 2.Giữ tình cảm sao cho trung dung;
- 3.Xác định phân minh lẽ phải trái, tình thân sơ, trật tự trên dưới;
- 4.Tiết chế những thường tình dung tục của con người.

Khổng Tử cho rằng chỉ có cách tuân giữ Lễ như những luật tắc giao tế xã hội ta mới có khả năng thành tựu Nhân. Như thế, ngài đi theo truyền thống văn học đã có từ thời sơ Chu, thấm

nhuần trong các bộ kinh mà ngài dùng làm cơ sở cho lời giảng của mình. Một cách căn bản, chính nghi lễ và nghi thức làm cho cuộc sống quân bình.

“Khổng Tử nói: Cung kính mà thiếu lễ thì làm thân mình lao nhọc. Cẩn thận mà thiếu lễ thì trở thành nhút nhát. Dũng cảm mà thiếu lễ sẽ trở thành rối loạn. Ngay thẳng mà thiếu lễ sẽ trở nên thô lỗ”. (Luận ngữ, VIII:2).

Lễ ràng buộc mọi người. Việc thực thi Lễ sẽ đặt mọi người hành xử đúng theo vị trí và chức năng của mình.

“Định công [tức Lễ hầu, người từng trọng dụng Khổng Tử] hỏi rằng: Vua sai khiến bề tôi, bề tôi thờ vua nên như thế nào?”

“Khổng Tử đáp rằng: Vua lấy lễ sai khiến bề tôi, bề tôi lấy lòng trung để thờ vua”. (Luận ngữ, III:17).

Lễ làm bền vững nền văn hiến của một nước.

“Khổng Tử nói: Lễ của nhà Hạ, ta có thể nói được, nhưng lễ của nước Kỷ không đủ làm bằng chứng. Lễ của nhà Ân, ta có thể nói được, nhưng lễ của nước Tống không đủ làm bằng chứng. Nền văn hiến (của hai nước đó) không đủ bền vững. Nếu đủ, ta đã có thể lấy đó để làm bằng chứng vậy”. (Luận ngữ, III:9).

Cư xử đúng qui cách nghi lễ trong một tình huống nhất định, thí dụ đối với người đang chịu tang khó, có thể là vụ hình thức, và vì thế, mất vẻ hồn nhiên thanh thoát. Tuy vậy, nó có mục đích góp phần hình thành sự nhận thức của con người, và vì thế, làm gia tăng đức nhân của ta.

Cùng với sự hết lòng cố vũ tính chuyên cần và nhã nhặn của người có giáo dục, lời giảng của Khổng Tử có tính thực tế

và thế tục. Thí dụ, các nghi lễ tôn giáo liên quan tới người đã chết được ngài đánh giá trong liên quan tới hiệu ứng của chúng lên người đang sống, chứ không tới niềm tin vào thế giới bên kia. Khổng Tử nhiều lần nhấn mạnh đến Lễ như một phương cách củng cố tôn ti trật tự của xã hội. Mỗi cá nhân đều có Lễ thích đáng cho địa vị xã hội của mình.

### **Chính danh**

Nhưng bạn chỉ có thể đi theo Lễ nếu bạn biết đúng vị trí của mình trong bản lược đồ phổ quát các sự vật. Điều này liên quan tới chủ trương Chính danh, một học thuyết quan trọng của Khổng Tử, song hành với Nhân. Chính danh vừa là một lập luận có tính triết học về chỗ đứng của mỗi người trong xã hội, trong chính trị, vừa là lời cảnh báo về việc con người có khả năng hiểu sai lạc các khái niệm. Người quân tử muốn “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, phải nghiêm chỉnh theo thuyết Chính danh. Sách Luận ngữ viết về tính ứng dụng tổng quát của thuyết Chính danh như sau:

“Tử Lộ nói: Giả dụ vua nước Vệ nhờ thầy sửa việc chính trị thì thầy định làm việc gì trước?”

“Khổng Tử nói: Ất là phải sửa cái danh cho chính.

“Tử Lộ nói: Có đúng vậy không? Thầy nói thiếu thực tế rồi. Sửa danh cho chính để làm gì?”

“Khổng Tử nói: Do ơi, người quê mùa quá! Người quân tử điều gì chưa biết thì khoan nói vội. Nếu danh chẳng chính thì lời nói chẳng thuận; lời nói chẳng thuận thì công việc chẳng thành. Nếu công việc chẳng thành thì lễ và nhạc chẳng thịnh. Nếu lễ và nhạc chẳng thịnh thì hình phạt chẳng đúng. Nếu hình phạt chẳng đúng, thì dân chẳng biết chỗ nào đặt tay chân. Do đó, khi người quân tử xưng danh, danh ấy phải xứng đáng

với phạt của mình; người quân tử rất dè dặt trong lời nói, không tùy tiện nói theo ý thích của mình”. (Luận ngữ, XIII:3).

Không những giúp cho việc suy nghĩ chính xác và hành xử đúng đắn theo “định phạt” của mỗi cá nhân, thuyết Chính danh còn có công dụng cực kỳ hữu hiệu trong việc trị quốc an dân.

“Tề Cảnh công hỏi Khổng Tử về việc chính trị.

“Khổng Tử đáp rằng: Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con”. (Luận ngữ, XII:11).

“ Quý Khang hỏi Khổng Tử về việc chính trị.

“Khổng Tử đáp rằng: Chính trị là làm mọi việc cho ngay thẳng. Nếu ngài lấy ngay thẳng mà khiến người, thì ai dám không ngay thẳng”. (Luận ngữ, XII:16).

“Khổng Tử nói: Minh ngay chính thì không sai khiến người ta cũng làm, mình không ngay chính thì tuy có sai khiến cũng không ai theo”. (Luận ngữ, XIII:6).

Không những được tích cực áp dụng bởi Khổng Tử, người chủ trương Đức trị, thuyết Chính danh về sau còn được Hàn Phi thuộc truyền thống Pháp trị triệt để ứng dụng. Ông chủ trương rằng khái niệm phải đi liền với thực tế và rằng các lời tuyên bố phải nhất quán về mặt luận lý. Ông minh họa quan điểm của mình bằng thí dụ một người bán xà mâu và thuẫn. Người ấy vừa lập luận rằng thuẫn là cái không vật nào có thể đâm thủng, vừa quảng cáo rằng xà mâu có thể xuyên thủng mọi cái. Hàn Phi vạch rõ rằng cả hai lập luận ấy không thể đều đúng. Và thí dụ ấy của ông là trở thành điển cố của từ ngữ mâu thuẫn.

**( còn tiếp)**



## **Tin tức Đạo Sự Tóm Lược**

### **1-Bữa cơm gây quỹ tại Thánh Thất Cao-Đài California.**

Vào ngày 21-12-2008, Thánh Thất Cao-Đài California ( Tộc Đạo Little Sai gon) đã tổ chức một bữa cơm gây quỹ để trang trải dần món nợ mà Thánh Thất đang mang.Hiện diện trong bữa cơm gây quỹ có trên 100 đồng đạo và những vị trách nhiệm Châu Đạo California như HT Phạm Văn Khảm, CTS Diệp Văn Xê và CTS Hà Vũ Bằng . . . . .

Trong bữa cơm gây quỹ, HT Bùi Văn Nho đã trình bày tình hình tài chánh của Thánh Thất và phát động một kế hoạch thành lập “ Quỹ Trả Nợ Xây Dựng”.

Được biết hiện nay **tổng số nợ** xây dựng là USD 723,309.00. Đồng đạo muốn biết thêm về “ Quỹ Trả Nợ Xây Dựng” , phát tâm công quả, **xin liên lạc** : Tộc Đạo Little Saigon

8791 Oranewood Ave, Garden Grove, CA 92841

Điện thoại: 714-636-6622



HT Phạm Văn Khảm  
CTS Diệp Văn Xê & CTS Hà Vũ Bằng



Mặt tiền Thánh Thất Oranwood 21-12-2008



Hiền Tài Hồ Văn Hoàng, Qu. Dầu Tộc Little Saigon  
đọc diễn văn khai mạc Bữa cơm gây quỹ.



HT Bùi Văn Nho, Tổng Quản Nhiệm BTĐ Nam California, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Thánh Thất Cao-Đài California, trình bày tình hình tài chánh & kế hoạch trả nợ.



Đồng đạo tham gia bữa cơm gây quỹ

## I-Xây Dựng Thánh Thất Dallas-Fort Worth-Texas



ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ  
(Bát thập tứ niên)  
Tòa Thánh Tây Ninh  
\*\*\*\*\*

**Thánh Thất và ĐTPM Dallas-Fort Worth (Texas)**  
1851 W. Apollo Rd. Garland, Texas 75044

**Kính gửi:** quý Chức sắc, Chức việc, Đồng Đạo, Quý ân nhân, Mạnh thường quân, Quý đồng hương, Đạo tâm, thân hữu và Quý cơ sở Hành chánh đạo & Phước thiện hải ngoại.

**Trích yếu:** v/v Trình bày diễn tiến công trình xây cất Thánh Thất và ĐTPM Dallas-Fort Worth (Texas).

Kính thưa quý vị,

Sau biến cố đau thương của đất nước 30-4-75 Đồng Đạo Thánh Thất và ĐTPM Dallas-Fort Worth (TX) đã hiện diện theo dòng chính của người Việt tị-nạn Quốc-gia.

Qua 20 năm, cố Niên trưởng Đặng-quang-Dương, Tăng-Thế Nghiêm, Phạm-sỹ-Tây cùng số ít Đồng Đạo quây quần bên nhau trong căn nhà nhỏ sửa lại làm nơi thờ phượng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng thiêng liêng.

Chẳng may số tín hữu nơi đây lại gặp một biến cố quan trọng cho đời sống tâm linh đáng ghi vào trang sử Đạo hải ngoại:

Vào lúc 5 giờ sáng ngày 20-8-2005 thần lửa đã cướp mất tất cả tài sản của Đạo đã nhiều công lao, cực khổ tạo dựng ngôi thờ hai Đấng Phụ Mẫu Vạn linh. Nay đành chịu trắng tay vì không có bảo hiểm!

Kính thưa quý vị.

Chúng tôi là những tín đồ Cao Đài bình thường lại kém tài, thiếu đức. Hành trang mang theo, chỉ có lời Minh Thệ của người tín hữu Cao Đài.

Vì tương lai cho thế hệ kế thừa, chúng tôi phải đảm nhận trách nhiệm quá lớn lao hầu hoằng khai Đạo pháp. Thế nên mọi việc xin trông cậy vào bàn tay đầy thương yêu của bá tánh và quý Huynh Tỷ, Đệ Muội xa gần để làm tròn bổn phận môn đệ Chí Tôn sống ly hương xa mái ấm Tổ Đình với ước mơ thực hiện một Tiểu Bạch Ngọc Kinh tại thế dưới bầu trời Dallas-Fort Worth.

Kính thưa quý vị.

Khi Thánh Thất bị hỏa hoạn thì cùng lúc thiên tai ở Hoa Kỳ bang Louisiana gây bao đau thương cho đồng hương và Đồng Đạo!

Riêng cảnh sinh hoạt Tộc Đạo nơi đây đều tổ chức dưới bóng mát tàng cây!

- Ngày 1-11-2005 được phép xây cất nhà nhỏ tạm Thờ và sinh hoạt Đạo.

- Ngày 12-10-2006 được chánh quyền cho phép số: CH0604 xây Thánh Thất hình thể như ở quê nhà.

- Đến 10 giờ sáng ngày 6-10-2007, Lễ đặt viên gạch đầu tiên với gần 300 quan khách tham dự gồm tôn giáo bạn, các đoàn thể, truyền thông báo chí v.v. cùng quý đại diện cơ sở

Đạo khắp nơi ở hải ngoại. Theo hợp đồng với nhà thầu xây cất sẽ hoàn thành cuối năm 2008 với số chi phí là \$497,300.

Kính thưa quý vị,

Công trình xây dựng Thánh Thất không hoàn thành như hợp đồng vì chúng tôi gặp muôn ngàn khó khăn về tài chánh.

Tuy nhiên nhờ sự khích lệ tinh thần và thương yêu của nhị vị Hiền Huynh Giáo Hữu Thái Cẩm Thanh và cố Giáo Hữu Thượng Ngọc Thanh cùng quý chức sắc Hiền Tài Ban Thế Đạo, quý chức việc, Đồng Đạo, đạo tâm, quý mạnh thường quân, quý đồng hương, bạn hữu cũng như Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Châu Đạo California, cùng các cơ sở Đạo và Đồng Đạo từ Úc Châu, Pháp, Đức, Na Uy, Áo quốc, Hoa Kỳ và Canada nên đến nay đã thực hiện được phần xây dựng trên 80%.

Kính mong được sự cảm thông và niềm tình tha thứ của Quý liệt vị về lời kêu gọi đóng góp công quả yểm trợ đặc biệt này để công trình xây cất Thánh Thất sớm được hoàn thành dự trù tổ chức khánh thành vào năm Kỷ Sửu theo ước mơ chung của toàn thể Đồng Đạo tại địa phương.

Trước mùa Giáng Sinh và Năm Mới, thay mặt Tộc Đạo và Quản Tộc Đạo Dallas-Fort Worth, kính chúc quý vị và gia quyến hưởng nhiều Hồng Ân của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng thiêng liêng ban cho.

Nguyện cầu Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hộ trì cho Tộc Việt được thanh bình, Hội Thánh sớm phục quyền.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Trân trọng,

Dallas-Fort Worth ngày 10-12-2008

T.M. BÀN CAI QUẢN

T.M. TỘC ĐẠO

Chủ Trưởng,

Qu. Đầu Tộc

HTDP Trần Công Bé

CTS Nguyễn Công Tranh

\*Chi phí ủng hộ xin gửi về: CAO DAI OF TEXAS

P.O. BOX 452752

Garland, TX 75045-2752

\*Biên nhận trừ thuế và cảm tạ sẽ gửi quý ân nhân sau

## II-Xây Dựng Thánh Thất Wichita, Kansas:



Thánh Thất Wichita, Kansas ( hình chụp ngày 08-12-2008)

Thánh Thất Cao Đài Wichita, KS  
5595 N. Armstrong St.  
Wichita, KS 67204-2801  
ĐT: (316)523-5237 or cell: 516-8564

ĐẠI-ĐẠO-TAM-KỶ PHỒ ĐỘ  
(BÁT THẬP TỬ NIÊN)  
TÒA-THÀNH-TÂY-NINH  
\*\*\*

**THƯ XIN PHÁT TÂM CÔNG-QUẢ XÂY-DỰNG  
THÀNH-THẤT CAO-ĐÀI WICHITA, KANSAS  
TÂM THƯ SỐ 02**  
\*\*\*

**Kính gửi:**  
-Chư Chưc Sãi, Chưc Việc, và Đấng ĐẠO.  
-Chư-Vị Lãnh Đạo tinh-thần các Tôn-Giáo bạn.  
-Chư-Vị Đạo-Tâm, Thần-Hữu và Mạnh-Thường-Quần

Kính thưa Chư Vị,  
Đúng sáu tháng kể từ ngày thiết lễ Đệc viên gạch đầu tiên ngày 21-5-2008 để khởi công, công trình XÂY DỰNG THÁNH THẤT CAO ĐÀI WICHITA, KANSAS đến nay đã hoàn thành giai đoạn đầu như: Xây nền, dựng sườn, lợp mái, đóng vách xung quanh, trổ lỗ xong phần hình thể Thánh Thất có đủ TAM ĐÀI với sự đồng góp Công Đức quý bệ-của CHƯ VỊ để vô đưng tiếp tục gởi về.

Nhân đây, chúng tôi xin thay mặt ĐỒNG ĐẠO chân thành cảm tạ công đức của quý Đạo Tâm, Quý Đấng Hương, Quý Mạnh Thường Quân, Đấng Đạo xa gần, Quý Giám đức Đài Phát Thanh Việt Nam Hối Ngoại Wichita đã cho phổ biến các Tâm Thư và Thông báo hữ hiễn

Kính thưa Chư Vị,  
Qua giai đoạn hai, chúng tôi sẽ thực hiện: Thoát kế các nghi thờ nơi Chánh Điện, Nội Thất, trang trí Ngoại Thất, bãi đứu xa, cổng, băng rôn, và trồng cây xanh.

Một lần nữa, chúng tôi tha thiết kêu gọi Quý Chư Vị tiếp tục hoàn hữ đồng góp công đức để giúp Hương Đạo chúng tôi hoàn thành ngôi Điện Thờ sớm đứợc viễn mãn.

-Mọi đồng góp hay thư từ liên lạc, xin vui lòng gởi về địa chỉ:  
CAO ĐÀI TEMPLE OF WICHITA, KS  
P.O. BOX 4509  
WICHITA, KS 67204-2811.

-Chỉ phiếu hoặc Money Order xin gởi:  
CAO ĐÀI TEMPLE  
Nguyễn chu Đức-Chi-Tôn, Đức-Phật-Mễ và các Đấng Thường-Liễng ben Hồng-An đến Quý Chư-Vị.

Wichita, ngày 24 tháng 10 năm Mậu Tý  
(20-21-11-2008)

TMHội-Đồng Quản-Trị  
CHỦ TỊCH

ĐM. bửu-Trị-Sự và Đấng Đạo  
CHÁNH TRƯ SỰ

LAI VĂN LỘC NGUYỄN VĂN HAI

# TANG LỄ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

HT. Nguyễn Trung Đạo

## TANG LỄ VÀ THỰC HÀNH LỄ TANG

\* \* \*

### PHẦN I: PHẦN MỞ ĐẦU

Một trong những Hồng Ân lớn nhất mà Đức CHỈ TÔN Ngọc Hoàng Thượng Đế ban cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Kinh Tận Độ.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài, được khai minh từ ngày Rằm tháng Mười năm Bính Dần (19-11-1926) mà “mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mừng 4 tháng 8 Ất Hợi, (DL. 21 đến 31-8-1935, (Ôn Trên) mới giáng cho Tân Kinh. Ấy là một giọt nước Cam Lộ của Đức Từ Bi rưới chan đặn gọi nhuần cho các đẳng linh hồn của toàn Thế giới” (Trích LỜI TỰA của quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo do Hội Thánh ban hành).

Như vậy, gần 10 năm sau ngày Khai Đạo, từ Rằm tháng Mười năm Bính Dần (19-11-1926) đến ngày 23 tháng 7 Ất Hợi (21-8-1935), Ôn Trên mới bắt đầu giáng cơ cho Tân Kinh, điều này cũng làm cho chúng ta suy nghĩ.

Các bài Kinh Tận Độ là do các Đấng Phật Tiên Thánh, theo lệnh Đức Chí Tôn, giáng cơ ban cho tại Tòa Thánh Tây Ninh: Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Đức Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai, Cửu Vị Tiên Nương Điều Trì Cung (Cửu Vị Nữ Phật), Đức Điều Trì Kim Mẫu, Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật . . .

Ấy vậy Kinh Tận Độ rất là quý báu cho toàn thể Nhơn Sanh. Nhờ có Kinh Tận Độ mà người tín đồ Cao Đài có thể tu trong



một kiếp sinh để được lên đến Bạch Ngọc Kinh bái lễ Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ, điều mà một người tốt bình thường phải mất cả trăm ngàn kiếp mới đạt được. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I trang 61 (năm 1972), Đức CHÍ TÔN có dạy: “THẦY cho một quyền rộng rãi, cho cả nhơn loại Càn Khôn Thế Giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng THẦY đặng...”. Nhưng, muốn hưởng được Kinh Tận Độ thì phải là tín đồ Cao Đài, và muốn được hưởng trọn vẹn Kinh Tận Độ thì phải giữ trai kỳ từ 10 ngày đổ lên.

Một người vừa từ trần, Chơn hồn khi mới xuất ra khỏi thể xác thì còn khờ khạo và hay sợ sệt, chưa định tỉnh sáng suốt, bởi còn nhuốm mùi trần không nhiều thì ít trong một thời gian khá lâu, nên chưa biết đường đi trở về quê xưa cảnh cũ nơi cõi thiêng liêng. Vì vậy mà phải nhờ có Kinh Tận Độ, Bí Tích về Phép Xác và sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng để hướng dẫn Chơn hồn, giúp cho Chơn hồn lìa khỏi xác trần được dễ dàng và được đưa thẳng lên cõi Thiêng Liêng không bị lầm đường lạc lối, đặc biệt là sự trợ giúp của Cửu Vị Tiên Nương Cung Diêu Trì (Cửu Vị Nữ Phật). Trong bài kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có nói về sự cứu rỗi của Lục Nương Diêu Trì Cung và của Đức Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, như sau:

“Diêu Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,  
Phép Lục Nương gìn giữ chơn hồn.  
Tây Phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,  
Phước Linh khai mở nẻo đường Lôi Âm.”

Các bài kinh sau đây, dùng trong việc cử hành Lễ Tang và trong các Lễ Cúng sau đám tang, đều thuộc về Kinh Tận Độ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, và được chia ra thành 12 các tiểu mục như sau:

- 1- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối
- 2- Kinh Khi Đã Chết Rồi
- 3- Kinh Tẩn Liệm

- 4- Kinh Cầu Siêu
- 5- Kinh Đưa Linh Cửu
- 6- Kinh Hạ Huyệ
- 7- Vãng Sanh Thần Chú
- 8- Kinh Khai Cửu, Tiểu Tường và Đại Tường
- 9- Chín Bài Kinh Làm Tuần Cửu
- 10- Kinh Tiểu Tường
- 11- Kinh Đại Tường
- 12- Di Lạc Chơn Kinh.

Sau mỗi lần tụng Kinh Tuần Cửu hay Tiểu Tường hoặc Đại Tường đều có tụng Di Lạc Chơn Kinh.

## **PHẦN II NGHI LỄ CÚNG TẾ TRONG LỄ TANG**

### **A- LẠY VÀ ẮN TÝ CÚNG LẠY.**

Quyển Quan Hôn Tang Lễ đã được Hội Thánh Lương Đài (gồm 4 vị Thời Quân, 1 vị Chương Ấn, 2 vị Cải Trang, 3 vị Đầu Sư thuộc ba Phái, 3 vị Quyền Chánh Phối Sư thuộc ba Phái, vị Quyền Nữ Chánh Phối Sư, vị Chương Quản Phước Thiện Nam Phái, vị Chương Quản Phước Thiện Nữ Phái) chung quyết, và được Đức Lý Giáo Tông Nhứt Trấn Oai Nghiêm phê chuẩn tại Cung Đạo Đền Thánh.

Trong Quyển Quan Hôn Tang Lễ (nơi trang 35) có dạy cách lạy như sau:

### **LỄ Bái CHÍ TÔN THẦN, THÁNH, TIÊN, PHẬT Và VONG PHÀM**

Người Đạo Cao Đài hễ khi lạy thì tay chấp bắt Ấn Tý, lạy Thần, Thánh, Tiên, Phật hay vong phàm tay cũng đều bắt Ấn Tý.

Lạy Đức CHÍ TÔN 12 lạy, lấy dấu PHẬT, PHÁP, TĂNG

(3 lạy, mỗi lạy 4 gật)

Lạy PHẬT, TIÊN 9 lạy, không lấy dấu Phật, Pháp, Tăng (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).

Lạy THÁNH, THẦN 3 lạy suông (không có gật).

Lạy Vong phàm 4 lạy (2 lạy quì, 2 lạy đứng)

Lạy Người sống 2 lạy (lạy đứng)

### **GHI CHÚ:**

Được biết, có người thắc mắc khi lạy vong phàm mà bắt Ấn Tý, cho nên có thỉnh giáo Ngài Hiến Pháp về việc này, thì Ngài giải đáp đại ý như sau: “Trong Thánh Ngôn, Thầy dạy cách bắt Ấn Tý và cách lạy, Qua chưa hề thấy dạy lạy vong phàm hay Thần, Thánh, Tiên, Phật mà bắt Ấn nào khác, chỉ khác nhau là số lần lạy. Nếu mấy Em thấy có lời dạy khác hơn thì cho Qua biết để Qua ra Đạo lệnh sửa đổi

### **B- CÁCH LẠY TRONG TANG LỄ.**

#### **1- Lạy Bàn Thờ Cửu Huyền:**

Lạy 3 lạy ở tất cả các tuần Hương, Rượu, Trà và khi dứt bài Ai chúc.

- Cửu Huyền thờ ở Tư Gia: Tất cả có 3 Tuần Rượu, mỗi tuần 3 lạy.

- Cửu Huyền thờ ở Thánh Thất hay Nhà Tiên Vãng: Chỉ có một Tuần Rượu, và lạy 3 lạy.

Ghi Chú: Đối với những gia đình chưa nhập môn vào Đạo thì khi làm lễ nơi Bàn Thờ Cửu Huyền:

- Lạy 4 lạy ở tuần Hương và tuần Trà.

- Lạy 2 lạy ở mỗi tuần Rượu và khi dứt bài Ai Chúc (Tất cả có 3 Tuần Rượu).

#### **2- Lạy Bàn Lịnh:**

a- Vong Thường (Lục Trai)

Nếu người qui vị là Đạo hữu hay Chức Việc giữ trai kỳ dưới 10 ngày mỗi tháng, thì lạy theo hàng Vong Thường, nghĩa là :

- Lạy 4 lạy ở tuần Hương và tuần Trà.
- Lạy 2 lạy ở mỗi tuần Rượu và khi dứt bài Ai Chúc (Tất cả có 3 Tuần Rượu).

b- Vong Thường (Thập Trai)

Phẩm : Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự, Luật Sự, Hành Thiện, Thỉnh Thiện, Tân Dân, Minh Đức, Giáo Nhi, Nhạc Sĩ, Lễ Sĩ, Đầu Phòng Văn Khoa Mục, Thơ Ký, Tá Lý, Đạo Hữu và Đạo Sở.

Theo Quyển Quan Hôn Tang Lễ do Hội Thánh ban hành (trang 36) thì những Chức Vị trên đây được hành lễ tế điện theo nghi cúng vong thường,... bài thài theo hàng vong thường. Như vậy chúng tôi suy ra cũng phải lạy theo hàng Vong Thường, nghĩa là :

- Lạy 4 lạy ở tuần Hương và tuần Trà.
- Lạy 2 lạy ở mỗi tuần Rượu và khi dứt bài Ai Chúc (Tất cả có 3 Tuần Rượu).

(Tham khảo: Theo Quyển NGHI LỄ TÓM LƯỢC của Lễ Sanh Hương Muội thì cũng lạy 4 lạy và 2 lạy).

Ngoài ra, trong CHÂU TRI 61 do 3 vị Quyền Chánh Phối Sư (Thái Phấn Thanh, Thượng Chử Thanh, Ngọc Trọng Thanh) ký tên ban hành ngày 10-10-1938, Đức Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài phê chuẩn, có điều thứ 4 và thứ 5 dạy như sau :

“4.- Từ Chánh Phối Sư đổ xuống Lễ Sanh thì lạy 3 lạy, không có gập.

5.- Chánh Trị Sự đổ xuống Tín Đồ lạy 4 lạy”.

**GHI CHÚ :** Theo Pháp Chánh Truyền thì những Chức Vị trên, nếu giữ đúng Luật Đạo, thì được đối phẩm với Nhơn Thần và Địa Thần (Điều này thì chắc chắn Hội Thánh cũng đã biết). Trong Pháp Chánh Truyền không có dạy cách lạy.

c- Thiên Thần và Hàng Thánh.

Nếu người qui vị là Chức Sắc hàng Thiên Thần đổ lên hàng Thánh thì:

\*Lạy 3 lạy suông (không gật) ở tất cả các tuần Hương, Rượu, Trà và khi dứt bài Ai chúc.

- Thiên Thân: Lễ Sanh, Sĩ Tải, Giáo Thiện, Hiền Tài . . . .
- Địa Thánh: Giáo Hữu, Thừa Sứ, Truyền Trạng, Chí Thiện, Lãnh Nhạc, Quản Nhạc, Đội Nhạc, Tổng Giám.
- Nhơn Thánh: Giáo Sư, Cải Trạng, Giám Đạo, Chơn Nhơn, Đạo Nhơn, Nhạc Sư, Đốc Nhạc, Đền Nhạc, Hộ Đàn Pháp Quân, Tả và Hữu Phan Quân.
- Thiên Thánh: Chánh Phối Sư, Phối Sư, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, Chưởng Ấn, Thánh Nhơn, Hiền Nhơn, Thập Nhị Bảo Quân, Tiếp Lễ Nhạc Quân.

**GHI CHÚ:** Phẩm lớn hơn không lạy vong thuộc phẩm nhỏ hơn, chỉ niệm hương và xá là đủ.

### **3- Quỳ Cúng Tế.**

Về Quỳ Cúng Tế thì các nơi không thống nhất với nhau, kể cả việc bắt Ấn Tý cũng chưa thống nhất.

Theo Nghi tiết 1927 của Đức Quyền Giáo Tông thì quỳ xống cả, không quỳ mộp. Theo Nghi lễ Báo Ân Từụ thì khi con tế cha mẹ là phải quỳ xồm.

Quỳ chống hai tay xuống đất thường gọi là “Quỳ Xồm” hay “Quỳ Mộp” hoặc “Quỳ Phủ Phục”. Quỳ Phủ Phục là để tỏ dấu bi ai và kính nể Bề Trên.

Theo chúng tôi được biết thì hiện nay ở Báo Ân Từ thực hiện như sau:

- a.- Cáo Từ Tổ, Cúng Cửu Huyền: Quỳ thẳng, vì là trình Cửu huyền chớ không phải cúng tế (Có nơi cũng quỳ Phủ Phục để tỏ vẻ ai bi).
- b.- Vợ Tế chồng : Quỳ thẳng, vì là Đồng cấp.
- c.- Con Tế Cha Mẹ : Quỳ Phủ Phục (hai tay chống xuống đất), vì đây là Tế Bề Trên.
- d.- Em Tế Anh Chị : Quỳ thẳng, vì là Đồng cấp.
- g.- Phụ Tế, Thân Bằng Cố Hữu : Quỳ thẳng, vì là Đồng cấp.

Tóm lại, chỉ có trường hợp con cháu quỳ tế cha mẹ, cô bác, ông bà . . . mới Quỳ Phủ Phục mà thôi. Ở các trường hợp khác đều phải quỳ xống, nghĩa là quỳ thẳng người.

### **PHẦN III: THỰC HÀNH LỄ TANG**

#### **A.- CẦU HỒN KHI HẤP HỐI VÀ CHẾT RỒI.**

Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho, dùng để tụng lúc vị tín đồ đang hấp hối, sắp chết, hay vừa mới dứt hơi.

Nội dung bài Kinh là cầu nguyện Đức CHÍ TÔN và các Đấng Thiêng Liêng tha thứ tội tình cho người sắp chết và cứu giúp linh hồn cho được nhẹ nhàng siêu thăng tịnh độ.

#### **1- Cúng Thầy**

Khi gia đình báo cáo có người đang hấp hối và yêu cầu được tụng Kinh Cầu Hồn thì dầu nhằm giờ cúng Tứ Thời hay không, Bàn Trị Sự địa phương cũng phải thiết lễ cúng THẦY trước. Theo tài liệu Hạnh Đường huấn luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Nam Nữ khóa Canh Tuất (1970), Phương pháp hành lễ Cầu Hồn khi Hấp hối được thực hành như sau:

“Bàn Trị Sự lo nghi tiết cúng THẦY trước (dù chưa đúng giờ cúng thời).

a- Nếu ngoài thời cúng thì dâng đủ Tam Bửu.

b- Đúng thời cúng thì tùy thời nào dâng bửu nấy, mặc dầu dâng một bửu nhưng cũng phải có đủ Tam bửu trên Thiên bàn (Có tài liệu nói rằng: Ngoài thời cúng, nếu gần 12 giờ thì dâng Rượu, nếu gần 6 giờ thì dâng Trà).

c- Sau khi cúng THẦY xong, vị Chánh Trị Sự chứng Đàn và hai vị Chức Việc Phó hay Thông Sự vào lạy THẦY cầu nguyện Đức CHÍ TÔN như sau:

“Chúng con là Bàn Trị Sự đương quyền Hành Chánh sở tại, được lời thỉnh cầu của vị ... đến cầu hồn cho vị Đạo Hữu ‘Nguyễn văn A’ đã hấp hối, kính cầu xin Đức CHÍ TÔN và Đức PHẬT MẪU cùng các Đấng Thiêng liêng ban ân cho người được nhẹ nhàng linh hồn.”

Nguyện xong lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm Danh THẦY, rồi đứng dậy, vị Chứng Đàn bước lấy 2 cây đèn cây để sẵn trên đĩa, chập lại đốt cháy một lượt, xá Đức CHÍ TÔN ba xá rồi đưa cho hai vị Phụ Lễ, vị Chứng Đàn Chủ Lễ ngó ngay Thiên Nhãn, tịnh thần bắt Ấn Tý vào ngực,...

**Ghi chú:** Ở Hải Ngoại, vì điều kiện không cho phép, có nơi chỉ cần lên nhang đèn để cầu nguyện trước Thiên Bàn.

## **2- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.**

Tại giường bệnh, hai vị Phụ Lễ cầm đèn đứng hai bên, vị Chủ Lễ đứng giữa tịnh thần nhìn vào Nê hoàn cung của người bệnh, gọi tên, dù chết rồi cũng gọi, mà nói rằng :

Hiên Hữu Nguyễn văn A (hay Hiên Muội Nguyễn thị A), Hiên Hữu hãy cố gắng tịnh tâm niệm Danh THẦY 3 lần. Hãy đọc theo tôi : Nam Mô, Cao Đài, Tiên Ông, Đại Bồ Tát, Ma Ha Tát ; lặp lại một lần nữa : Nam Mô, Cao Đài....., thêm một lần nữa : Nam Mô, Cao Đài.....

Là Bàn Trị Sự đương quyền Hành Chánh sở tại,

“Tôi vâng lệnh Đức CHÍ TÔN đến tụng kinh cho Linh hồn Đạo Hữu nhẹ nhàng siêu thăng tịnh độ, vậy Đạo Hữu phải tịnh thần mà nghe và phải cầu nguyện nơi Đức CHÍ TÔN ban ơn lành cho”.

(Nếu là Chức Sắc thì kêu Thánh danh hay Hiên Huynh, Hiên Tỷ).

Nói xong, Đồng nhi khởi tụng bài Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối “Rắp nhập cảnh Thiêng liêng Hằng sống,..” (Tụng 3 lần, khi

dứt niệm câu Chú của THẦY 3 lần). Đoạn vị Chứng Đàn cùng hai vị Chức Việc Phụ Lễ cầm đèn đến Thiên Bàn xá Đức Chí Tôn 3 xá rồi mới tắt đèn và xá Ấn Tý. Nếu không có Thiên Bàn thì xá về Hương Bắc 3 xá rồi mới tắt đèn và xá Ấn Tý (Đức CHÍ TÔN ngự nơi hương Bắc).

**GHI CHÚ:** Trong Quyển Lời Phê của Đức Hộ Pháp, trang 112-113, Đức Ngài có dạy như sau:

“Đức CHÍ TÔN là Đại Từ Phụ khi đến độ Bản Đạo, Bản Đạo có hỏi về phương tận độ các vong linh nhân loại thì có nói quả quyết như vậy”:

“Dầu cho có kẻ nào phạm tội đầy đầy trên mặt đất mà khi hấp hối rồi chỉ kêu lấy danh Ta thì cũng đặng siêu thoát...”.

Ghi Chú : Kêu Danh THẦY là niệm câu Chú của Thầy: “Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát “.

### **3- Kinh Khi Đã Chết Rồi.**

Việc hành Lễ Cầu Hồn Khi Đã Chết Rồi cũng được thực hiện giống y như Cầu Hồn Khi Hấp Hối.

Nếu trong khi tụng kinh hấp hối mà bệnh nhơn tắt hơi (chết) thì tiếp tục tụng luôn bài Kinh Khi Đã Chết Rồi “Ba mươi sáu cõi Thiên Tào, . (Tụng 3 lần, khi dứt niệm Danh THẦY 3 lần).

Lời Dặn: Hai cây đèn cây hành lễ khi hấp hối xong phải để tại Bàn Kinh mà dùng liên tục trong cuộc hành lễ Tang (Hấp Hối, Chết rồi, Tẩn liệm), liên tiếp cho đến khi hết lễ Tang, không nên dùng vào việc khác.

## **B- THƯỢNG SỞ TÂN CỐ.**

1- Chuông Trống Báo Tử.

Sau khi tụng xong bài Kinh Khi Đã Chết rồi, nếu người qui vị giữ trai kỳ từ 10 ngày đở lên, thì Chức Việc hoặc Tang quyền phải đến trình nơi Thánh Thất hoặc Đền Thánh để xin Động Chuông Báo Tử.



Vị nào giữ trai kỳ dưới 10 ngày mỗi tháng thì không có động chuông báo tử.

Giữ Trai Kỳ từ 10 ngày đổ lên thì được Thọ Truyền Bửu Pháp, được Hành Pháp Độ Tăng, được làm Tuần Cửu, . . . để đưa Chơn Hồn lên cõi Hư Linh, do đó phải có Chuông Báo Tử kính trình lên Ông Trên để được tiếp đón. Giữ Trai Kỳ dưới 10 ngày thì không được hưởng những ân huệ đó, nên không có Chuông Báo Tử.

Động Chuông Trống Báo Tử cũng tùy theo phẩm trật mà thi hành:

- Giáo Tông và phẩm tương đương: 6 hồi trống, chuông.
- Chưởng Pháp và phẩm tương đương: 5 hồi trống, chuông.
- Đầu Sư và phẩm tương đương: 5 hồi trống, chuông.
- Phối Sư, CPS và phẩm tương đương: 4 hồi trống, chuông.
- Giáo Sư và phẩm tương đương: 3 hồi trống, chuông.
- Giáo Hữu, Chí Thiện, Thừa Sứ, Truyền Trạng, . . : 2 hồi trống, chuông (nghĩa là: 2 hồi trống và 2 hồi chuông).
- Lễ Sanh, Giáo Thiện, Sĩ Tải, Hiền tài . . : 1 hồi trống, chuông (nghĩa là: 1 hồi trống và 1 hồi chuông).
- Chức Việc và Đạo Hữu giữ thập trai: Chỉ động chuông (không động trống), Nam 7 tiếng và Nữ 9 tiếng.
- Đạo Hữu giữ lục trai thì không có động chuông báo tử.

Khi nghe trống chuông báo tử thì phải đứng dậy nghiêm trang và cầu nguyện cho người qui vị được nhẹ nhàng siêu thoát.

Nơi động chuông trống cũng tùy thuộc theo Phẩm:

- Giáo Hữu đổ lên: Tại Đền Thánh.
- Lễ Sanh, Chức Việc và Đạo hữu giữ thập trai: Tại Đền Thánh hay Thánh Thất.

## **2- Sớ Tân Cổ.**

Trong thời cúng kế tiếp, phải làm lễ Thượng sớ Tân Cổ, có thân nhưn qui sớ: Đốt sớ Tân Cổ và sớ Cầu Đạo của người qui vị, sớ Cầu Đạo được đốt chung với sớ Tân Cổ.

- Nếu người chết ở phẩm Chánh Trị Sự trở xuống Đạo hữu thì vị Chứng Đàn là Chánh Trị Sự sở tại.

- Nếu người chết là Chức Sắc từ phẩm Lễ Sanh trở lên thì vị Chứng Đàn là vị Đầu Phận Đạo, Đầu Tộc Đạo hay Khâm Thành, Khâm Châu Đạo. Còn các phần việc khác thì do vị Chánh Trị Sự và Bàn Trị Sự sở tại hành thể theo nghi thức đã qui định.

\* Nơi dâng sớ Tân Cố cũng tùy theo phẩm:

- Phẩm Đầu Sư trở lên: Lễ Viện dâng tại Đền Thánh.

- Phẩm Giáo Hữu đến Chánh Phối Sư: dâng tại Đền Thánh.

- Phẩm Lễ Sanh, Sĩ Tải, Giáo Thiện, Hiền Tài . . . : dâng tại Đền Thánh hay Thánh Thất.

- Chức Việc, Đạo hữu giữ thập trai: dâng tại Đền Thánh hoặc Thánh Thất hay tư gia cũng được.

- Đạo hữu giữ lục trai: dâng tại tư gia hay Thánh Thất.

- Đạo hữu sa ngã và người Ngoại Đạo: dâng tại tư gia, nếu có nhập môn. (Nếu nhà không có Thiên Bàn thì dâng sớ tại nhà Chức Sắc hoặc Chức Việc ở gần đó). Đây là lời dạy trong Quyển Quan Hôn Tang Lễ do Hội Thánh ban hành.

### **C- TẢN LIỆM.**

Tản là đặt xác người chết vào trong quan tài rồi đóng kín lại. Liệm là mặc quần áo mới cho người chết và bọc lại bằng nhiều lớp vải rồi để vào quan tài.

Vậy Tản Liệm là mặc quần áo mới cho người chết, rồi dùng vải và các thứ vật liệu cần thiết để bọc xác người chết, xong đặt vào quan tài, đậy nắp và đóng lại cho thật kín.

Như vậy việc tẩn liệm ở Mỹ Quốc không theo đúng như ở Việt Nam. Tẩn Liệm còn được gọi là Nhập Mạch.

### **1- Cúng THẦY.** (Trường Hợp có Thiên Bàn)

Trước hết phải thiết lễ cúng Đức CHÍ TÔN, cúng xong:

- Tất cả gia quyến quỳ cầu nguyện Đức CHÍ TÔN rồi đến chỗ người chết lạy xác một lần,

- Vị Chủ Lễ và hai vị Phụ Lễ vào lạy Đức CHÍ TÔN và cầu nguyện.

- Xong, vị Chủ Lễ bước lấy 2 cây đèn cây để sẵn trên đĩa, chập lại đốt cháy một lượt, xá Đức CHÍ TÔN ba xá rồi đưa cho hai vị Phụ Lễ, vị Chủ Lễ ngó ngay Thiên Nhân, tịnh thần bắt Ấn Tý vào ngực, cùng hai vị cầm đèn đến đứng trước đầu người chết, Đồng Nhi sắp hàng hai bên từ phía trên sắp xuống.

## **2- Tụng Kinh Tẩn Liệm.**

Hai vị Phụ Lễ cầm đèn đứng hai bên.

Vị Chủ Lễ đứng giữa tịnh thần nhìn vào Nê hoàn cung của người qui vị, gọi tên mà nói rằng:

Hiên hữu Nguyễn văn A (hay Hiên Muội Nguyễn thị A), là Bàn Trị Sự đương quyền Hành Chánh sở tại,

“Tôi vâng lệnh Đức CHÍ TÔN đến tụng kinh cho Linh hồn Đạo Hữu nhẹ nhàng siêu thăng tịnh độ, vậy Đạo Hữu phải tịnh thần mà nghe và phải cầu nguyện nơi Đức CHÍ TÔN ban ơn lành cho”. (Nếu là Chức Sắc thì kêu Thánh danh hay Hiên Huynh, Hiên Tỷ).

Nói xong, Đồng Nhi khởi tụng bài Kinh Tẩn Liệm “Dây oan nghiệt đứt rời trái chủ...” (Tụng 3 lần, khi dứt niệm câu Chú của THẦY 3 lần).

Khi tụng kinh xong thì Tang quyển lạy Vong linh, nghĩa là lạy xác chết, một lần nữa. Xong vị Chủ Lễ và 2 Chức Việc Phụ Lễ cầm đèn trở lại xá Đức CHÍ TÔN 3 xá rồi mới xá Ấn Tý và tắt đèn.

Đạo Tỷ bắt đầu cho xác vào quan tài.

## **GHI CHÚ:**

- Tụng Kinh Tẩn Liệm xong mới cho xác vào quan tài.

- Chân chỉ mang vớ, không được mang giày, từ phẩm Phối Sư đổ lên mới được mang giày.

- Nếu chưa có điều kiện tụng Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối và Kinh Khi Đã Chết Rồi, thì tại Nhà Quàn, Bàn Trị Sự phải cho tụng trước sau tất cả là 3 bài Kinh : Hấp hối, Chết rồi, Tẩn liệm.

### **3- Tắm Phủ Quan.**

Sách Tang Lễ của Đạo Cao Đài có dạy đại ý như sau:

Khi người bệnh đã tắt hơi, thân nhờn dùng nước nóng có pha dầu thơm lau rửa thân thể cho sạch sẽ rồi thay quần áo cho thơm tất, mặc đạo phục tùy theo phẩm vị, chơn mang vớ trắng, tay bọc bao tay trắng, đắp trên mặt một tấm vải trắng hình tam giác cân đường cao độ 33 cm (con số 33 chỉ Tam thập tam Thiên), đỉnh để lên trên.

Sự tẩn liệm là do ý trân trọng quý báu thi hài của người mất, còn bao tay hay chơn mang vớ là để xương vụn vật như cốt xương tay hay cốt xương chơn khỏi bị rời đi mất.

Sau khi đầy nắp, quan tài được đắp lên một tấm Phủ Quan hình vuông mỗi cạnh dài 1,2 mét tức 12 tấc (con số 12 là con số riêng của Đức CHÍ TÔN), bốn bề viền ren, chính giữa thêu hình Thiên Nhân có ánh hào quang tia ra. Màu sắc của tấm Phủ Quan tùy theo sắc phái của người qui vị.

- **Phủ Quan màu đen** dành cho: Đạo hữu, Đạo sở, Minh Đức, Tân Dân, . . (Đạo sở là người Đạo hữu làm công quả tại một cơ sở của Phước Thiện).

- **Phủ Quan màu đỏ** dành cho: Chức Sắc Cửu Trùng Đài phái Ngọc, Chức Sắc Phước Thiện nam nữ mang dây Sắc lệnh màu đỏ (Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện), Chức Việc nam phái (Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự).

- **Phủ Quan màu xanh** dành cho: Chức Sắc Cửu Trùng Đài phái Thượng, Chức Sắc Phước Thiện nam nữ mang dây Sắc lệnh màu xanh (Chí Thiện, Đạo Nhon, Chơn Nhon).

- **Phủ Quan màu vàng** dành cho: Chức Sắc Cửu Trùng Đài phái Thái, Chức Sắc Phước Thiện nam nữ từ phẩm Hiền Nhon đổ lên.

- **Phủ Quan màu Trắng** dành cho: Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, Chức Sắc Ban Thế Đạo, Chức Sắc và Chức Việc Nữ phái Cửu Trùng Đài.

Chức Sắc Đại Thiên Phong hàng Tiên Vị đở lên (từ Phẩm Đầu Sư, Tiên Tử, Thập Nhị Thời Quân đở lên) thì không liệm vào quan tài mà liệm vào Liên Đài hình bát giác đặt trên tòa sen, liệm ngồi theo kiểu kiết già, hai tay bắt Ấn Tý.

Nhà có tang, nên thận trọng, phải giữ gìn cho được yên lặng, phải ăn chay, không được ăn mặn khi quan tài còn tại gia (hoặc tại Nhà Quàn). Người nhà không được cãi vả với nhau lớn tiếng, hoặc nói cười vui vẻ, đùa giỡn, làm mất nét bi ai. Phải nhớ câu “Thố tử hồ bi” mà tỏ lòng đau xót cho nhau.

Việc tẩn liệm, nên bỏ tục lệ coi giờ kiêng tuổi, cũng không cần coi thầy địa lý xây mộ.

**(HT. Nguyễn Trung Đạo)**

*Chúng tôi đang sưu tầm tài liệu để viết một bài có chủ đề là :*

## **NHỮNG HUYỀN DIỆU TRONG THỜI KỲ KHAI ĐẠO**

*Quý Huynh Tỷ Đệ Muội nào có những tài liệu liên hệ đến chủ đề trên làm ơn vui lòng cho chúng tôi xin để bổ sung vào bài viết.*

*Trân trọng cảm ơn trước.*

**Hiền tài Nguyễn Trung Đạo**

Xin liên lạc về :-Email : [nguyentrungdao@sbcglobal.net](mailto:nguyentrungdao@sbcglobal.net)

hoặc địa chỉ : 1041 Vista Oak Place  
Chula Vista, CA 91910  
Phone : (619)216-6916

## **TÔN CHỈ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠO CAO ĐÀI** (HT Trịnh Quốc Thế - HT Nguyễn Ngọc Nương)

### ĐẠI CƯƠNG VỀ TÔN CHỈ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

#### **I- KHÁI NIỆM VỀ TÔN CHỈ VÀ MỤC ĐÍCH ĐẠO CAO ĐÀI**

Một vòng luân chuyển của vũ trụ gọi là một cuộc tuần hườn, mỗi cuộc tuần hườn gồm có ba (03) nguơn: THƯỢNG NGUƠN, TRUNG NGUƠN và HẠ NGUƠN. Mỗi 03 nguơn lại có một cuộc Đại ân xá.

Mỗi Nguơn kỳ tương ứng với một giai đoạn tiến hóa của xã hội:

- Nhứt kỳ: Chế độ nông nô tổ chức xã hội có tính cách bộ lạc thô sơ.
- Nhị kỳ: Chế độ phong kiến tổ chức thành nước có hệ thống cai trị.
- Tam kỳ: Chế độ dân chủ tự do tổ chức từ quốc gia liên hiệp đi đến ý niệm toàn cầu.

1- Thượng Nguơn là Nguơn của Tạo Hóa dựng nên càn khôn vũ trụ, ấy là nguơn Thánh Đức tức là Nguơn Vô Tội. Trong thời kỳ này có các Đấng Thiêng Liêng lãnh sứ mạng xuống thế độ đời:

- Đức Nhiên Đăng Cổ Phật (khai mở Phật Giáo)
- Đức Hồng Quân Lão Tổ (khai mở Đạo Giáo)
- Đức Phục Hy (khai mở Nho Giáo)
- 

2- Trung Nguơn là Nguơn Tấn hóa. Ấy là Nguơn Tranh Đấu tức là Nguơn Tự Diệt, gồm các vị lãnh sứ mạng cứu thế:

- Đức Thích Ca (chấn hưng Phật Giáo)

- Đức Lão Tử (chấn hưng Đạo Giáo)
- Đức Khổng Tử (chấn hưng Nho Giáo)
- Đức Gia Tô Giáo Chủ (lập ra Thánh Giáo bên Thái Tây).

3- Hạ Ngươn là Ngươn Bảo Tồn. Ấy là Ngươn Tái Tạo, tức là Ngươn Qui Cổ

Nhân loại ở vào thời Hạ Ngươn mặt pháp, sắp rơi vào cơ tự diệt nên Đức Chí Tôn giáng trần khai ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ thực hiện cơ cứu thế với tôn chỉ QUY NGUYÊN TAM GIÁO, HIỆP NHẤT NGŨ CHI đáp ứng ngươn kỳ Bảo Tồn, Tái Tạo, qui hồi Thượng ngươn Thánh Đức, mở một kỷ nguyên Đại Đồng nhân loại trong tình thương yêu huynh đệ, một kỷ nguyên giao hòa giữa các địa hạt trong thế giới nhân sinh, một kỷ nguyên rạng rỡ tâm linh, đưa nhân loại quay về cội nguồn thiên lương biết nhìn nhau cùng một đường cha chung, cùng huyết mạch tình thương của Đấng Cha lành THƯỢNG ĐẾ, Đấng tối cao duy nhất sinh hóa ra muôn loài vạn chủng.

“Hiệp vạn chủng nhưt môn đồng mạch  
Quy thiên lương quyết sách vạn trù”  
(Phật Mẫu Chơn Kinh)

Đức Chí Tôn Thượng Đế có nêu rõ Tôn chỉ mở Đạo kỳ ba trong TNHT, tr. 56/1972, ngày 02 -11- năm Bính-Dần (06/12/1926) như sau:

Ta vì lòng Đại Từ, Đại Bi vẫn lấy đức háo sanh mà dựng nên mối Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ, Tôn chỉ để vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa vị cao thượng để tránh khỏi số mạng luân hồi và nâng những kẻ tánh đức bước vào cõi nhân cao hơn phẩm hèn khó ở nơi trần thế này.

Đức Chí Tôn có dạy: Thầy mở Đạo kỳ ba này cũng để mở đường cho các hàng Thánh, Tiên, Phật bị đọa trần do theo mà phục hồi cựu vị. Đạo cũng là con đường của các Nhơn phẩm do theo mà tránh khỏi luân hồi. Nếu chẳng do theo Đạo, thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm (TNHT, 1972, tr.119)

“Dầu cho một vi Đại La Thiên Đế xuống phàm mà không Tu cũng khó trở lại ngôi vị đặng” (TNHT, 1972 trg. 42)

Nói cụ thể hơn, TAM KỶ PHỔ ĐỘ là cuộc Đại Ân Xá kỳ Ba, Đức Chí Tôn cho vén màn bí mật giữa vô vi và hữu hình, thực hiện qui nhất Âm Dương. Hiệp “THIÊN THƯỢNG – THIÊN HẠ” hay “Thiên Nhân hiệp nhất” qua Tâm. Bước đầu Ngài dùng huyền diệu cơ bút khai ĐẠI ĐẠO (1926) tại miền Nam Việt Nam, dẫn dắt chúng sanh trên đường tu thân, hành đạo. Mục đích đưa nhân loại về cùng một mối, xây dựng căn nhà chung vũ trụ, tạo đời Thánh Đức, Thế Giới Đại Đồng, đem Hòa Bình - Hạnh Phúc - Dân Chủ - Tự Do thật sự cho nhân loại.

“Cao Thượng Chí Tôn Đại Đạo Hòa Bình Dân Chủ Mục  
Đài Tiên sùng bái Tam Kỳ Cộng Hưởng Tự Do quyền”

Hình ảnh “ĐẠI ĐỒNG XÃ” đặt ngay trước Tòa Thánh cũng chỉ rõ mục đích trên.

Để thực hiện Tôn Chỉ mục đích Đức Chí Tôn đã chọn sẵn diệu pháp huyền linh

“Kỳ Khai tạo nhưt Linh Đài,

Diệt hình là pháp cường khai Đại Đồng.”

(Phật Mẫu Chơn Kinh: PMCK)

Linh Đài là Linh Tâm, kỳ khai Đạo này thực hiện qui nhất về Tâm, diệt hình Tà pháp cường khai Tâm Đại Đồng.

Qua hình tượng Thiên Nhân TKPD phô bày và chỉ rõ con đường Tu Tắt: Qui Nguyên, tức qui về gốc Thượng Đế, là qui tâm. Vì Tâm là cửa Hiệp Thiên, nơi Thượng Đế và các đấng Thiêng liêng hằng ngự.

“Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,  
Chẳng cần hạ giới vọng cao ngôi.  
Sang hèn trời kê tâm là quý,  
Tâm ấy tòa sen của Lão ngôi”.



(TNHT)

Qui Tâm đúng cách là thực hiện đủ Tam công: Công phu, Công quả, Công trình. Ví như Mật Pháp Huỳnh Đình gọi là Tâm pháp hay vạn pháp có nghĩa chỉ lấy Tâm làm gốc tùy theo cơ duyên thực hiện, mỗi người một cách khác nhau, tựu trung vẫn là hành diệu pháp Hiệp Thiên (gồm Hiệp Thiên Thượng và Hiệp Thiên Hạ) tức là gồm đủ ba yếu tố căn bản trên.

Nói cách khác, muốn thực hiện Hiệp Thiên Pháp phải Qui Tâm Hiệp Thiên Thượng và Hiệp Thiên Hạ. Đó là phương cách luyện Tinh Khí Thần vô cùng diệu dụng của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được thể hiện qua hai câu liền trước HTĐ:  
Hiệp nhập Cao Đài bá tánh thập phương qui chánh quả,  
Thiên khai Huỳnh Đạo Ngũ Chi Tam giáo Hội Long Hoa.

Huỳnh Đạo là Đạo Vàng hay Đạo Tâm do Mẹ thiêng liêng lãnh đạo.

Tóm lại Diệu Pháp Hiệp Thiên tức Tâm Pháp hay Chơn Pháp Qui Tâm là đường bí pháp Đạo Tâm then chốt của nền Đại Đạo được phô bày qua Thiên Nhân và tiềm ẩn trong Thánh Ngôn Thánh Giáo.

## **II- ĐẠI CƯƠNG GIÁO LÝ TAM GIÁO:**

\* Đại cương GIÁO LÝ của PHẬT là thiên về rèn luyện NỘI TÂM qua Bát Chánh Đạo là Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định để rèn luyện ba Pháp là GIỚI, ĐỊNH và HUỆ. Thể hiện được ba mục tiêu này là làm sáng được cái TÂM để từ đó thấy được Phật trong TÂM của chính mình hay nói khác PHẬT TỨC TÂM, TÂM TỨC PHẬT. Quan điểm của Phật đối với con người là: NGƯỜI là PHẬT chưa thành, PHẬT là NGƯỜI đã thành. Tóm lại, tu Phật là cố rèn luyện thế nào cho đạt được cái HUỆ trong TÂM tức là Ánh SÁNG huyền diệu của TÂM là đã thành Phật. Ánh Sáng huyền diệu đó gọi là THẦN. Phật giáo lấy TÂM BI làm gốc và NHÂN

QUẢ LUÂN HỒI làm nền cho sự CÔNG BÌNH. Sách căn bản của Phật giáo được lưu truyền nằm trong 3 Tạng: KINH, LUẬT và LUẬN.

\* Đại cương GIÁO LÝ của LÃO là thiên về TỰ NHIÊN, Tự Nhiên sinh ra ĐẠO, Đạo sinh ra TRỜI, Trời sinh ra ĐẤT, Đất sinh ra NGƯỜI nên Nhơn pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp Tự Nhiên (Người theo Đất, Đất theo Trời, Trời theo Đạo, Đạo theo Tự Nhiên). Tự Nhiên sinh ra Đạo mà Đạo là vô cùng vô tận, vô chung vô thủy, nên tiếng ĐẠO dùng ở đây, theo Lão Tử là gương dùng nên Ngài đã xác định: “Đạo khả Đạo phi thường Đạo, Danh khả Danh phi thường Danh”. Vì sự HUYỀN HUYỀN này của ĐẠO nên khi thể hiện cái Đạo ra gọi là ĐẠO VÔ VI tức Đạo thường không làm nhưng không có cái gì là không làm hay nói cách khác làm tất cả mà coi như không làm.

Ý của Ngài sống là phụng sự cho tha nhân nhưng phải tách rời cái bản ngã của mình ra khỏi Danh, Lợi và Quyền. Thí dụ như Ánh sáng, Nước, Không khí cho đồng đều tất cả mọi sinh vật sự sống, không phân biệt thiện ác, xấu tốt. Kể cho, người nhận đều coi là TỰ NHIÊN, không bận tâm gì cả! Đạo của Ngài là siêu nhiên VÔ NGÃ, như khí thiêng bao trùm cả Càn Khôn Vũ Trụ. Đạo của Ngài là Đạo sống ngoại Càn Khôn, không bị ràng buộc bởi bất cứ sự thường tình nào nên tâm hồn luôn luôn quân bình hạnh phúc, KHÍ sắc luôn luôn rực rỡ, tươi vui. Tác phẩm độc nhất của Ngài là quyển ĐẠO ĐỨC KINH, là TÚI KHÔN của loài người!

\* Đại cương Giáo Lý của KHỔNG là tạo dựng một nền trật tự xã hội an bình, có kỷ cương: “Vua ra vua, tôi ra tôi; cha ra cha, con ra con. . .”. Sách lược của Ngài là nhằm đào tạo lớp người đặc biệt gọi là NGƯỜI QUÂN TỬ, để TRỊ NƯỚC thật tốt mới đem lại ấm no hạnh phúc cho người dân. Muốn trở thành người QUÂN TỬ phải học và học suốt đời. Sách lược là phải học và hành 8 điều căn bản: CÁCH VẬT, TRÍ TRI, THÀNH

Ý, CHÍNH TÂM, TU THÂN, TỀ GIA, TRỊ QUỐC, BÌNH THIÊN HẠ. Hay nói cách khác, thế giới muốn an bình thì mỗi nước phải có người tài giỏi cai trị nước, muốn trị nước giỏi thì phải biết cách làm cho nhà yên, muốn nhà yên thì phải tu thân, muốn tu thân tốt thì phải chính tâm, muốn chính tâm thì phải thành ý, muốn thành ý thì phải trí tri (hiểu biết, thông suốt), muốn trí tri thì phải cách vật (phân tích sự vật để hiểu tường tận).

Ngoài ra, người Quân Tử còn cần phải thực hiện đầy đủ TAM CANG NGŨ THƯỜNG. Tam Cang là: Quân Thân Cang (trung với vua, với nước...), Phụ Tử Cang (hiếu với cha mẹ) và Phu Thê Cang (vợ chồng phải thương yêu, hoà thuận, trung tín với nhau). Ngũ Thường là: Nhân Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Muốn thực hiện tốt những nguyên tắc căn bản này của Khổng giáo để trở thành NGƯỜI QUÂN TỬ thì phải có ĐỨC DŨNG nội tâm kiên cường, vững chắc. Sách căn bản của Nho giáo gồm có TỬ THƯ và NGŨ KINH.

## II- ĐẠI CƯƠNG GIÁO LÝ CAO ĐÀI

\* TÔN CHỈ: Như trên đã trình bày, Tôn Chỉ của Đạo Cao Đài là Qui Nguyên Tam Giáo, Hiệp Nhất Ngũ Chi.

QUI NGUYÊN là qui về GỐC, về CỘI NGUỒN tức là qui 3 hệ thống giáo lý của Phật, Lão, Khổng về ĐẠO mà Đạo là chủ của TÂM, tức qui về CHỖN TÂM. Thánh tượng THIÊN NHÂN được giải nghĩa như sau: Nhân thị chủ TÂM, Lương Quang chủ Tể, Quang thị THẦN, Thần thị THIÊN, Thiên giả NGÃ giả. Như vậy Thiên Nhân là Thượng Đế, là Đạo. Đạo điều động, quán xuyên 2 luồng ánh sáng Âm Dương để phát sinh ra CÀN KHÔN VŨ TRỤ. Như vậy Thượng Đế là chủ tể của VẠN LOẠI trong Càn Khôn. Ánh sáng huyền diệu đó là THẦN, là Đại Linh Quang của Thượng Đế, cũng là Ngài.

Như vậy Qui Nguyên Tam giáo là qui về CHỖN TÂM bất biến để ứng với VẠN BIẾN trong Đạo xử thế tiếp vật của con người. Như chúng ta đều biết màu VÀNG là màu của PHẬT, tượng

trưng cho THẦN, màu XANH là màu của LÃO, tượng trưng cho KHÍ, màu ĐỎ là màu của KHỔNG, tượng trưng cho TINH. Tam giáo qui nguyên tức là qui về MỘT có nghĩa là TINH KHÍ THẦN HIỆP NHỨT thì HUỒN HƯ. Đây là điều rất kỳ diệu lý thú điển hình cho sự hiệp nhất của Tinh Khí Thần. Người tu, nếu đạt được Tinh Khí Thần hiệp nhất thì đắc Đạo, được về hội hiệp với Thầy Mẹ nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Hơn nữa đây là thời kỳ ĐẠI ÂN XÁ, Đức Chí Tôn khuyên dạy: “Các con chỉ lo tu phần TINH KHÍ còn THẦN thì Thầy ban cho”. Muốn tu phần TINH KHÍ thì: “Các con lo chuyên tâm làm CÔNG QUÁ, phụng sự chúng sanh, mọi việc khác để Thầy lo” (TNHT). Nếu hành giả thực hành theo Giáo Lý Qui Nguyên của Đại Đạo qua lời dạy của các Đấng trong Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, Thánh Ngôn, Thánh Giáo.....sẽ được hưởng ân huệ ĐẠI ÂN XÁ kỳ ba tức là đi vào lộ trình TU TẮT, tức lộ trình NGŨ CHI HIỆP NHỨT, qui về với THIÊN ĐẠO, hay nói khác là từ NHƠN ĐẠO đi thẳng về với THIÊN ĐẠO, xuyên qua các cửa ải Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo dễ dàng do sự huyền nhiệm của THIÊN LƯƠNG. Đó là sự HIỆP NHỨT Ngũ Chi về THIÊN ĐẠO. Đây cũng gọi là thời kỳ NHO TÔNG CHUYỂN THỂ: Dục tu Thiên Đạo, Tiên tu Nhơn Đạo, Nhơn Đạo bất tu, Thiên Đạo viển hĩ cộng thêm với hồng ân Đại Ân Xá nên từ NHƠN ĐẠO đi tắt về THIÊN ĐẠO vậy.

Tóm lại: TÔN CHỈ của Đại Đạo là Qui Nguyên tức là: “QUI THIÊN LƯƠNG QUYẾT SÁCH VẬN TRỪ” (Phật Mẫu Chơn Kinh: PMCK), là: “KỶ KHAI TẠO NHỨT LINH ĐÀI” (PMCK).

THIÊN LƯƠNG hay LINH ĐÀI là BẤT BIẾN, là TRƯỜNG TỒN, biểu hiện TÌNH THƯƠNG vô cùng vô tận đối với toàn cả chúng sanh, mà Tình Thương được Thầy xác định là CHÌA KHOÁ MỞ CỬA BẠCH NGỌC KINH. Đó là Đại Đạo dẫn tới đạt mục tiêu của hành giả trong thời kỳ Đại Ân Xá.

\* MỤC ĐÍCH Đạo Cao Đài được lập ra cốt yếu là để giáo hóa nhơn sanh, tạo đời sống an bình hạnh phúc kiến tạo một xã hội đại đồng huynh đệ và độ phần hồn của nhơn loại cho thoát khỏi luân hồi chuyển kiếp chốn trần gian lao khổ này. Như vậy, mục đích của Đạo Cao Đài chú trọng hai phần chính là Thế Đạo đại đồng: tạo một xã hội mà loài người sống trên căn bản Tình Thương và Công bằng, biết nhìn nhau là CON cùng một CHA chung và dạy nhơn loại phương tu mới để giải thoát: Thiên Đạo giải thoát. Đó là hai con đường XỬ THẾ và XUẤT THẾ của tín đồ Cao Đài.

**Phần Xử thế,** Cao Đài dạy Luân lý cho người đời biết những nghĩa vụ đối với mình, gia đình, xã hội và đối với tất cả chúng sanh, không phân biệt màu da sắc tóc. Về phần Triết lý, Cao Đài dạy người đời coi thường lợi danh phú quý, thoát ly những ràng buộc không cần yếu đời sống vật chất để bình an tâm hồn; đó là nếp sống của bậc chính nhân quân tử.

**Phần Xuất thế,** Cao Đài dạy tin tưởng tuyệt đối có Thượng Đế là Chủ cần khôn vạn vật, có các Đấng Thần Thánh Tiên Phật trọn lành, có Linh hồn bất diệt, có luật Tấn hóa luân hồi nhân quả là luật công bình thưởng phạt. Do đó, Cao Đài dạy tín đồ lập Công quả (Tam Công) để có hành trang một khi thoát xác mang về trình với Thiên Điều để được giải thoát như phần trước "Tôn chỉ" đã dẫn giải.

Cứu cánh hay là nhiệm vụ quan trọng của Đạo Cao Đài là:  
- Tận Độ Chúng Sanh trong thời Hạ Nguơn Mạt Kiếp của Đệ Tam Chuyển, để lập đời Thượng Nguơn Thánh Đức của Đệ Tứ Chuyển. Đặc biệt là Cứu Độ 92 ức Nguyên Nhân còn đang trầm luân nơi cõi trần trở về ngôi xưa vị cũ.

**Tóm lại,** mục đích của Đạo Cao Đài là mở ra con đường cứu cánh giải thoát, nhơn loại chẳng những tránh được cơ tận diệt

để chuyển qua đời Thánh Đức đại đồng huynh đệ mà còn ban cho ân huệ lớn lao là: “Ai ngộ một đời tu cũng đủ trở về cựu vị”.

### **III-KẾT LUẬN:**

Tôn Chỉ và Mục Đích của nền Đại Đạo được Đức Chí Tôn giáng trần vạch đường chỉ lối cho cả nhân loại trở về hội hiệp với Ngài trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Về Tôn chỉ “Qui nguyên Tam giáo, Hiệp nhất Ngũ Chi”, Cao Đài không chỉ điều dụng tinh ba Tam Giáo cổ truyền mà còn phối hợp với Thánh Ngôn của chính Đấng Thượng Đế và chư Thánh Tiên Phật giáng điển (phò cơ, chấp bút) dạy bảo tạo thành một hệ thống giáo lý hoàn hảo đủ sức thuyết phục nhân tâm. Tân Luật (the New Code), Pháp Chánh Truyền (Devine Text) và Tân Kinh (New Bible) làm nền tảng Đại Đạo cho Hội Thánh phát huy và phổ truyền Chơn Pháp.

Về mục đích: Giáo hóa như sanh, lập đại đồng huynh đệ và mở ra con đường giải thoát ngộ hầu thoát khỏi luân hồi nhân quả trong hồng ân Đại ân xá kỳ ba này.

Những phần trình bày trong các bài sau sẽ đi vào chi tiết các trọng điểm qua Tôn chỉ và Mục đích Đại Đạo từ Hữu Hình để tìm biết được Vô Vi. Đây cũng chính là điều khác biệt giữa giáo lý Đại Đạo với các giáo lý có từ ngàn xưa./.

**( còn tiếp)**

**(HT Trịnh Quốc Thế - HT. Ngọc Nương)**

***Kính mời quý Đồng Đạo đón đọc Chương trình:***

**PHỔ THÔNG GIÁO-LÝ 2008**

***tại Website:***

**[www.banthedao.org](http://www.banthedao.org)**

**NHÌN LẠI BI KỊCH CỦA CON NGƯỜI TRƯỚC TỘI ÁC  
CỦA QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ VÀ NHỮNG QUAN  
NIỆM SAI LẦM VỀ TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ**

(Bài số I)

**Nguyễn Anh Tuấn**  
(Political Scientist)

**Lời Tòa Soạn:**

*Tập San Thế Đạo trân trọng giới thiệu đồng đạo & thân hữu : Tiến sĩ Nguyễn Anh Tuấn với một loạt bài nghiên cứu của Anh về Thiên Chúa Giáo qua Cựu Ước, Tân Ước, qua lịch sử văn minh Đông phương và Tây Phương để đi đến con đường Vạn Giáo Nhất Lý.*

*Cuộc đời của Tiến sĩ Nguyễn Anh Tuấn là cuộc đời của một người đã dành hết thời gian cho học hỏi và nghiên cứu. Qua loạt bài này tác giả rất mong được sự góp ý phản hồi và mọi ý kiến đóng góp xin gửi về TSTD qua email hoặc fax.*

*Trân trọng giới thiệu.*

**QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ**

Roland Stromberg nhìn Arnold Toynbee (1889-1975) như “một tiên tri về sự hòa đồng hợp nhất của tất cả nhân loại”. Toynbee là một sử gia người Anh. Ông chuyên nghiên cứu về văn minh và tôn giáo. Ông cho rằng nghiên cứu lịch sử chính xác nhất là nắm được mối tương quan liên hệ đến sự học nơi các nền văn minh bằng cách đáp ứng lại những kinh nghiệm thử thách bằng một tâm hồn sáng tạo. Toynbee đặc biệt nghiên cứu về “sự suy đồi, hư hỏng thê thảm của lịch sử con người” (a terrible perversion of human history).

Nếu những ai từng quan tâm đến sự sống và sự chết của chúng con người, những người đó không thể không quan tâm đến lịch sử. Lịch sử của một quốc gia thường gắn liền với lịch sử với các quốc gia lân bang, hay gắn liền với cả thế giới. Đó là trường hợp của Việt Nam — một cửa ngõ giao thoa giữa các nền văn minh, văn hóa và tôn giáo của cả Đông Phương và Tây Phương. Bên cạnh những luồng ánh sáng văn minh chói lòa của Lão - Phật - Khổng, cũng như văn minh của Cựu Ước và Tân Ước sau này — chính là những “suy đồi, hư hỏng thê thảm của lịch sử nhân loại”, tất cả đều đổ vào Việt Nam từ hơn 2000 năm qua để ngày nay Việt Nam trở thành hội chứng của văn minh nhân loại (Syndrome of Human Civilization). Hội chứng này tạo ra một bi kịch nhân sinh hãi hùng nhất của lịch sử văn minh nhân loại. Trong hơn hai ngàn năm, kể từ đời Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, rồi cuối cùng là nhà Thanh, đều đã xua quân xâm lăng và đặt ách thống trị cực kỳ khắc nghiệt lên đầu lên cổ người dân Việt. Sau đó là thực dân Pháp, và cuối cùng là hàng ngũ quốc tế Cộng Sản — tất cả đều đúng như Arnold Toynbee đã nói: “sự suy đồi hư hỏng thê thảm của lịch sử con người” đã đổ tràn trên dòng sử mệnh Việt.

Không chỉ có con người thuộc dòng giống Việt chịu thử thách kinh hoàng — mà cả nền văn minh tinh thần của Hùng Gia Đại Việt tối cổ từ hơn 4000 năm qua cũng chịu chung số phận đau thương với người dân đất Việt. Sống trên những thử thách hãi hùng triền miên như thế, đời sống con người còn đâu lễ nghĩa, còn đâu nhân tính, nhân cách, còn đâu nhân phẩm và còn đâu nhân tâm nữa? Thật đúng như Giambattista Vico (1668-1774) đã có lần nhận định: “Lịch sử của con người có thể biết được; bởi vì chính con người đã làm nên lịch sử; cũng như vũ trụ thiên nhiên mà chúng ta biết từ đấng Tạo Hóa; bởi vì chính đấng Tạo Hóa đã sáng tạo ra nó.”

Ngày nay nhìn vào lịch sử phát triển của cả hai nền văn minh Đông Phương và Tây Phương từ 2500 năm qua, thì đều thấy các dòng lịch sử ấy đều do con người làm ra. Những con người ấy là ai, tại sao họ làm được những điều như thế? Ai là



những kẻ tội đồ cho những suy đồi hư hỏng thê thảm trong lịch sử? Ai đã tạo ra những bi kịch não nề cho con người? Nếu mục tiêu tối hậu của Thượng Đế là cứu vãn nhân tính cho tất cả nhân loại thì con người phải làm gì để tự cứu vãn chính mình ra khỏi sự suy đồi hư hỏng thê thảm trong lịch sử? Muốn cứu vãn nhân tính cho con người thì trông vào thế quyền hay thần quyền?

Toynbee chú tâm tới không phải con người, nhà nước, mà chú tâm tới văn minh. Ông định nghĩa nó trên những ý nghĩa và giá trị tinh thần. Một nền văn minh có thể được định nghĩa như một nỗ lực để tạo nên một xã hội trong đó tất cả nhân loại sống với nhau trong cảnh thái hòa hợp nhất như những thành viên của một cơ cấu duy nhất — tất cả thành một gia đình, gia đình nhân loại (global family). Nhìn tôn giáo, Toynbee cho rằng, “tôn giáo cao cả đã giải phóng con người thoát khỏi tù ngục lao lung trong đời sống xã hội mà họ đã thừa hưởng từ tổ tiên và tiền nhân của họ. Đó là điều đã được nói đến như Thượng Đế đã đem đến cho lịch sử, coi đời sống con người như một hiện thân của đời sống tự do phóng khoáng của tâm linh đã được dâng Tạo Hóa dựng lên để vui hưởng niềm hạnh phúc bất tận sau này.”

## NHỮNG THỬ THÁCH CỦA VĂN MINH ĐÔNG PHƯƠNG

Tại Đông Phương, nơi chiếc nôi văn minh tinh thần đã sản sinh ra ba dòng đạo lý của Tam Giáo, nhưng kể từ Tần Thủy Hoàng đốt sách và chôn học trò để đem hình pháp và bạo lực vào chính trị từ hơn 2000 năm qua, thì kể từ đó đạo lý chính trị của Nghiêu - Thuấn, Văn - Vũ, Chu Công, Khổng Tử đặt ra đã bắt đầu tàn lụi để cho các chế độ quân chủ phong kiến thống trị các dân tộc Đông Phương suốt bao ngàn năm qua. Từ ngày Đồng Trọng Thư đặt ra trật tự quân thần, tức ba giòng mối chính trong xã hội là Quân - Sư - Phụ thì Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín cũng không còn được các vương quyền và các nho quan từ đời nhà Hán đến đời nhà Thanh chú tâm nữa. Vì thế

đạo lý của Tam Giáo vẫn còn sống trong dân gian, nhưng đã thực sự chết trong đời sống chính trị và chết luôn trong lịch sử con người Đông Phương.

Nhân trị, đức trị và lễ trị rút ra từ ngũ kinh của Nho Giáo chỉ còn là hư văn cho bọn nho quan tâm chương tích cú để tìm kiếm bả lợi danh ích kỷ cho riêng thân mình. Hình pháp và bạo lực của đao kiếm cũng như trật tự quân thần là quân - sư - phụ trở thành phương tiện hữu hiệu để biện minh sự chính thống và chính danh cho các vương quyền và nho quan bảo vệ những chiếc ngai vàng mục nát của họ. Đó là chỗ tai hại cho tinh thần tôn quân; không phải của Nho Giáo; mà là của TẦN NHO, HÁN NHO, TỐNG NHO hay THANH NHO suốt bao ngàn năm qua.

Vì thế xưa Phu Tử thường nói: “Quân tử có dũng mà không có lễ thì dễ làm loạn, tiểu nhân có dũng mà không có nghĩa thì sẽ làm giặc.” Trong lúc ấy minh quân xuất hiện trong lịch sử rất hiếm. Phần đông các vua quan đều là loại người phi lễ nghĩa, phi nhân tính, phi nhân cách, nhân phẩm và nhân tâm nên “sự suy đồi hư hỏng thâm trọng trong lịch sử con người” như Toynbee đã nhận xét.

Đối với nòi giống Việt, để sống còn và tiến hóa, con người đã phải phấn đấu triền miên với nạn đao kiếm của tất cả các triều đại của người phương Bắc. Những cuộc tranh hùng với Tần - Hán - Đường - Tống - Nguyên - Minh - Thanh đã vẽ lên toàn bộ lịch sử đau thương của đất Việt. Nền văn minh Việt vừa chớm nở đã bị vây hãm và đè bẹp bao ngàn năm qua mà chưa một lần có cơ hội phục hoạt, hồi sinh lại thì làn sóng Thực Dân và sau đó là Cộng Sản đã tìm mọi cách để hủy diệt trọn vẹn nền đạo lý cổ xưa của tổ tiên. Nước mất , nhà tan vì thế!

Vì thế những con người thời đại hôm nay không thể không học những bài học đau thương và nhục nhã trong suốt bao ngàn năm lịch sử bão bùng đó của nòi giống mình — một nòi giống mà đặc tính là NHU - THUẬN của người phương Nam. Tự ngàn xưa khi Tử Lộ hỏi Khổng Tử về cái tính hùng

cường của con người, Khổng Tử giảng giải: “loại người mặc áo giáp, lưng đeo cung, ngồi trên mình ngựa, coi cái chết tựa như lông hồng; đó là cái mạnh của người phương Bắc. Loại người còn lại, khoan hòa, uyển chuyển, nhân ái và nhu thuận; họ thường có lòng nhân từ bất báo kẻ vô đạo — đó chính là cái mạnh của người phương Nam. Người quân tử thích cái mạnh đó. (khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo, Nam phương chi cường dã, quân tử chi ca) (Luận Ngữ, chương X)

Nhờ cái đặc tính nhu thuận đó mà dân tộc Việt còn sống còn đến ngày nay. Khốn thay! Khốn thay! Nếu nòi giống Việt từ bao ngàn năm không bị Hán hóa hay tiêu diệt cũng nhờ bản tính nhu thuận của mình - thì giờ đây cái tinh thần dân tộc cao quý ấy đã bị chính Hồ Chí Minh và đảng CSVN vây hãm, vùi dập và phá hủy tận gốc rễ để chúng dễ bề ngồi trên đầu trên cổ dân tộc để hiếp đáp và hành hạ suốt 70 năm qua. ĐÓ LÀ CÁI TAI HẠI CỦA NHỮNG KẺ VÔ THẦN. Trong lúc bọn Tần Nho, Hán Nho, Minh Nho, Tống Nho và Thanh Nho có bạo ngược tham tàn, độc ác và bất nhân thật, nhưng vẫn chưa phải là những con người vô thần như Cộng Sản. Cộng Sản là những kẻ mù lòa vì những tham vọng thấp hèn trước danh lợi ích kỷ cho riêng mình, riêng đảng của mình mà đang tâm hủy diệt tận gốc rễ gia sản tinh thần của nền văn minh Việt đã xây đắp từ hơn 4000 năm qua. Chính từ đó cái tinh thần “khoan nhu dĩ giáo, bất báo kẻ vô đạo” truyền thống của người dân Việt đã bị chôn vùi tiêu hủy bởi tính cách vô thần của Cộng Sản Việt-Nam.

Mục đích của duyệt xét lại lịch sử văn minh là làm sáng tỏ thứ chính trị hữu đạo và chính trị vô đạo trong suốt bao ngàn năm lịch sử. Cái lầm lạc tai hại nguy hiểm của con người là nhìn Tần Nho, Hán Nho, Minh Nho, Tống Nho và Thanh Nho mà cứ tưởng đó là con đường đạo lý chính trị của Nghiêu-Thuấn, Văn-Vũ, Chu Công và Khổng Tử nên đã lên tiếng chê bai, lảng nhục và khước từ chính giáo. Làm sao con người có thể đồng hóa giữa hình pháp và bạo lực của Tần

Thủy Hoàng và tất cả các triều đại quân chủ chuyên chế của Trung Hoa với con đường vương đạo các tiên nho?

Ngày nay muốn xét xem đâu là chính đạo và đâu là tà đạo thì cứ nhìn quả biết cây: bởi

1. Nếu đường lối chính trị của một quốc gia theo con đường vương đạo thì chắc chắn dân sẽ hưởng được ngũ phúc: SỐNG THỌ, GIÀU CÓ, YÊN VUI, NHÂN ĐỨC, CHẾT GIÀ TRONG BÌNH AN.

2. Nếu đường lối chính trị quốc gia theo con đường bá đạo, tức chỉ dùng hình pháp và bạo lực thì chắc chắn dân sẽ chìm đắm trong lục cực: CHẾT NON, SỐNG BỆNH TẬT, LO ÂU TUYỆT VỌNG, NGHÈO KHÓ GIAN NAN, HAY GÂY TỘI ÁC, SỐNG YẾU ĐUỐI VẬT VỜ. (Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ)

Khi nhà Thanh đi vào suy thoái, Khang Hữu Vi, Đàm Tử Đồng và Lương Khải Siêu đã nhờ các giáo sĩ Kito giáo đến truyền đạo tại Trung Hoa giúp cho họ hiểu được một phần về văn minh Tây Phương, nhưng vì thiếu sự hiểu biết sâu xa và những kiến thức về Tây Phương nên cuộc cách mạng Tân Hợi chỉ đưa ra những khái niệm lơ mơ về dân tộc, dân sinh và dân quyền. Mặc dù họ đã nỗ lực không ngừng để tìm kiếm một giá trị tổng hợp Đông - Tây, nhưng giá trị cốt lõi của Nguyên Nho không được làm sáng tỏ. Trong lúc các giá trị cột trụ của văn minh Tây Phương là TRIẾT HỌC, KHOA HỌC và THẦN HỌC THIÊN CHÚA GIÁO họ không nắm được, nên mục đích tổng hợp của họ đã thất bại. Bởi vì đạo lý cổ xưa đã tàn tạ, héo úa; còn cái mới chưa học xong. Sự bế tắc của lịch sử nằm ở đó.

## NHỮNG THỬ THÁCH CỦA VĂN MINH TÂY PHƯƠNG

Nếu nền văn minh tinh thần của Tam Giáo tại Đông Phương đã chịu đựng thử thách khốc liệt hơn 2000 năm qua vì chủ trương cai trị con người là hình pháp và bạo lực của tất cả mọi triều đại từ nhà Tần đến nhà Thanh — thì tại Tây Phương nền văn minh tinh thần của Kito giáo cũng phải trải qua gần 2000 năm thử thách, không chỉ với các vương quyền từ thời Constantine

(306-377) đến thời Philip IV của Pháp vào thế kỷ 13 và 14 mà tiếp theo đó là thời phục hưng, rồi thời kỳ cách mạng khoa học, thời đại ánh sáng và sau chót là các làn sóng cách mạng xã hội tại Pháp và cách mạng của phong trào Cộng Sản vô thần vào thế kỷ XX.

Như vậy ánh sáng của Cựu Ước và Tân Ước đã truyền vào Tây Phương từ 2000 năm và trải rộng khắp thế giới tối thiểu là 500 năm nay. Tuy nhiên đạo lý của Thiên Chúa lại quá chú trọng vào phần công truyền (Formalism) mà rất ít người chú ý tới phần TÂM TRUYỀN mà chính Chúa Jesus Kito muốn đem đến cho tất cả nhân loại trong Tân Ước.

Vào thời đầu của Trung Cổ, cả Âu Châu bước vào thời đại của bóng tối (Dark Age) (476-1000). Người ta cho rằng con người phải sống vào thời đại của bóng tối; bởi vì họ đã đánh mất đi ánh sáng của văn minh Thượng Cổ Hy Lạp như triết lý khoa học, ngôn ngữ và luật pháp. Hy Lạp và La Mã đúng là chiếc nôi của văn minh Tây Phương, ở đó các triết gia và các nhà khoa học luôn luôn chú tâm tới việc khám phá những luật lệ thiên nhiên đang vận hành trong vũ trụ. Con người luôn luôn tin tưởng vào triết lý — bởi vì triết lý có nghĩa là: TÌNH YÊU với KIẾN THỨC và MINH TRIẾT.

Đầu tiên các triết gia cố gắng để tìm hiểu xem thế giới đến từ đâu và cái gì làm ra thế giới đó. Ngày nay được gọi là sự tìm kiếm của khoa học. Người Hy Lạp dùng triết học và khoa học để tìm kiếm sự thật về con người. Socrates kêu gọi và khuyến khích con người sử dụng lý trí để tìm kiếm, học hỏi. CUỘC THẢO LUẬN TRƯỚC TIÊN CỦA TRIẾT HỌC LÀ THẢO LUẬN VỀ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA NGƯỜI VÀ NGƯỜI; GIỮA NGƯỜI VÀ VŨ TRỤ THIÊN NHIÊN TRONG VŨ TRỤ. Socrates — con người đáng kính của thành Athens, ông là người đầu tiên đi tìm minh triết và ý nghĩa cuộc đời. Ông tin tưởng rằng CÓ NHỮNG LUẬT LỆ TRONG VŨ TRỤ ĐỂ GIẢI THÍCH VŨ TRỤ, VÀ VÌ VŨ TRỤ CÓ NHỮNG ĐIỀU TỐT ĐẸP VÀ CÔNG LÝ. TỪ ĐÓ CON NGƯỜI SẼ BIẾT VỀ CHÍNH HỌ ĐỂ TẠO RA NHỮNG

## TIÊU CHUẨN HAY QUI LUẬT CHO CUỘC SỐNG CHO HỌ.

Phải thờ cúng các vị thần trong truyền thống Hy Lạp và chú tâm tới hạnh phúc chung của Đô Thị.

Sau Socrates, Plato đã khai sinh ra chế độ cộng hòa. Đó là con đường chính trị vương đạo như Đông Phương. Quốc gia phải đặt trên nền móng công lý và các công dân phải trung thành với quốc gia và quốc gia được cai trị bởi các vương quyền cũng là các triết gia.

Người Hy Lạp tự tin rằng con người có khả năng để cai trị chính mình. Vì thế Đô Thị đã khuyến khích các công dân phát triển những tài năng của họ. Đô Thị không những cho công dân quyền chính trị mà còn tạo nhiều cơ hội để người dân được phát triển tất cả tiềm năng của họ.

**ĐÔ THỊ ATHENS LÀ TRUNG TÂM VĂN HÓA CỦA THẾ GIỚI THƯỢNG CỔ VÀ LÀ CHIẾC NÔI CỦA VĂN MINH TÂY PHƯƠNG.** Nền dân chủ tại Athens phát triển từ từ, bắt đầu từ 1200 đến 800 B.C.. Hy Lạp theo tôn giáo đa thần. Đứng đầu là thần mặt trời (Zeus), con gái của thần mặt trời là nữ thần của minh triết (Athena), người con gái kế tiếp là nữ thần của tình yêu (Aphrodite) và thần ánh sáng, âm nhạc và thi ca (Apollo). Như vậy ba cột trụ chính của văn hóa Hy Lạp **MINH TRIẾT, TÌNH YÊU, và ÁNH SÁNG.** Ngoài ra còn rất nhiều vị thần khác nữa. Tất cả đều sống trên núi Olympas tại Hy Lạp. Vì vậy **TRIỆT LÝ HY LẠP LUÔN LUÔN MANG MÀU SẮC TÔN GIÁO.** Tuy nhiên vào thời Phục Hưng (1350-1600) và thời Ánh Sáng vào thế kỷ 17 các triết gia Tây Phương phần đông đã bỏ quên luôn màu sắc tôn giáo trong truyền thống Đa Thần của Hy Lạp để tôn sùng khoa học vật chất mà thôi. Đó là tất cả đặc tính của thời hiện đại (modern age) (1350-2007).

Ngày nay muốn hiểu tại sao nền văn minh tinh thần (spiritual civilization) của Âu Châu rơi vào cơn khủng hoảng từ hơn 600 năm qua, người ta phải duyệt xét lại những giai đoạn phát triển và thăng trầm của Kito giáo. Trong đó **GIÁO HỘI TIÊN KHỞI** bắt đầu từ năm 42 A.D. do các thánh Phao Lô (Paul) và

thánh Phê Rô (Peter) truyền vào La Mã. Đây là giai đoạn tinh ròng nhất của đạo lý Kito giáo, nhưng đã trải qua gần 300 năm bị bách hại từ mọi phía, nhất là các vương quyền La Mã đều cảm thấy giáo lý của Tân Ước rất nguy hiểm cho ngôi thiên tử của họ và nguy hiểm cho cả các vị thần linh của họ nữa. Càng bị bách hại thì máu tử đạo càng nhiều hào quang rực rỡ.

Từ triều đại của Constantine (303-377) của Tân La Mã, cả dân Âu Châu đã được Kito hóa nên Giáo Hội được Constantine ban cho nhiều nhà đất và rất giàu có, nhưng thế quyền vẫn là tối thượng và tôn giáo bị kiểm soát chặt chẽ.

Tại các nước Đông Âu, các hoàng đế sau Constantine đã cai trị tôn giáo bằng những bàn tay sắt. Trong đó Caesar đã hành động như một vị giáo hoàng và xen trực tiếp vào những việc của Giáo Hội.

Trong lúc đó Giáo Hội luôn luôn tìm mọi cách để chống lại thế quyền và bảo vệ sự độc lập của Giáo Hội. Đến thời của giáo hoàng Leo I (440-461) thì quyền tài phán riêng tư của Giáo Hội đã đạt được. Vào cuối năm 455, giáo hoàng Galasius I (492-496) đòi hỏi QUYỀN NĂNG CỦA GIỚI TẶNG LỬ PHẢI TỐI THƯỢNG HƠN QUYỀN NĂNG CỦA CÁC VUA. Tuy nhiên vị trí độc lập của Giáo Hội luôn luôn bị đe dọa bởi tham vọng của các vương quyền. Vì thế đến thời giáo hoàng Gregory The Great (590-604) luôn luôn phải có những cuộc thương thuyết với hoàng đế Lombard để được độc lập.

Đứng trước bao áp lực mạnh mẽ của thế quyền, Giáo Hội còn bị rơi vào tình trạng chia rẽ thành Giáo Hội Tây Âu và Đông Âu. Giáo Hội Tây Âu nói tiếng La Tinh và Giáo Hội Đông Âu thì nói tiếng Hy Lạp. Cả hai đều muốn độc lập với thế quyền nhưng cả hai đều thất bại.

Giáo Hội Tây Âu thường độc thân vì họ được khuyến khích theo văn hóa tu viện.

Giáo Hội Đông Âu cho phép tu sĩ lấy vợ, nhưng các giám mục thì tuyệt đối cấm. Giáo Hội Đông Âu chỉ tin vào Thánh Kinh và họ không tin vào các lời dạy của Roma.

Đến năm 754, đức giáo hoàng Stephen II (752-757) bắt đầu có nhiều hành động chống lại hoàng đế Lombard. Tại vương quốc Pháp, vào triều đại của Charlesmagne (768-814) đã dùng mọi nỗ lực để bảo vệ giáo hoàng và ông đã xâm lăng nước Ý và hoàng đế Lombard đã phải đầu hàng. Charlesmagne đã bắt dân Anh phải Kito hóa một cách hết sức tàn bạo. Sau đó lan đến các quốc gia khác như Bỉ, Hòa Lan, Thụy Sĩ và Tây Ban Nha.

Vào chóp đỉnh của thời Trung Cổ (1000-1300), đây là giai đoạn phát triển toàn vẹn tiềm năng của văn minh Trung Cổ. Các chế độ quân chủ xuất hiện tại Pháp, Anh và Đức. Nghị viện là nơi hội họp để bàn về quyền hành và quyền lợi của tầng lớp quý tộc, tu sĩ và thứ dân.

Cho mãi đến thế kỷ 12 mới thực sự là thời phục hưng của các giá trị cổ xưa. **GIÁO HỘI ĐỘC LẬP VỚI CÁC VƯƠNG QUYỀN ĐỂ MỞ ĐẦU CHO GIAI ĐOẠN TÁCH GIÁO HỘI RA KHỎI NHÀ NƯỚC** (separation of church and state). Trong các cuộc phấn đấu liên tục giữa Giáo Hội và thế quyền đã làm nảy sinh tư tưởng cải cách tôn giáo sau những thời gian đen tối để chu toàn nhiệm vụ tinh thần (spiritual mission) của Giáo Hội.

Trong vương quốc Đức vào thời Ott (936-973) đến với Giáo Hội, các tổng giám mục và các bề trên (abbots) và biến họ thành những kẻ phục vụ trong guồng máy hành chánh. Năm 961, hoàng đế Ott đã gọi giáo hoàng John XII (955-964) để quì xuống cho giáo hoàng đội triều thiên lên đầu, nhưng Giáo Hội chỉ là lưỡi gươm của vương quyền. Ott kiểm soát chặt chẽ tôn giáo và tuyên bố rằng: “**TỪ NAY KHÔNG CÓ GIÁO HOÀNG NÀO NHẬN CHỨC MÀ KHÔNG THỂ TRUNG THÀNH VỚI HOÀNG ĐẾ.**”

Tuy nhiên vào thời Henry IV (1056-1106) một vị giáo hoàng Stephen IX thuộc phe cải cách đã bắt đầu công khai tuyên bố: “**GIÁO HOÀNG ĐẲNG QUANG MÀ KHÔNG CẦN HOÀNG GIA PHÊ CHUẨN NỮA.**” Vào thời giáo hoàng Nicolas II (1059-1061) đã thành lập Hội Đồng Hồng Y (the



college of Cardinal) vào năm 1059" để khai sinh ra cơ cấu tuyển chọn giáo hoàng. Chỉ trước đó 13 năm, HOÀNG ĐẾ HENRY III ĐÃ TỰ Ý TRUẤT PHẾ BA GIÁO HOÀNG VÀ LẬP MỘT GIÁM MỤC ĐỨC CAI QUẢN GIÁO HỘI. ĐÓ LÀ ĐỨC GIÁO HOÀNG CLEMENT II (1046-1047).

Những thái độ kiêu căng như Henry III đã chấm dứt sau năm 1059 khi Hồng Y đoàn đã được thành lập và tuyên bố hoàn toàn độc lập với vua nước Ý và các vua ở ngoài.

Tuy nhiên đến thời Henry IV là người vẫn muốn nuôi dưỡng đặc tính thần quyền trong đế quốc của ông. GIÁO HỘI và GIÁO HOÀNG là những thành phần không thể tách khỏi vương quyền. Năm 1084, Henry IV thống trị tuyệt đối và lập nên một lực lượng chống giáo hoàng (anti-pope). Xử dụng giáo hoàng Clement III và buộc giáo hoàng của Giáo Hội là Gregory phải lưu đày biệt xứ.

Và vương quyền và thế quyền luôn luôn tương tranh với nhau khốc liệt. Những cuộc va chạm và tương tranh vẫn tiếp tục diễn ra vào thế kỷ thứ 13 và 14 giữa giáo hoàng Boniface VII và vua nước Pháp là Philip IV.

## BỐI CẢNH LỊCH SỬ THỜI PHỤC HƯNG (1350-1600)

Thời Phục Hưng đã đem đến cho Âu Châu một tinh thần mới với những đặc tính như sau:

- 1 - Từ thời trung cổ bước sang thời Hiện Đại (Modern Age)
- 2 - Đề cao chủ nghĩa cá nhân và tự do cá nhân
- 3 - Đề cao quyền lợi và thú vui phàm tục
- 4 - Xóa bỏ Chủ - Nô
- 5 - Đòi hỏi tinh thần độc lập các quốc gia
- 6 - Không quan tâm tới kiếp sau khi chết
- 7 - Muốn tách khỏi đức tin Kito giáo.

Mẫu người của thời Phục Hưng phát huy niềm tin vào chính họ. Cố gắng tìm kiếm sự hiểu biết và phiêu lưu để tìm đất mới. Con người muốn làm ra thật nhiều tiền để sống thoải mái và sa hoa. Họ cho rằng Giáo Hội chỉ chú ý tới đời sống

tin thần, ngược hẳn lại những khao khát trần thế. Giá trị của tiền của vật chất gia tăng và bành trướng khắp nơi làm cho ảnh hưởng của quân chủ phong kiến phai mờ dần. Thời Phục Hưng không phải xảy đến trong một đêm mà là ảnh hưởng và thành quả của sự lớn mạnh bắt đầu từ cuối thời Trung Cổ. Khi các giá trị vật chất gia tăng và trở nên quan trọng thì quyền kiểm soát đất đai của giai cấp phong kiến và quyền kiểm soát của Giáo Hội cũng mất dần từ đó. Bởi vì con người thời đại Phục Hưng chỉ chú trọng tới các cuộc truy hoan trần thế. Rốt cuộc chính giới tăng lữ cũng bị cuốn hút theo làn sóng vật chất này.

Thời kỳ Phục Hưng bắt đầu từ Ý rồi lan dần ra khắp Âu Châu. Ông hoàng của thời Phục Hưng là Lozenro de Medici sẵn sàng hỗ trợ cho các học giả và từ đó chủ nghĩa nhân bản (Humanism) là lực lượng dẫn đầu cho thời Phục Hưng. Quan điểm của chủ nghĩa nhân bản đã tác động, ảnh hưởng và uốn nắn những suy tư của các nghệ sĩ, các nhà văn và các nhà khoa học. Từ đó con người hồi tưởng lại thời cổ đại Hy Lạp và La Mã đều có những lối sống như thế. Chủ nghĩa nhân bản đã nghiên cứu kỹ lưỡng các dòng văn chương và nghệ thuật của Hy Lạp và La Mã để tìm kiếm hứng khởi cho những sáng tạo của họ.

Đặc biệt hơn cả là tư tưởng chính trị của thời Phục Hưng đã gây nên những ảnh hưởng không sao tưởng tượng được. Tại thành Florence, một người Ý đã xuất hiện như một tư tưởng gia chính trị thiên tài. Đó là Machiavelli với tập sách thật mỏng của ông là *Le Prince* để dạy cho các ông hoàng Âu Châu đi nắm đầu thiên hạ suốt gần 700 năm qua trên toàn thế giới. Machiavelli được mô tả là tổ tiên của tất cả các nhà độc tài trên toàn thế giới. Nếu tư tưởng pháp gia của Hàn Phi Tử, Lý Tự và Thương Ương đã giúp cho Tần Thủy Hoàng và tất cả các triều đại tại Trung Hoa làm tình làm tội các dân tộc Đông Phương thì Machiavelli đã dạy cho tất cả các nhà độc tài nắm đầu trên toàn thế giới. Cuốn *Le Prince* không chỉ đem đến cho các ông hoàng thời phục hưng có một kỹ thuật siêu việt để thâm tóm quyền lực và duy trì quyền lực, mà ảnh hưởng của nó

đã tạo thành các làn sóng cách mạng thật đẫm máu. Chính làn sóng QTCS cũng từ chiếc nôi này mà bước ra đi gieo rắc đau thương cho tất cả nhân loại.

Machiavelli dạy các nhà độc tài rằng:

1 - Phải có sức mạnh. Muốn có sức mạnh thì phải biết độc ác và tàn bạo với con người.

2 - Đừng rụt rè e ngại khi phải lừa đảo, trí trá và gạt gẫm tất cả mọi người.

3 - Đừng coi luật pháp là gì cả! Bởi vì sức mạnh của bạo lực là luật rồi.

Vì thế Machiavelli được những con người còn biết tôn trong đạo lý và tình yêu của con người nói về Machiavelli như sau:

“Đây là ngôn sứ của bầy quỷ dữ (A spoken man of Devil) và vị ngôn sứ ấy đã khơi đúng cái mạch sống tiềm ẩn nơi mặt trái tồi tệ nhất của con người trần thế. Tàn bạo, phũ phàng, độc ác, nham hiểm, trí trá, lọc lừa, phỉnh phờ, lường gạt tất cả mọi người miễn là nắm được và duy trì được quyền lợi chính trị. Đó là tất cả lý do tại sao Toynbee nói rằng: “Những suy đồi hư hỏng thâm trọng trong lịch sử con người.” Tư tưởng này đã ảnh hưởng trực tiếp vào tất cả các cuộc cách mạng thuần túy bạo lực trên toàn thế giới.

**NHỮNG BIẾN CỐ LỚN SAU THỜI PHỤC HƯNG (1450-1632)**

1 - Đó là cuộc cách mạng khoa học. Khởi đầu là của nhà thiên văn Copernicus, rồi Galileo, Newton, Kepler, Descarter và Bacon. Có thể gọi họ là những nhà thiên nhiên học (naturalists), hay các nhà khoa học tự nhiên hay các nhà vật lý và các nhà thiên văn .

Trên mức độ nghiên cứu thực nghiệm, vật lý được nhìn như thứ khoa học tự nhiên, và hầu như các nhóm khoa học đều thuộc về khoa học tự nhiên. Trong những trường hợp sau này ngành vật lý hay khoa học tự nhiên gồm có cả những lãnh vực như thiên văn, cơ học, nhãn khoa, thính thị và động cơ, nam châm, điện lực, và đôi khi có cả hóa học, sinh vật học và ngay cả tâm lý học cũng được coi là đứng dưới sự hướng dẫn của

khoa vật lý, hoặc khoa học tự nhiên. Bởi vì sự liên hệ của vật lý với các ngành khoa học khác, hoặc các phần khác của triết lý, điều đó dẫn đến tư vấn chẳng hạn như — hoặc giả vật lý là môn học siêu đẳng giữa các khoa học, nghiên cứu, học hỏi về tính chất thiên nhiên căn bản nơi các sự vật, hoặc vật lý là tất cả khoa học.

Các nhà khoa học cho rằng mục tiêu của các cuộc nghiên cứu về một thế giới linh động với mọi sự đang biến dịch chuyển hóa (motion). Trong bất cứ quan điểm của ai, nếu khoa học tra xét nghiên cứu những thực tế linh động; nếu không cố gắng nắm được những chuyển động của thực tế linh động đó hay chỉ nói tới một cách khái quát, nếu không bám sát để chăm chú tới hiện tượng về sự biến dịch chuyển hóa, thì sau đó không nắm được cái đặc tính của vật lý hay khoa học tự nhiên.

Những nhà vật lý lúc ban đầu ở Hy Lạp, thời tiền Socrates, đó là những người mà Plato và Aristostle đã đề cập đến — họ đã bắt đầu nghiên cứu về sự chuyển dịch với những suy luận về nguồn gốc khởi nguyên, nằm bên ngoài, hay bên trên — hoặc là khởi nguyên của các hiện tượng thiên nhiên.

Đến thời Newton, Ông có thể gọi những công trình của ông là triết lý thiên nhiên, ông cũng đưa đến cho nó một thứ triết lý có thí nghiệm. Trước kia chỉ có suy tư mà không có thí nghiệm. Newton tuyên bố: “Thiên nhiên trong sáng với sự đơn giản và những tầm ảnh hưởng xuất phát từ những nguyên nhân cũng thấy có sự rườm rà vào cả trong phần mở đầu cuốn sách: “Mathematic Principle of Natural Philosophy) ông đã đặt xuống những nguyên tắc về triết lý, và cả toán học. Từ đó chúng ta có thể xây dựng những lý lẽ của chúng ta khi nghiên cứu về triết lý. Những nguyên tắc này là những luật lệ về sự chuyển dịch. Từ những nguyên tắc như thế Newton đã cố gắng chứng minh về một hệ thống của thế giới thiên nhiên.

Còn Bacon thì nhấn mạnh đến kiến thức thực tiễn đem đến cho chúng ta quyền lực để kiểm soát thiên nhiên và sau đó làm ra những sản phẩm. Bacon tách triết lý tự nhiên ra khỏi triết lý nhân sinh và triết lý xã hội và chia tiếp triết lý tự

nhiên thành hai phần suy tư chính — vật lý và siêu hình học và hai ngành thực hành chính là cơ học và ảo thuật.

Newton mở ống kính thiên văn với một câu nói: “sự thiết kế của tôi trong cuốn sách này không phải để giải thích về số lượng ánh sáng bởi một giả thuyết mà để đề nghị và chứng minh bằng lý trí. Như một nhà thí nghiệm, tôi cảm thấy gắn liền với thí nghiệm...”

Chính Galileo cũng đã liên kết giữa toán học và thí nghiệm trong những công trình nghiên cứu thế giới thiên nhiên của ông.

Descartes khi thảo luận về nghiên cứu thiên nhiên, ông đã hưởng thẳng tới khuynh hướng thí nghiệm (experimentalism). Descartes tuyên bố: “những thí nghiệm trở thành quá cần thiết — hơn nữa đó là một kiến thức tiến bộ. Khoa học được coi như là kiến thức đã được tìm thấy trong cuộc thí nghiệm, hoặc tối thiểu là trên những quan sát. Đó là điều thiếu sót của thời thượng cổ; họ không có thí nghiệm như thời hiện đại.

Bacon và Descartes dường như là những người đầu tiên nhận định rằng kiến thức là thí nghiệm tự nguồn gốc và phải đem nền tảng đó áp dụng vào kỹ thuật. Các phương tiện khoa học quá cần thiết, không kém gì máy móc và những phát minh khoa học ước mong sản xuất được. Khoa học thực nghiệm vì vậy là một sáng tạo và từ đó con người tạo ra kỹ thuật.

Vào thế kỷ 19, Augustine Comte sáng tạo nên một chủ thuyết, dưới tựa đề triết lý thực chứng (positive philosophy), đã công khai tuyên bố rằng chỉ có những khoa học thực chứng (positive science), nghiên cứu về những hiện tượng thiên nhiên tinh thần và xã hội bằng phương pháp thực nghiệm — mới đáng gọi là “khoa học” trong ý nghĩa đáng ca ngợi của chữ khoa học. Ngược lại, triết lý chỉ thuần túy là suy diễn, và tôn giáo là thứ mê tín dị đoan.

QUAN ĐIỂM CỦA COMTE LÀM THÀNH MỘT THÁI ĐỘ PHỔ QUÁT CẢ THẾ GIỚI NGÀY NAY DƯỚI NHÃN HIỆU THỰC CHỨNG (positivism). Nhận ra khoa học với kiến thức rõ rệt như một sự kiện hiển nhiên phải giới hạn thứ kiến thức

đó rồi dẫn đến những kết luận, sau đó kiểm chứng lại bằng cách thực nghiệm. Bất cứ cái gì không hợp với quan niệm về khoa học, thì một là toán học, hoặc là luận lý, giống như triết lý và tôn giáo — đó chỉ là thứ đoán mò, ý kiến này nọ, hoặc tín ngưỡng riêng tư, chủ quan và quá vu vơ.

Tâm lý học được coi là ngành của triết lý, hay là nhà khoa học và tuyên bố tâm lý học là thứ khoa học thực chứng. Theo Freud cho biết, vì xã hội học là môn học lo về nhân cách của con người trong đời sống xã hội. Không có gì ngoài việc áp dụng tâm lý học vào xã hội học. Trong cuốn “New Inductory Lectures on Psycho-analysis” Freud cho rằng, điều cần nói là không có một nguồn gốc nào của kiến thức trong vũ trụ, mà chỉ có dẫn đường của trí thức với tất cả sự thận trọng trong việc kiểm chứng lại sự quan sát khách quan. Freud công khai tuyên bố: “Khoa học là ngành học của sinh hoạt trí thức về con người và rằng tôn giáo và triết lý chỉ có giá trị tối thiểu như một sự đe dọa tới sự thống trị của khoa học trên con người và xã hội: “CHỈ CÓ MỘT MÌNH TÔN GIÁO THỰC SỰ LÀ MỘT THỨ KẼ THÙ NGUY HIỂM.” Tôn giáo và khoa học có thể được coi là tương xứng nếu tôn giáo đem đến cho những con người một điều gì đó đẹp đẽ mỹ miều hơn, thoải mái dễ chịu hơn, và cao thượng sáng giá hơn bất cứ thứ gì mà họ không bao giờ có được từ khoa học.

Nhưng tôn giáo không thể nói như thế, Freud nghĩ rằng, mà không mất đi “tất cả ảnh hưởng với đám đông của nhân loại.”

“Chỉ có một mình khoa học mà thôi mới có thể đi tới với lời giải đáp cho thực tế.” Đó là sự “giải đáp thỏa đáng với thế giới ngoại lai thực sự mà chúng tôi gọi là chân lý. Vì lẽ đó khi tôn giáo kêu nài rằng tôn giáo có thể đứng vào chỗ đứng của khoa học và rằng đó là một lợi ích cao thượng — lời tuyên bố đó, trên thực tế chứng minh rằng, đó là một vi phạm, từ đó vì quyền lợi của mọi người, điều đó phải được chống lại.” Sự thật tôn giáo có thể nói là: “ĐÂY LÀ MỘT SỰ VIỆN CÓ THẬT, ĐÓ LÀ TÔI KHÔNG THỂ ĐEM ĐẾN CHO CÁC ANH ĐIỀU MÀ ĐÁM ĐÔNG GỌI LÀ CHÂN LÝ; ĐỂ CÓ

THỂ CÓ ĐƯỢC ĐIỀU ĐÓ CÁC ANH PHẢI TÌM ĐẾN VỚI KHOA HỌC. Both together would be outcast from human culture.

Đối với Freud, cả hai thứ đó (triết lý và tôn giáo) đều phải quăng ra khỏi văn hóa của con người. TRIẾT LÝ KHÔNG CÓ GÌ HƠN TÔN GIÁO, CẢ HAI PHẢI THAY THẾ BẰNG KHOA HỌC. Đó là cái gì mà Freud cho là hy vọng sáng sủa nhất cho tương lai: “TRÍ THỨC - VỚI TINH THẦN KHOA HỌC VÀ LÝ TRÍ - ĐÃ ĐẾN ĐÚNG THỜI ĐIỂM THIẾT LẬP NÊN MỘT NỀN ĐỘC TÀI TRÊN TRÍ TUỆ CỦA CON NGƯỜI (intellect - the scientific spirit, reason - should in time establish a dictatorship over human mind). (viết theo The Great Ideas, chapter 83)

## 2 - THỜI KỲ ÁNH SÁNG VÀ LÀN SÓNG CHỐNG KITO GIÁO

Tiếp theo cuộc cách mạng khoa học là thời kỳ Ánh Sáng. Các triết gia và giới văn chương vào đầu thế kỷ 18 đã bị cuốn hút vào những khám phá mới do các nhà khoa học đem đến cho con người tại Âu Châu. Với tất cả những nhiệt tình nóng bỏng, các triết gia và các học giả chóa mắt vì những hào quang của chân lý mới do các ngành thiên văn và khoa học tự nhiên đưa ra. Vì thế họ đã đặt ngay ra những mục tiêu như tấn công vào các chế độ cổ hũ (ancient regimes), tỏ ra hoài nghi và tấn công vào thành trì của Kito giáo và Giáo hội. Họ quay qua tôn sùng chủ nghĩa nhân bản của Thời Phục Hưng. Đối với những con người thời đại, lợi ích và thú vui trần thế phải được đề cao và khuyến khích. Họ tự thấy con người nay đã trưởng thành nên không còn tin vào Thiên Chúa và thần thánh nữa.

Các triết gia và các học giả, thi sĩ, nhạc sĩ, văn sĩ, họa sĩ trong nhóm Bách Khoa tại Paris là trái tim của thời kỳ Ánh Sáng. Những nhà cải cách chính trị từ Edinburgh đến Naples, từ Paris đến Berlin, từ Boston đến Philadelphia đều liên kết lại với nhau để đăng đàn diễn thuyết về chủ nghĩa nhân bản, chủ

nghĩa thế tục (secularism) và cá nhân chủ nghĩa. Họ cổ súy tự do với nhiều hình thức của nó, tự do thoát khỏi quyền năng độc đoán, tự do ngôn luận, tự do kinh tế thương mại, tự do phát triển tài năng, tự do sáng tạo cái chân - thiện - mỹ.

Những nhóm người khác thì tham gia vào các khuynh hướng vô thần (atheism) và tôn thờ vật chất thế gian (materialism). Bên cạnh đó là những tự tưởng gia chính trị, xã hội đã tìm mọi cách để đề cao và phát huy những tư tưởng dân chủ. Người ta đề cao nhất là chủ nghĩa nhân bản phàm tục (secular humanism) để ồn ào chống lại mục tiêu cao cả của tôn giáo. Những con người thời đại Ánh Sáng là nhóm người ồn ào náo nhiệt nhất. Họ soạn thảo ra một chiến lược chính trị bằng cách tạo ra sự hận thù ngàn ngạt với Giáo Hội và nhà nước, và dồn mọi nỗ lực tranh đấu để dành ưu thế.

Họ biến Paris trở thành tổng hành dinh và là trung tâm của trí thức Âu Châu, và các triết gia của các quốc gia khác tuyên bố họ là môn đồ của các cây viết Pháp. Bởi vì Paris chính là Athens của thời hiện đại, MỘT THỦ ĐÔ ĐỂ DẬY DỖ VÀ NHÀO NẶN ÂU CHÂU. Vào đầu năm 1706, Lord Shaftesbury đã viết cho Jean Le Clere: “ĐÃ CÓ MỘT ÁNH SÁNG ĐẦY QUYỀN NĂNG ĐANG CHIẾU RỌI KHẮP THẾ GIỚI.” Những con người làm nên ánh sáng đó gồm có Voltaire, Rousseau, Diderot, Wieland, hoặc David Hume,...

Chủ nghĩa thực nghiệm của Anh (Bacon, Newton, và Locke) đã chuyển đổi thành chủ nghĩa duy lý (rationalism). MỤC TIÊU CỦA HỌ LÀ ĐỀ CAO KHOA HỌC, TRUYỀN BÁ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ ĐỂ THAY ĐỔI CHUYỂN HÓA CẢ ÂU CHÂU. Họ cho rằng triết gia là công dân của thế giới, họ đã được huấn luyện để tin tưởng như thế. Giống như Stoic cổ xưa, ông đề cao quyền lợi của nhân loại lên trên quyền lợi của gia tộc và quốc gia. Họ đều như Diderot, tự cho họ là công dân của đô thị vĩ đại trên thế giới.

Rousseau thì cho ông là một nhà ái quốc. Riêng Wieland thì cho rằng, để có một lý tưởng cao thượng, chỉ có con người của thế giới mới có thể là một công dân tốt. Và chỉ có họ mới



xứng đáng được gọi: “NHỮNG CON NGƯỜI ĐÃ LỚN DẬY, SOI SÁNG VÀ TẠO DỰNG NHỮNG NGƯỜI CAO THƯỢNG KHẢ KÍNH CHO TẤT CẢ NHÂN LOẠI. Triết gia là một mẫu mực điển hình đã được nuôi trồng và uốn nắn để thành các học giả khả kính và các nhà khoa học amateurs. Bên cạnh họ còn một đám trí thức hàn lâm như Kant, Lichteaburg, Adam Smith, hoặc những con người của văn chương như Diderot, Lessing và Galiani, đó là những người có học thức lớn lao của các giáo sư đại học.

Franklin, D’Alembert, Maupertuis, Lichteuburg và Bufton khởi đầu là những khoa học gia trước khi được coi là triết gia. Những người khác như Voltaire, người đã nắm lấy chính nghĩa văn minh khoa học. Với tài năng, ông đã làm cho những khám phá của Newton trở nên nổi tiếng lừng lẫy. Họ cư ngụ tại các đô thị nổi tiếng, Franklin ở Philadelphia, Rousseau ở Geneve, Beccaria ở Milan, Dederot ở Paris hoặc Gibbon của Roma.

THỜI ĐẠI ÁNH SÁNG ĐƯỢC COI NHỮNG HOẠT ĐỘNG SAU CÙNG CỦA THỜI PHỤC HƯNG. Thời đại Ánh Sáng có sự hợp tác liên tục của ba thế hệ, kéo dài khoảng 100 năm tức là suốt thế kỷ 18. Với thế hệ đầu tiên được thống trị bởi Montesquieu, sau đó là đến Voltaire; họ đã lớn dậy khi các tác phẩm của John Locke và Newton còn quá mới mẻ và vẫn còn nhiều tranh cãi, và phần lớn đã hoàn thành trước 1750. Thế hệ thứ hai đạt đến sự chín chắn trưởng thành vào giữa thế kỷ 18. Franklin sinh ra vào 1706, Buffalò 1707, Hume 1711, Helvetius vào 1715, và D’Alembert vào 1717. Tất cả những cây viết này đã làm bùng nổ, chuyển ánh lửa cho khuynh hướng chống giáo sĩ và những suy tư khoa học của thế hệ đầu. Thế hệ thứ ba, thế hệ của Thomas Hobbes và Beccaria, của Lesing, của Jefferson, của Wieland, Kant và Turgot. Khuynh hướng và trào lưu này đã chuyển từ sự bí mật của khoa học, siêu hình học, vật lý, kinh tế, chính trị, cải cách pháp lý, và thực hành chính trị.

SỰ HIẾN DÂNG CHO KHOA HỌC VÀ THÁI ĐỘ THÙ HẪN VỚI TÔN GIÁO LÀ ĐẶC TÍNH CỦA THỜI ĐẠI ÁNH

SÁNG. David Hume nhìn Giáo Hội bằng cặp mắt khinh bỉ: “ĐÓ LÀ VƯƠNG QUỐC CỦA SỰ NGU XUẨN VÀ VƯƠNG QUỐC CỦA SỰ VÔ MINH.” Theo Peter Gay, một trong những sự kiện xã hội nổi bật nhất vào thế kỷ 18, là một món quà vô giá do xu hướng ánh sáng đem đến cho các triết gia thời đại — ĐÓ LÀ CUỘC XÂM LẤN VĨ BẢO CỦA CÁC TRIẾT GIA VÔ THẦN VÀO THÀNH TRÌ THẦN HỌC CỦA KITO GIÁO. Những linh mục dòng tên đã chia sẻ những khám phá mới bằng cách lắng nghe các tư tưởng của các nhà khoa học. Những người Cơ Đốc giáo thì ném cái nhìn nghi hoặc về nền tảng đức tin về phép lạ, và bằng một thứ thần học hiện đại. Các giáo sĩ đứng lên khắp nơi để chống lại các triết gia.

SỰ BỘI PHẢN NÀY CỦA GIỚI TU SĨ ĐÃ THẮM NHUẬN QUAN ĐIỂM THẾ TỤC ĐỂ CHẠY THEO THỜI ĐẠI CHỐNG LẠI ĐỨC TIN. Các triết gia đồng thời khám phá ra rằng bạn bè của họ bị ảnh hưởng lôi kéo rất đông. Một ông vua đã nỗ lực truất bỏ đặc quyền tài chánh cho giới tu sĩ; một bá tước bị trục xuất khỏi dòng tên, một nhà kiểm duyệt trở mặt tán trợ khuynh hướng tôn thờ vật chất.

Từ những phát minh của cách mạng khoa học, tâm lý học, kinh tế học, các tư tưởng xã hội, giáo dục và chính trị. Chính những người Kito giáo xưa kia đã từng sùng đạo đã tán trợ tiếp tay cho tình trạng nguy hiểm này của thời đại Ánh Sáng. Đó là những khuôn mặt như Haller, Euler, Harly và Priestly. Khắp nơi như các trường học, các nhà thương, đã hỗ trợ làn sóng mới để hỗ trợ cho chính nghĩa “nhân đạo” của thời đại, tất cả cùng đứng lên chống lại tôn giáo mà họ cho là mê tín dị đoan để ồn ào tuyên dương thời đại. Các triết gia và tư tưởng gia vô thần tấn kích hung hãn vào những dòng thi ca hữu thần của Dante. Họ lên án các cơ cấu phong kiến, rồi dẫn đến sự từ khước các học giả và các nhà siêu hình học là gia sản quý báu nhất của nhóm trí thức vô thần của thế kỷ 18. Thời đại đã tạo ra một lực lượng vô cùng hùng hậu không còn niềm tin tôn giáo, và vô thần, kéo theo họ số đông nhẹ dạ lữ lượt chạy theo sau.

Tất cả các nơi đều có chứng nhà cải cách trong thời đại của Ánh Sáng. Lãnh tụ của Scottish là David Hume, Adam Smith, Adam Ferguson, William Robertson, và Lord Home, họ là những nhà kinh tế, chính trị, các nhà mỹ học, các sử gia, các triết gia và tất cả triết lý đã được thảo luận liên tục ngày đêm tại các thư viện, các hội quán, các tiệm cafe. Khi các nơi đó đã đóng cửa thì họ kéo nhau vào quán rượu. Các cuộc tranh cãi kéo dài bất tận trong nội bộ của các thành phần triết gia - CUỐI CÙNG LÀ PHE DUY VẬT VÔ THẦN ĐÃ TOÀN THẮNG.

Lằn ranh của các trận tấn công đã được vẽ xuống một sự phân chia rõ rệt giữa một thế giới hoàn phàm tục mà các triết gia muốn xây dựng và thế giới còn lại là tôn giáo, một thế giới mà con người không thể nào thỏa hiệp được. Các triết gia bám chặt vào nền văn minh bái vật của họ (Idolatrous civilization) (chữ của Peter Gay). Duyệt xét lại lịch sử của thời đại Ánh Sáng, tác giả cuốn “The Enlightenment” cho rằng: “HÀNH ĐỘNG QUÁ ĐÁNG BIẾN HỌ THÀNH NHỮNG NGƯỜI TRÍ THỨC BẤT LƯƠNG” (intellectual dishonest).

Thật quá rõ ràng các triết gia đã dẫn bước lầm lạc trước trào lưu và những hậu quả tai hại do các luồng tư tưởng của họ đưa ra. Voltaire đã đọc kế ước xã hội của Rousseau và Diderot đã đọc Emile của Rousseau. Tại đây là HAI NGƯỜI THÔNG MINH NHẤT CỦA THẾ KỶ đối mặt nhau với hai tác phẩm có tính cách tiên tri, đó là những cuốn sách đã được tung ra khắp thế giới và các tư tưởng của các triết gia đã được đón nhận, từ đó đưa họ đến chỗ tự nhận đây “cuộc cách mạng trí thức (intellectual revolution), đưa thời kỳ Ánh Sáng đến thời điểm là XÓA BỎ ĐẲNG CẤP CŨNG NHƯ XÓA BỎ LUÔN THIÊN CHÚA.”

Những con người sống trong thời đại tự do, các triết gia rất yêu thích tìm kiếm các giá trị thượng cổ. Họ như các nhà cải cách, họ không ngần ngại khai thác những giá trị cổ xưa mà họ yêu thích - các triết gia chia quá khứ thành hai phần; một phần họ rất thích và phần còn lại là Kito giáo thì họ rất thù ghét. HỌ TUYÊN BỐ RẰNG HỌ CÓ NHIỆM VỤ ĐỂ XÓA TAN

ĐI SỰ HEP HÒI VÀ MÊ TÍN DỊ ĐOAN, ĐÓ LÀ NHIỆM VỤ LỊCH SỬ CỦA HỌ. HỌ NHÌN VÀO CÁC TÀI LIỆU LỊCH SỬ CỦA KITO GIÁO VÀ CHO RẰNG THỜI ĐẠI CỦA HỌ, CẦN CÓ SỰ SỬA SAI, BỞI VÌ TÔN GIÁO QUÁ KHÍCH. Họ tâng bốc hết lời Newton và các nhà phát minh ra khoa học.

Các triết gia tự cho họ cái quyền để tiếp nối các cuộc tranh đấu trong lịch sử giữa lý trí và phi lý trí. Trận chiến đã mất trong quá khứ và ngày nay cần tiếp nối để đưa đến sự thành công. Những viết lách lịch sử không chỉ đưa đến sự phản bác, mà dạy con người sự hiểu biết. Họ cho rằng HỌ MỚI LÀ LỊCH SỬ CHÂN CHÍNH. Với những đam mê lịch sử, nhưng họ nhìn quá khứ quá tồi tệ. LỊCH SỬ GHI LẠI CHỈ LÀ TỘI ÁC VÀ GIAN TRÁ. DIDEROT GỌI TÔN GIÁO LÀ NHỮNG KẼ ĐỘC TÀI MÊ TÍN (supertition tyrants). David Hume trong cái nhìn tổng quát, BỌN MAN RỢ VÀ TÔN GIÁO ĐÃ THỐNG TRỊ QUÁ KHỨ.

Thời đại của Ánh Sáng đã nhìn thấy một thế giới luôn luôn đưa ra giữa những kẻ quên mình, và những kẻ thù mê tín bằng xương bằng thịt, và những con người đã quyết đoán trong cuộc sống, với một hệ thống kiến thức và tấm lòng bao dung, giữa những người tạo ra sự thần bí âm u và những con người thực tế, thực tiễn, và giữa giáo sĩ và triết gia.

Peter Gay đưa ra nhận xét: sự xung đột này giữa những cách sống không thể hòa hợp, hòa giải với nhau được về quan niệm cuộc sống, về tư tưởng và lối cảm nhận. Mỗi thời đại có lối thống trị khác nhau, hoặc lý trí, hay mê tín dị đoan, nhưng các triết gia nhấn mạnh rằng sự thống trị này thực ra chỉ tạm thời, Có những chu kỳ có sự pha trộn giữa lý trí và mê tín và làm cho bóng tối vây phủ. Trong những thời đại cuồng loạn nhất có các triết gia thời đại, đó là những thời đại rực rỡ của lý trí và sự tự do nhưng rồi bị nhiễm độc bởi sự vương vất của sự già cỗi tàn tạ, hoặc là những hạt mầm của mê tín dị đoan. Vì thế Voltaire mới nói: “THỜI ĐẠI CỦA ÔNG LÀ THỜI ĐẠI CỦA CÁC TRIẾT LÝ,” và cũng là “THỜI ĐẠI CỦA MÊ TÍN DỊ ĐOAN” của thế kỷ 18.

Kant cho rằng đây là SỰ XUNG ĐỘT GIỮA TƯ TƯỞNG CỦA HY LẠP VÀ LA MÃ và LÀ NGUỒN GỐC CỦA THẨM HOẠ VÀ TIẾN BỘ. Quan niệm lịch sử của thời Ánh Sáng được mô tả như một cuộc chiến đấu liên tục giữa hai đối cực tinh thần. Các triết gia đã chia quá khứ thành bốn chu kỳ lớn gồm có những dòng văn minh CẬN ĐÔNG, CỔ ĐẠI HY LẠP, VÀ ROMA, VÀ HAI NGÀN NĂM KITO GIÁO. Bốn chu kỳ này đều có liên quan với nhau. Thời đầu tiên và thời thứ ba là những thời đại của thần bí của tín ngưỡng và của mê tín dị đoan, Trong lúc thời kỳ thứ hai và thứ tư là những thời đại của lý trí, khoa học và ánh sáng.

Họ cũng kêu gọi chú tâm tới sự phát triển trí tuệ của các nền văn minh Đông Phương với các nhà hiền triết Đông Phương (Oriental Sagacity) như Ấn Độ và Trung Hoa. Các triết gia viết về sự phát triển trí tuệ của con người, đó là sự chỗi dậy từ huyền thoại khi tìm về với thế giới thượng cổ mà con người đang sống với tất cả thảm họa dưới sự suy tàn bại vong của Kito giáo, và chờ ngày vinh quang của sự tái sinh .

Hume đã viết, “ÂU CHÂU LẠI RƠI VÀO THỜI KỲ MAN RỢ NHƯ THỬA BAN ĐẦU, NHƯNG CON NGƯỜI ÂU CHÂU NGÀY NAY QUÁ SÁNG SUỐT, HỌ ĐÃ TỪNG SỐNG NHIỀU THẾ KỶ QUA TRONG VÒNG SỰ NGU ĐỐT TẮM TỐI QUÁ LÂU.” D’ Alembert thì có giọng “văn chương tái tạo” xuất hiện tự trong lòng của sự ngu dốt, sáng tạo nên những tư tưởng mới trở về với tỷ trí với những hương vị tuyệt vời, “phục hoạt lại những giá trị tinh thần” và làm cho cuộc đời bừng dậy một ánh sáng — tất cả đang chờ đợi cái giây phút khi một ánh sáng mới sẽ được khơi dậy để làm cho thế giới này sống lại trong một nền văn minh của tự do.

Nhưng Hegel đã viết ra một số trang rất chín chắn trong cuốn Phenomenology của ông, ông phê phán các triết gia: “CHỈ THẤY XUẤT HIỆN TRÊN BỀ MẶT MỘT HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG ĐỂ TỪ ĐÓ BƯỚC VÀO NHỮNG XUNG ĐỘT VỚI TÍN NGƯỠNG.” Thời đại Ánh Sáng đã cư xử đối đãi với tôn giáo như một thứ mê tín tối tăm và lầm lạc trong việc

tổ chức. SỰ THỜ LẠY CỦA DÂN ĐƯỢC CHỌN VÀ CHỈ BIẾT NHẢM VÀO SỰ PHỤC TÙNG CÁC THÁNH NHÂN. Những điều như thế chỉ có thể VƯỢT QUA BẰNG BẠO LỰC. Peter Gay đã ghi nhận rằng, CÁC HỌC GIẢ CÓ THỂ NHÌN NGÀN NĂM CỦA KITO GIÁO MỘT CÁCH CÔNG BÌNH CHỈ KHI NÀO NHỮNG CON NGƯỜI CHÊ BAI CHỈ TRÍCH ĐÃ GIẢI THOÁT ĐƯỢC CHÍNH HỌ TỪ CÁI NHÌN NHIỀU THIÊN KIẾN BẤT CÔNG CỦA HỌ.

Peter Gay còn khám phá thấy, các triết gia thời đại đã vượt cả lịch sử biên niên, tra cứu không ngừng các tài liệu thiêng liêng, và đã áp đặt tính cách duy lý trí trên đó, với những phương pháp khi nghiên cứu về xã hội chính trị, và những phát triển trí thức; điều rất nghịch lý là ngay các sử gia thời đại Ánh Sáng, các nhà duy lý trí sống với cảm tính rất nhiều, bám chặt vào mục tiêu của họ, rất cầu thả về những chi tiết, hấp tấp phê phán gán ghép một cách bất công một tính chất nào đó, thiếu hẳn sự cảm thông, mất hết lý trí, đầy óc bè phái, tồi tệ xấu xa khi đi khám phá các giá trị của lịch sử.

Bởi vì tất cả những phán xét sai lầm và với tất cả thành kiến. Điều đòi hỏi ở nơi họ - khi họ đã bước qua những bước đầu, là giá trị gì để làm nền tảng và mẫu mực khi họ muốn nghiên cứu về lịch sử một cách khoa học. TẤT CẢ ĐỀU ĐI QUÁ ĐÀ VÀI THIẾU PHƯƠNG PHÁP VÀ QUAN NIỆM CHÍNH CHẮN KHI PHÊ BÌNH, CHỈ TRÍCH VÀ NGHIÊN CỨU.

## Ý NGHĨA VÀ TINH THẦN

Những con người tạo ra thời kỳ Ánh Sáng vượt lên trên tất cả người khác trong thời đại của họ. Những dòng văn chương cổ xưa vào thời Ánh Sáng do tầng lớp trí thức mới có được. Những nghiên cứu học hỏi của họ vào thời xa xưa mang nhiều đặc tính chính trị. Samuel đã nói về những dòng văn chương của nền cộng hòa cổ xưa như một chứng minh cụ thể về một

cộng đồng của trí tuệ Với những trích dẫn của thời cổ xưa, ông nói, “đó là vai trò của người trí thức trên khắp thế giới.”

Voltaire nhấn mạnh trong cuốn sách viết về nước Anh với những thành viên trong nghị viện, đã thích thú so sánh với chính họ như những người CỘNG HÒA CỦA LA MÃ. D’Argenson cho rằng: “những người Anh đã cho rằng họ đã nắm được cấu trúc của chính quyền La Mã với tất cả những gì tốt đẹp nhất và đã điều chỉnh lại những lỗi lầm, nhưng theo Peter Gay, họ đã bỏ mất quan niệm của Stoic về sự hòa đồng hợp nhất của thế giới. Và vì không có niềm tin tôn giáo nên đã loại thần học Kito giáo ra khỏi tín ngưỡng của họ. Vì thế Voltaire mới riếu cột Cơ Đốc Giáo: “tư tưởng lạ lùng quá, phải cho vào một nồi nước để rửa sạch mọi tội lỗi - phải tẩy rửa như giặt quần áo vậy.”

Các triết gia đọc Socrates, Plato, Zeno và muốn vượt qua tất cả, Trong lúc họ muốn tổng hợp minh triết và văn minh của Hy Lạp. Họ kêu gọi tìm về với thượng cổ để tìm kiếm khuôn vàng thước ngọc. Họ tôn thờ mẫu người thừa xưa khi nhìn vào đời sống của Caesar, Brutus, Pelopidas và Crato như những mẫu mực của La Mã, Diderot cho Socrates và Seneca là lương tâm của đám đông, Holbach khi viết về Seneca đã không hề chú ý tới đạo đức của Seneca. Riêng người tuổi trẻ Holbach đã nói với bạn ông. “tôi đi săn, đi câu cá, đi bắn, tôi bước đi suốt ngày mà vẫn không quên chuyện trò, đối thoại với Horace, Vergil, Homer và tất cả các bạn bè cao thượng họ”. Cuối đời Holbach đi tuyên truyền cho chủ nghĩa vô thần và duy vật.

## SỰ TÌM KIẾM VỀ NGOẠI GIÁO

Đối với phần lớn các triết gia, sự khám phá các giá trị của tổ tiên không khó khăn gì. Họ có những câu hỏi đầy xao xuyến về con người hiện sinh (existentialists). “Tại sao mọi sự lại hiện hữu?” Kinh nghiệm biện chứng của họ - dính liền với niềm tôn kính thừa xưa, và thù ghét Kito giáo. Và sự xuất đầu lộ diện của thời hiện đại được định nghĩa về cơn khủng hoảng lớn lao về căn tính của con người. Sau chót phần lớn các cuộc

tấn công dữ dội của họ được rêu rao trong thời đại Ánh Sáng đã được điều hướng để chống lại Kito giáo; chống Kito giáo trong tất cả mọi phương diện, chống lại các cơ cấu tôn giáo, đạo đức Kito giáo, và chống cả quan điểm của Kito giáo về con người, nhưng chính các triết gia đã từng sinh ra từ thế giới Kito giáo và vẫn giữ mối liên lạc với các bạn bè Kito giáo. Đó là điều không thể tránh những xung đột họ muốn tạo ra những điều mới mẻ.

Peter Gay cho rằng gia sản Kito giáo nhiều khi vẫn là sức nặng đè trên đời sống của họ, Kito giáo đã bao trùm thống ngự cả tuổi thơ của họ, những dạy dỗ uốn nắn của Kito giáo nhiều năm đã thành những ấn dấu, được củng cố với những lời cảnh báo và những hứa hẹn. KITO GIÁO KHÔNG NẮM GIỮ ĐƯỢC TÀI NĂNG TRÍ THỨC CỦA HỌ. nhưng vẫn thường xuyên ám ảnh họ. Khi họ quay ra để chống tôn giáo họ đã làm như vậy không phải vì sự ngu dốt.

Herman Samuel Reimarus đã từng cảm thấy đau đớn bởi KHÔNG THỂ NÀO HÒA GIẢI ĐƯỢC SỰ MÂU THUẤN GIỮA NHỮNG LẬP LUẬN CỦA LÝ TRÍ VÀ NHỮNG ĐÒI HỎI CỦA ĐỨC TIN. Nếu Thiên Chúa muốn dạy nhân loại qua cuốn Thánh Kinh, tại sao Thiên Chúa lại làm cho nó tăm tối như thế? Nếu thực sự Thiên Chúa là Một trong Ba Ngôi, làm sao có thể thế được; Reimarus không bao giờ tưởng tượng được Ba Ngôi trong một hình ảnh gắn liền với nhau. Nếu tất cả những ai bị trừng phạt, bị trừng phạt muôn đời, tại sao Kito giáo lại đòi hỏi sự dâng hiến để nghĩ về họ như Thiên Chúa của tình yêu, và Chúa Jesus là người mang đến sự chuộc tội? Làm sao Thiên Chúa có thể chọn dân Do Thái đứng trên các quốc gia khác, khi họ chẳng xứng đáng, quá bướng bỉnh với tội lỗi của họ.

Diderot, một tinh thần phát minh nhất, đã đi từ vị trí này qua vị trí khác và nổi nghi ngờ lúc nào cũng quấy nhiễu ông. Ông sinh từ một gia đình đã cung cấp cho Giáo Hội nhiều tu sĩ, cha mẹ là người sùng đạo, cùng với các anh em sùng tín. Khi ông chấp nhận cái đẹp của vô thần, rồi thần luận Hy Lạp, bước qua



chủ nghĩa hoài nghi, và cuối cùng dừng bước với cá nhân chủ nghĩa vô thần (individualistic a theism).

David Hume thì nói: “khi tôi quay cái nhìn vào bên trong tôi (tức thế giới nội tâm), tôi chẳng thấy gì cả và chỉ thấy hoài nghi và tăm tối.

## **BƯỚC ĐẦU TIÊN CỦA ÁNH SÁNG**

Đối với các triết gia, thời cổ đại Hy Lạp, theo họ là những con người đầu tiên đã giải phóng con người thoát khỏi sự độc đoán của huyền thoại, và được thả ra nhẹ nhàng với bầu không khí của lý trí, để cạnh tranh với toán học của Babylon và thần học Do Thái. Vào thế kỷ 18, khi các triết gia đã hoàn tất xong chủ đề lịch sử, họ đã tuyên bố với sự liên hệ ruột thịt với thế giới cổ đại đó, họ đã đạt được sự tiến bộ và chống lại thật sâu xa với tinh thần Kito giáo. Sự đề cao tâng bốc về Hy Lạp đã đi ngược lại với truyền thống Kito giáo. Từ đó đã chuyển đổi sự chú tâm của con người từ Do Thái qua tới Hy Lạp. Họ đã làm cho những người Hy Lạp bước đến vị trí thành cha đẻ ra một nền văn minh chân chính và là tổ phụ của thời đại Ánh Sáng. Từ đó đã làm lộn nhào nền móng lịch sử do Kito giáo để lại bằng cách nhìn con người trong quá khứ như một con người phàm tục, không có gì thiêng liêng. Bước khởi nguyên của Hy Lạp có nghĩa là bắt đầu của triết lý, và triết lý đó đã làm cho tôn giáo thành vô nghĩa, vì triết lý biết ưu tư về con người.

Diderot đã hết lời tán tụng tâng bốc Thales như là người sáng tạo ra phương pháp khoa học trong triết lý. Những người kế tiếp Thales đã mở rộng phạm vi tìm kiếm với tất cả ưu tư về con người. Và những dòng suy tư đó được gom góp lại thành một kiến thức lớn lao. Đó là những con người đã đem đến để cống hiến văn minh cho nhân loại với bao sự biết ơn của hậu thế.

Hy Lạp là nơi đầu tiên đến với môn học là luận lý và những quan niệm trần tục để chỉ trích lịch sử, và những tâm tư bấn loạn đã dẫn đến việc xử dụng lý trí để nghiên cứu về con người thiên nhiên. Các triết gia Hy Lạp rút luân lý đạo đức từ giá trị

căn bản nơi con người hơn là từ Thiên Chúa. Hume thì cho rằng đó là “sự chỗi dậy của khoa học Hy Lạp.” Với Abbe Y Von thì đã giải thích trong bách khoa là những người Hy Lạp đã phát minh ra triết lý và triết lý thách đố với tất cả mọi loại quyền hành, và tìm kiếm chân lý.

**( còn tiếp)**

**\*CHÂN NGÔN**

*" Nuôi tâm sinh thiên tài.*

*Nuôi óc sinh nhân tài.*

*Nuôi thân sinh nô tài."*

X. Y. Thái Dịch Lữ Đông A.

**\*ĐÔI DÒNG SUY TƯ:**

- W.Wolfe: *“Nếu rượt đuổi theo hạnh phúc, bạn sẽ không bao giờ gặp được nó”*.

- F.H. Bradley: *“Bí quyết hạnh phúc là chiêm ngưỡng mà không ham muốn.”*

- John Mason Good: *“Hạnh phúc vốn có từ hoạt động. Nó là dòng suối chảy, chứ không phải ao nước tù đọng.”*

- D. Nielson: *“Hạnh phúc cộng thêm và nhân lên, khi ta đem chia nó cho người khác.”*

- Robert Intersoll: *“Con đường đạt tới hạnh phúc là làm cho người khác hạnh phúc.”*

- Lord Byron: *“Có được niềm vui ta đem chia sẻ, hạnh phúc sẽ tăng gấp đôi.”*

- Helen Keller: *“Những gì tốt đẹp nhất trong đời không thể được nhìn thấy hay nghe thấy, nhưng phải được cảm thấy bằng trái tim.”*

- James Oppenheim: *“ Kẻ dại đi tìm hạnh phúc nơi xa, người khôn vun trồng nó ngay dưới chân mình”*.

*Duy-Hòa sưu tầm*



# NORTH JACKSON DENTAL GROUP

NGUYỄN HỮU TUỜNG, D.D.S. & TÔ MỸ HUỆ, D.D.S



**Tel. 408. 923. 8272**

125 N. Jackson Ave, Ste 104 San Jose, CA 95116

(Cạnh Alexian Brothers Hospital, giữa Alum Rock Ave và McKee Ave.)

- Tốt nghiệp bác sĩ Nha khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
- Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.
- Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại.
- Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc nha khoa toàn diện.
- Được giải thưởng về "Need, character, and scholarship"
- Tẩy trắng răng (In Office Bleaching) tại chỗ, hiệu quả nhanh chóng
- Có máy Laser trị ê răng rất hiệu quả và trám răng không cần gây tê.
- Có máy Digital X-Ray, chụp bằng computer, giảm tia quang tuyến
- Có Intra Oral, chụp hình màu trong miệng thấy rõ những gì cần phải làm
- Niềng răng bằng Invisalign trong suốt không cần đeo Braces
- Làm răng giả loại mềm (Flexible Denture) không thấy kim loại
- Có máy CEREC, làm Crown tại chỗ, chỉ trong 1 lần hẹn

## GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Bảy

9AM - 6 PM



**TẬP SAN THẾ ĐẠO**  
3076 Oakbridge Dr  
San Jose, CA 95121-1716  
Điện thoại : 408-238-6547  
Fax 408-440-1372